

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN



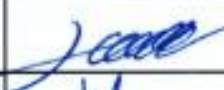

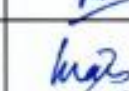




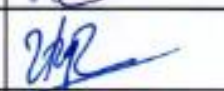
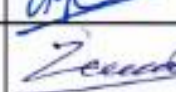





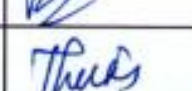
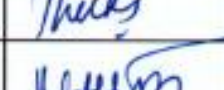
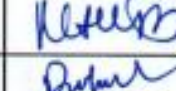
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận kết quả đánh giá
chất lượng chương trình đào tạo)

Hà Nội - 2020

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

(Kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 8 năm 2019
 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	CHỮ KÝ
1	Đào Văn Hùng	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện	Chủ tịch	
2	Nguyễn Thế Vinh	P.Giám đốc Học viện	Phó Chủ tịch	
3	Vũ Thị Minh Luận	Trưởng Khoa QTKD	Phó Chủ tịch thường trực	
4	Lê Minh Vân	Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCL	Thư ký	
5	Lê Hồng Quân	Chủ tịch công đoàn Học viện, Trưởng P.TCHC	Ủy viên	
6	Vũ Đình Hòa	Bí thư đoàn thanh niên, P.Trưởng khoa QTKD	Ủy viên thường trực	
7	Đặng Thị Quỳnh Trang	Giảng viên khoa QTKN	Ủy viên	
8	Nguyễn Tiến Hùng	Trưởng phòng CT&CTSV	Ủy viên	
9	Chu Thị Ngọc Trâm	Kê toán trưởng	Ủy viên	
10	Nguyễn Thế Hùng	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên	
11	Nguyễn Thị Đông	P.Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên	
12	Võ Xuân Hoài	Phụ trách phòng KHHT	Ủy viên	
13	Ngô Minh Thuận	P.Trưởng bộ môn Triết	Ủy viên	
14	Nguyễn Như Hà	Trưởng bộ môn Luật KT	Ủy viên	
15	Phạm Thị Diệu Linh	P.Trưởng bộ môn NN	Ủy viên	
16	Đàm Thanh Tú	P.Trưởng bộ môn toán	Ủy viên	
17	Trần Đỗ Hiền Linh	Sinh viên K7 chuyên ngành QTDN	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 17 người).

MỤC LỤC

PHẦN 1: KHÁI QUÁT	1
1.1. Đặt vấn đề	1
1.2. Tổng quan chung.....	7
PHẦN 2: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ... 14	
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	14
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	23
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	33
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học.....	43
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	55
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	79
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	102
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	116
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	133
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	145
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	161
PHẦN 3. KẾT LUẬN.....	177
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy	177
3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng.....	180
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	183
3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT	185
PHẦN 4. PHỤ LỤC.....	-1-

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
CDR	Chuẩn đầu ra
CS&PT	Chính sách và phát triển
CSVC	Cơ sở vật chất
CT&CTSV	Chính trị và công tác sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cổ vấn học tập
QTKD	Quản trị kinh doanh
QTDN	Quản trị doanh nghiệp
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐGN	Đánh giá ngoài
ĐH	Đại học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
GV	Giáo viên
HTQT	Hợp tác quốc tế
KHCN	Khoa học công nghệ
KQĐG	Kết quả đánh giá
KQHT	Kết quả học tập
KT&ĐBCL	Khảo thí và đảm bảo chất lượng
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NXB	Nhà xuất bản
QLĐT	Quản lý đào tạo
SV	Sinh viên
TC-HC	Tổ chức hành chính
TĐG	Tự đánh giá

DANH MỤC BẢNG VÀ SƠ ĐỒ

Bảng 1.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức Học viện Chính sách và Phát triển

Bảng 3.1. Ma trận tích hợp các phương pháp giảng dạy đáp ứng CDR

Bảng 6.1. Tỷ lệ giảng viên/người học của Khoa Quản trị kinh doanh giai đoạn 2015 - 2019

Bảng 6.2. Định mức giờ NCKH đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển

Bảng 6.3. Khối lượng giờ dạy và giờ nghiên cứu khoa học bình quân/1GV/ năm của giảng viên khoa Quản trị kinh doanh

Bảng 6.4. Thống kê về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa Quản trị kinh doanh giai đoạn 2015 - 2019

Bảng 7.1. Khảo sát về khả năng hỗ trợ sinh viên của đội ngũ nhân viên (mức độ hoàn toàn đồng ý)

Bảng 7.2. Bảng khảo sát về khả năng hỗ trợ giảng viên của đội ngũ nhân viên (mức độ hoàn toàn đồng ý)

Bảng 8.1. Kết quả tuyển sinh ngành QTKD

Bảng 8.2. Thống kê tình hình tuyển sinh giai đoạn của ngành QTKD

Bảng 8.3. Tình hình sinh viên ngành QTKD thôi học qua các năm học, giai đoạn 2015 - 2019

Bảng 8.4. Thống kê tình hình sinh viên tốt nghiệp và được hỗ trợ giới thiệu có việc làm trong 5 năm 2015 - 2019

Bảng 11.1a: Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành QTKD với ngành Kinh tế giai đoạn 2014 – 2019

Bảng 11.1b: Đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học của sinh viên ngành QTKD với ngành Kinh tế giai đoạn 2014 – 2019

Bảng 11.3: Đối sánh tỷ lệ % sinh viên có việc làm sau 6 tháng và 12 tháng tốt nghiệp của Ngành QTKD, ngành Kinh tế và Ngành Kinh tế quốc tế

Bảng 11.4: Đối sánh hoạt động NCKH của sinh viên ngành QTKD và ngành Kinh tế tại Học viện Chính sách và Phát triển

PHẦN 1. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Học viện Chính sách và Phát triển được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) cho phép đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) theo Quyết định số 2672/QĐ- BGDĐT ngày 24/07/2012. Theo đó, Học viện đã tiến hành xây dựng CTĐT ngành QTKD từ năm 2012. Mục tiêu đào tạo của ngành là đào tạo cử nhân đại học ngành QTKD có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu quản lý và kinh doanh; có khả năng thích ứng nhanh với các nhiệm vụ cụ thể của doanh nghiệp trong bối cảnh liên kết chuỗi giá trị toàn cầu. Trong giai đoạn 2012-2019, ngành QTKD đã tuyển sinh được 08 khóa, trong đó có 04 khóa đã tốt nghiệp (từ khóa 3 đến khóa 6). Thông qua CTĐT này, Học viện đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, sinh viên ra trường có thể làm tốt trong khu vực doanh nghiệp, và một số tổ chức, cơ quan uy tín. Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập yêu cầu đặt ra đối với các trường đại học là phải tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, Học viện triển khai tự đánh giá các CTĐT, trong đó có CTĐT trình độ đại học ngành QTKD.

Báo cáo TĐG CTĐT với kết cấu gồm 04 phần: Phần I. Khái quát, nêu tóm tắt về Học viện, về Khoa QTKD, về báo cáo TĐG; Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục (1) Mô tả, (2) Điểm mạnh, (3) Điểm tồn tại, (4) Kế hoạch hành động, (5) Tự đánh giá; Phần III: Kết luận, tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại, kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT; Phần IV: Phụ lục. Nội dung của báo cáo tập trung TĐG 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí, được khái quát như sau:

- Về mục tiêu, CDR của CTĐT: Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện Chính sách và

Phát triển, phù hợp với mục tiêu của giáo dục Đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

- Về đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên của Khoa QTKD được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau, tham gia hợp tác doanh nghiệp trong nghiên cứu ứng dụng, triển khai. Quá trình tuyển dụng, đề bạt cán bộ giảng viên được thực hiện công khai, đúng quy định; dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của giảng viên. Bên cạnh đó, công tác quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên được triển khai đồng bộ nhằm tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng. giảng viên tham gia giảng dạy, nghiên cứu các CTĐT ngành QTKD bao gồm 10 giảng viên cơ hữu ngành, giảng viên cơ hữu giáo dục đại cương và đội ngũ giảng viên thỉnh giảng. Chất lượng của đội ngũ giảng viên được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch giảng viên, tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, năng lực của đội ngũ giảng viên, kế hoạch phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, đánh giá kết quả công việc của giảng viên, kết quả các hoạt động nghiên cứu của giảng viên.

- Về bản mô tả CTĐT: Bản mô tả CTĐT ngành QTKD được xây dựng trên cơ sở CTĐT ban hành từ năm 2018 theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Học viện, của Khoa, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu

nhân lực cho các tổ chức. Bản mô tả CTĐT ngành QTKD cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá học phần.

- Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học: Chương trình dạy học ngành QTKD được cấu trúc hợp lý và hệ thống; tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Học viện với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, chuẩn thái độ; đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá sinh viên được sử dụng nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTDH và các CĐR của từng học phần. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTDH ngành QTKD liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTDH tổng thể.

- Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học: Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Học viện và của ngành QTKD được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

- Về đánh giá KQHT của người học: Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục Đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Học viện và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học của ngành QTKD được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CĐR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về

đánh giá KQHT của người học đều được thông báo công khai tới người học thông qua Sổ tay sinh viên lúc mới nhập học và trong quá trình học. Trước khi bắt đầu học mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. KQĐG được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

- Về đội ngũ nhân viên: Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Học viện Chính sách và Phát triển luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Học viện đã thực hiện tốt công tác phát triển đội ngũ nhân viên. Chất lượng của đội ngũ nhân viên được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch nhân viên; qua quá trình tuyển dụng nhân viên với các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn rõ ràng, minh bạch; qua năng lực của đội ngũ nhân viên; qua các kế hoạch đào tạo phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhân viên và qua quá trình đánh giá kết quả công việc của đội ngũ nhân viên.

- Về người học và hoạt động hỗ trợ người học: Tất cả các hoạt động của Học viện đều hướng đến mục tiêu hỗ trợ người học phát huy tối đa năng lực bản thân trong học tập và NCKH. Để giúp người học tham gia quá trình đào tạo, Học viện đã có các đơn vị chức năng như Phòng QLĐT, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Trung tâm hỗ trợ đào tạo, đội ngũ cố vấn học tập, các câu lạc bộ. Trong các năm qua, Học viện Chính sách và Phát triển, khoa QTKD đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ và rèn luyện của người học một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh tiện ích, từ đó

nâng chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo chung của Học viện.

- Hiện nay Học viện đã đầu tư xây dựng được hệ thống CSVC, trang thiết bị khá đầy đủ, sử dụng có hiệu quả, phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu bao gồm: (1) Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phù hợp với các trang thiết bị đảm bảo cho việc dạy và học; (2) Hệ thống thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật; (3) Hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và sử dụng hiệu quả; (4) Hệ thống công nghệ thông tin ngày càng được nâng cấp; (5) Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai hợp lý.

- Về nâng cao chất lượng: Học viện Chính sách và Phát triển và khoa QTKD đang từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng đào tạo. Cụ thể, tiến hành rà soát, CTDH, CTĐT, rà soát nội dung giảng dạy, phương pháp dạy - học... các công tác này được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, nhà khoa học, chuyên gia) qua đó giúp Khoa có cơ sở thiết kế và phát triển CTDH hiệu quả. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, các kết quả từ việc dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan thúc đẩy việc cải tiến chất lượng đào tạo.

- Về kết quả đầu ra: Nhằm đảm bảo chất lượng của các CTĐT, việc định kỳ đánh giá kết quả đầu ra được xem là một trong số những cách thức quan trọng. Những vấn đề mà Học viện quan tâm khi tiến hành đánh giá về kết quả đầu ra bao gồm tỉ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, NCKH của sinh viên và mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Mã hóa minh chứng: Đối với từng tiêu chí trong tiêu chuẩn, nội dung mô tả có MC kèm theo. MC được mã hóa theo cách thức Hn.ab.cd.ef, trong đó: H là hộp MC, n là số thứ tự hộp MC, ab là số thứ tự tiêu chuẩn, cd là số thứ tự tiêu chí, ef là số thứ tự của MC trong tiêu chí. Ví dụ, H01.01.02.11 nghĩa là minh chứng đó thuộc Hộp minh chứng thứ nhất của tiêu chuẩn 01 phục vụ cho tiêu chí thứ 2 và đây là minh chứng thứ 11.

Mục đích tự đánh giá: giúp Khoa, Học viện tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo hiệu quả hơn; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa và Học viện trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã xác định; tạo điều kiện cần thiết để Học viện đăng ký đánh giá ngoài.

Quy trình tự đánh giá:*Bước 1.* Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành QTKD trình độ ĐH →*Bước 2.* Lập kế hoạch TĐG →*Bước 3.* Họp Hội đồng TĐG, ban thư ký, nhóm công tác để triển khai và phân công →*Bước 4.* Triển khai viết báo cáo TĐG (phân tích nội hàm yêu cầu tiêu chí, thu thập số liệu thông tin MC, viết phiếu đánh giá tiêu chí, tổng hợp báo cáo TĐG) →*Bước 5.* Họp Hội đồng thông qua báo cáo TĐG và công bố toàn Học viện.

Phương pháp tự đánh giá: dùng phương pháp SWOT, mỗi tiêu chí được viết theo trình tự: Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những tồn tại từ đó đưa ra kế hoạch hành động phù hợp và khả thi.

Công cụ tự đánh giá: Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục Đại học của Bộ GD&ĐT ban hành tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 và các văn bản hướng dẫn khác của Cục Quản lý chất lượng.

Phạm vi đánh giá: TĐG CTĐT trình độ ĐH ngành QTKD giai đoạn từ tháng 1/2015 đến tháng 12/2019.

Học viện đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-HVCSPT về TĐG CTĐT trình độ ĐH ngành QTKD và Quyết định số 670/QĐ-HVCSPT về việc thành lập Hội đồng TĐG. Học viện đã tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Để triển khai TĐG, Trường khoa tiến hành họp Khoa phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: Thu thập, phân loại, mã hóa MC; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG; sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Học viện cung cấp số liệu thông tin MC cần thiết cho Khoa.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Khái quát về Học viện Chính sách và Phát triển

Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập theo Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ, là trường Đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục đại học quốc dân. Về tổ chức, Học viện trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư – cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tham mưu đề xuất các chính sách kinh tế vĩ mô và thống kê.

- Tên bằng tiếng Anh: Academy of Policy and Development

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: HCP

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: APD

- Cơ quan Bộ chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.

+ Cơ sở 2: Tòa nhà D25 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.

- Số điện thoại: (024) 37473186; Fax:(024) 37475217.

- Website: <http://apd.edu.vn>

TẦM NHÌN: Đến năm 2030, Học viện trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu đạt chuẩn quốc gia về chất lượng, nằm trong nhóm các trường đại học có uy tín ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á; trở thành trung tâm nghiên cứu có uy tín trong nước và khu vực.

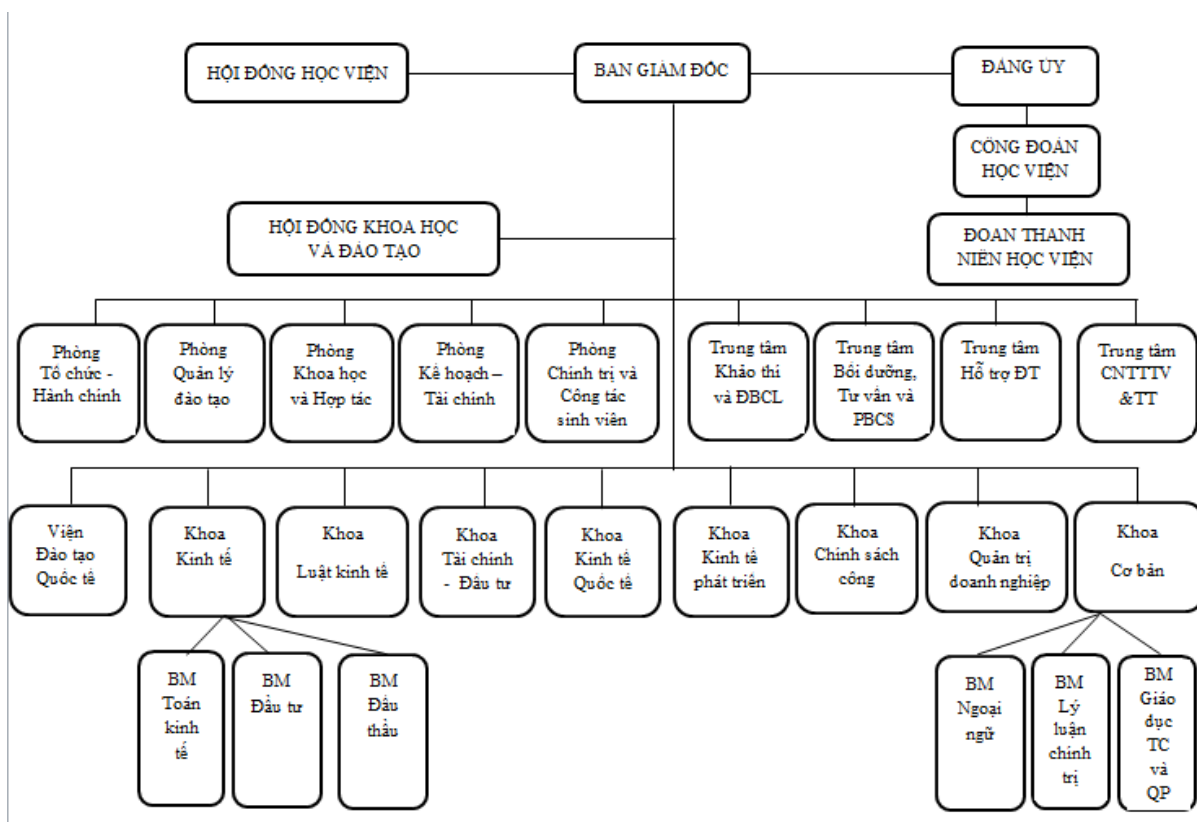
SỨ MỆNH: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, thạc sỹ, tiến sỹ về chính sách công, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI: Chất lượng – Minh bạch – Trí tuệ và Phát triển.

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC: Chất lượng, Phát triển bền vững và Hội nhập quốc tế

Về cơ cấu tổ chức: hiện nay cơ cấu tổ chức của Học viện gồm: Đảng bộ Học viện; Các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên); Ban Giám đốc; Hội đồng Khoa học và Đào tạo; 08 đơn vị chức năng giúp Giám đốc Học viện thực hiện hoạt động quản lý và 15 đơn vị đào tạo gồm 01 Viện Đào tạo Quốc tế, 07 khoa chuyên ngành, 01 khoa cơ bản và 06 bộ môn (Sơ đồ 1.1). Tổng số cán bộ, giảng viên của Học viện tính tại thời điểm 31/11/2019 là 124 người, trong đó có 78 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 61,3% tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu toàn Học viện. Cơ cấu gồm 04 người là Phó Giáo sư, 23 người là Tiến sĩ (không kể PGS), 54 người là Thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên (không kể PGS) trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 22,3%. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 71,1%. Học viện chưa thành lập Hội đồng Học viện.

Bảng 1.1. Cơ cấu tổ chức Học viện Chính sách và Phát triển



Các hoạt động chính: (1) Đào tạo đại học và sau đại học; (2) Hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế (nghiên cứu các lĩnh vực chính là Kinh tế vĩ mô, quy hoạch phát triển, quản lý chính sách và đầu tư tài chính); (3) Tư vấn, chính sách; (4) Đào tạo và bồi dưỡng.

(1) Đào tạo đại học và sau đại học

Hiện nay, Học viện đang đào tạo 07 ngành trình độ đại học, 04 ngành trình độ Thạc sĩ với quy mô trên 3.000 sinh viên, học viên cao học.

Đối với đào tạo đại học Học viện có 17 theo chương trình đào tạo hệ chuẩn (hệ đại trà) và 04 CTĐT chất lượng cao. Việc tuyển sinh đầu vào được thực hiện theo Quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với đào tạo sau đại học, Học viện đang triển khai 04 CTĐT thạc sĩ trong nước (Chính sách công, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế

phát triển) và 01 CTĐT liên kết Kinh tế quản lý công với trường Đại học Rent của Pháp).

(2) Hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế

Hoạt động NCKH tại Học viện Chính sách và Phát triển bao gồm các hoạt động về nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách tập trung các lĩnh vực: Chính sách phát triển, kinh tế vĩ mô, kinh tế quốc tế, tài chính ngân hàng; Triển khai, xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Học viện. Học viện chú trọng đầu tư vào các đề tài NCKH gắn liền với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu về đổi mới CTĐT, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ và các vấn đề nghiên cứu công nghệ phục vụ trực tiếp cho việc dạy học của giảng viên và sinh viên. Đồng thời, khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tập trung đầu tư đề tài NCKH các cấp; có bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế phù hợp với định hướng nghiên cứu để có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Học viện đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong việc NCKH và tiếp cận khai thác chương trình Quốc tế theo phương thức hiện đại, thông qua các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế với các nước có nền giáo dục hiện đại hơn, tiệm cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện cho giảng viên được bồi dưỡng năng lực giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Học viện; góp phần thực hiện kiểm định CTĐT, kiểm định cơ sở giáo dục. Học viện đã từng bước khẳng định vị thế của mình trong quan hệ HTQT với các trường đại học và các tổ chức trên thế giới. Học viện đã phát triển quan hệ hợp tác với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới, như trường Đại học Tổng hợp Kinh tế, Thống kê và Tin học Matxcova (MESI) - Nga, Đại học Portland - Mỹ, Đại học Quốc gia Seoul - Hàn Quốc, trường Lý Quang Diệu (Đại học Quốc gia Singapore) - Singapore, Đại học Nam California – Mỹ. Học viện tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác với 02 tổ chức quốc tế là USAID và KOICA. Các tổ chức

này đã tài trợ kinh phí cũng như giới thiệu các chuyên gia nước ngoài đến làm việc và hỗ trợ trong công tác đào tạo và NCKH của Học viện. Hoạt động hợp tác quốc tế đã góp phần không nhỏ giúp Học viện nhanh chóng thực hiện các mục tiêu chiến lược trở thành cơ sở đào tạo và NCKH có uy tín trong nước cũng như trong khu vực.

Cơ sở vật chất: Từ năm 2015 – 2019, Học viện tổ chức đào tạo sinh viên và học viên cao học tại trụ sở tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, địa chỉ: Ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. Từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020 Học viện đã chuyển ra trụ sở đào tạo tại Lô CT11 khu đô thị Nam An Khánh phần mở rộng – Khu B, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội với quy mô đất thuộc dự án là 50.700m². Học viện có tổng diện tích phòng học, phòng thực hành là 13.811 m² với trang thiết bị giảng dạy hiện đại phục vụ cho việc giảng dạy, học tập với quy mô 7.000 sinh viên và học viên.

Tài chính: Học viện chính sách và Phát triển là một đơn vị sự nghiệp công lập đồng thời là đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc trực tiếp Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo luật ngân sách bao gồm các khâu lập, chấp hành và quyết toán ngân sách. Công tác quản trị tài chính nội bộ được thực hiện tốt và đảm bảo phát huy hiệu quả cho các hoạt động của Học viện. Các chế độ chính sách của sinh viên được đảm bảo và đóng góp vào nguồn thu ngân sách nhà nước thông qua nộp các nghĩa vụ thuế. Đời sống cán bộ, giảng viên ngày càng được cải thiện. Các kết luận của kiểm toán 2014 và biên bản xét duyệt ngân sách hàng năm đều khẳng định hoạt động quản lý tài chính của Học viện đều công khai và minh bạch.

Trong 3 năm trở lại đây (2017-2019), trong cơ cấu nguồn thu của Học viện, nguồn thu từ ngân sách Nhà nước chiếm khoảng 27-30%, nguồn thu từ học phí, lệ phí các loại chiếm khoảng 60-70%, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ chiếm khoảng 3-8%. Năng lực tự chủ tài chính của Học viện đáp ứng được khoảng 60-70%.

Khen thưởng: Học viện Chính sách và Phát triển nhiều năm liền đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Bằng khen. Năm 2013 Học viện được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Công đoàn Học viện được 02 Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, 15 bằng khen của Công đoàn Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tập thể và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn cơ sở trong những năm qua. Từ 2012 đến nay, Đoàn Thanh niên Học viện đã nhận được 03 Bằng khen của Trung ương Đoàn và 05 Bằng khen của Đoàn Thanh niên Khối các cơ quan Trung ương và nhiều giấy khen của Đoàn Thanh niên Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Năm 2017, Học viện đã đạt kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo. Dựa trên các khuyến nghị của các chuyên gia đánh giá ngoài. Học viện đã thực hiện được các khuyến nghị thay đổi sau:

1. Học viện đã chuyển về trụ sở mới tại An Khánh có đầy cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý CTĐT và môn học.
3. Học viện đã xây dựng mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong cụ thể tại mỗi đơn vị thuộc Học viện đã thành lập một tổ ĐBCL. Tổ ĐBCL có nhiệm vụ tham mưu và giúp Trưởng đơn vị trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện công tác đảm bảo chất lượng của đơn vị...

1.2.2. Giới thiệu về khoa Quản trị kinh doanh

Khoa Quản trị kinh doanh là một trong những khoa chuyên ngành quan trọng của Học viện, được thành lập theo Quyết định số 354/QĐ-HVCSPT ngày 31/07/2009 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển với tên gọi Khoa Quản trị doanh nghiệp. Từ năm học 2018 - 2019, theo Quyết định 531/QĐ-HVCSPT của Giám đốc Học viện, Khoa Quản trị doanh nghiệp đổi tên thành Khoa Quản trị kinh doanh.

Về cơ cấu tổ chức, Khoa QTKD hiện có 01 Trưởng khoa, 01 Phó Trưởng khoa, 01 Trợ lý khoa và 10 giảng viên cơ hữu trực tiếp tham gia giảng dạy học phần của 3 chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp, Quản trị Marketing và Quản trị kinh doanh Du lịch. Hội đồng Khoa gồm có 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 01 Thư ký và các thành viên đã được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Học viện. Về công tác Đảng, các cán bộ, giảng viên của Khoa là Đảng viên tham gia sinh hoạt tại Chi bộ 3 (Chi bộ khối cán bộ giảng viên). Về công tác Đoàn, một số cán bộ, giảng viên của Khoa tham gia quản lý Đoàn thanh niên và tham gia sinh hoạt tại Chi đoàn khối cán bộ, giảng viên của Học viện. Các cán bộ, giảng viên trong Khoa đều là thành viên của Tổ công đoàn Khoa trực thuộc Công đoàn Học viện Chính sách và Phát triển.

Các doanh nghiệp, tổ chức đã và đang đồng hành cùng Khoa QTKD gồm có: Tập đoàn siêu thị Đức Thành, Hiệp hội quảng cáo Hà Nội, Công ty Đào tạo marketing Vinalink, Hệ sinh thái khởi nghiệp Best B, Viện Nghiên cứu và Đào tạo doanh nhân APEC, Cục Đăng ký kinh doanh, Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa phía Bắc, Trung tâm Phát triển xanh Green Hub, Viện Tài chính vi mô và Phát triển cộng đồng...

Về hoạt động đào tạo, khoa QTKD hiện phụ trách triển khai CTĐT đại học hệ chính quy hai chuyên ngành là Quản trị doanh nghiệp và Quản trị Marketing với tổng cộng 367 sinh viên (năm học 2019-2020).

Sinh viên ngành QTKD được trang bị kiến thức chuyên sâu về quản trị trong doanh nghiệp, các nghiệp vụ quan trọng để trở thành chuyên viên, quản trị các lĩnh vực khác nhau của doanh nghiệp, tổ chức (Nhân sự, Tài chính, Marketing, Logistics, Văn phòng, Marketing...) hoặc tự khởi nghiệp, thành lập và vận hành một doanh nghiệp. Chuyên ngành Quản trị marketing trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngành QTKD và chuyên sâu về quản trị marketing trong doanh nghiệp và tổ chức - với nhiệm vụ quản trị marketing trong doanh nghiệp (Xây dựng các kế hoạch và chiến lược marketing; nghiên

cứu thị trường và hành vi khách hàng; phát triển và phối hợp các công cụ marketing; tổ chức và quản lý bộ phận marketing; kiểm tra và đánh giá các hoạt động marketing....) và đáp ứng nghiệp vụ của các cơ quan dịch vụ marketing.

Về hoạt động NCKH, hầu hết cán bộ, giảng viên của Khoa tích cực tham gia các đề tài, đề án cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện như “Giải pháp đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”, “Đẩy mạnh ứng dụng phương thức sản xuất tinh gọn (LEAN) đối với các doanh nghiệp Việt Nam”, “Đề xuất mô hình tăng trưởng xanh cho các khu kinh tế ven biển ở Việt Nam”; “Nâng cao hiệu quả thu hút và quản lý nhà nước các dự án FDI tại Hà Nội”...Nhiều cán bộ, giảng viên của Khoa tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo gồm có “Mô hình định lượng nghiên cứu hành vi người tiêu dùng đối với thị trường thực phẩm sạch Việt Nam”; “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”...Một số giảng viên trong Khoa cũng là tác giả hoặc đồng tác giả của nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Về công tác quản lý sinh viên, lãnh đạo và cán bộ, giảng viên trong Khoa đã thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị khác trong Học viện triển khai nhiều hoạt động cho sinh viên trong suốt quá trình học tập tại Học viện. Bên cạnh các hoạt động chung của Học viện như Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, thi tiếng Anh, Rung chuông vàng, Hội nghị NCKH sinh viên, Hội diễn văn nghệ, Thi cắm trại, Thi ẩm thực, Khoa QTKD có tổ chức riêng một câu lạc bộ Startup & Marketing cho sinh viên tích cực trải nghiệm gắn với các chuyên ngành học. Khoa cũng chủ động cho sinh viên tham gia kết nối trường đại học và các doanh nghiệp, tham gia nhiều cuộc thi NCKH và khởi nghiệp và đều đạt giải cao. Điển hình là cuộc thi Vua bán hàng (2017) sinh viên Khoa đại diện cho sinh viên Học viện dự thi được giải Nhì trong các trường đại học khu vực phía Bắc; Tham gia cuộc thi Business Challenges tại Đại học Quốc gia (2018) vào vòng chung kết, tham gia cuộc thi Olympic Kinh tế lượng toàn quốc, được giải Ba năm 2016, được giải khuyến khích các năm 2017, 2018, 2019; Tham gia cuộc thi Nữ sinh

khởi nghiệp gồm sinh viên một số trường đại học, được tổ chức tại Học viện Phụ nữ và giành giải Xuất sắc về công nghệ, Xuất sắc về tính bền vững (năm 2018), được giải Xuất sắc về Công nghệ và Khán giả yêu thích nhất (năm 2019).

PHẦN 2. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển, phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kì rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng, điều chỉnh CTĐT với các yêu cầu về hình thức, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của đào tạo trình độ đại học. Theo đó, tại bước 3 nêu rõ nhóm soạn thảo CTĐT cần: “*Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ tin học) và chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của chương trình đào tạo trên cơ sở nghiên cứu CTĐT hiện hành của cơ sở đào tạo có uy tín trong nước và nước ngoài, tham khảo ý kiến chuyên gia*”. [H1.01.01.01]. Mục tiêu của CTĐT QTKD được nêu cụ thể trong các quyết định ban hành CTĐT năm 2012, sửa đổi vào các năm 2015 và 2018 [H1.01.01.02].

Ở lần sửa đổi cập nhật năm 2018, mục tiêu của CTĐT ngành QTKD là: “Đào tạo cử nhân đại học ngành QTKD có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, QTKD; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về QTKD; có khả năng thích ứng nhanh với các nhiệm vụ cụ thể của doanh nghiệp trong bối cảnh liên kết chuỗi giá trị toàn cầu”.

Mục tiêu đào tạo cụ thể của chương trình QTKD về kiến thức là: Được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế, xã hội và nhân văn, chuyên sâu về quản trị kinh doanh: quản trị theo quy trình và lĩnh vực trong doanh nghiệp; về xây dựng các kế hoạch và chiến lược kinh doanh; khởi nghiệp trên nền tảng truyền thống và môi trường số. Về kỹ năng: Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; kỹ năng phân tích, tổng hợp và ra quyết định; có kỹ năng thu thập, phân tích thông tin nội bộ doanh nghiệp và thị trường; kỹ năng lập và phân tích các mô hình kinh doanh phù hợp với điều kiện môi trường luôn biến động. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

Mục tiêu của chương trình QTKD phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện. Sứ mạng và tầm nhìn của Học viện được thể hiện trong Kế hoạch Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 361/QĐ-HVCSPT ngày 06/6/2011 và Kế hoạch phát triển Học viện giai đoạn 2019-2020, tầm nhìn 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/2016. Bên cạnh đó, trong Quyết định về việc công bố sứ mạng, tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển (Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016) đã khẳng định sứ mạng của Học viện là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển, có tư duy sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế; nghiên cứu bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách”. Cũng trong quyết định đó tầm nhìn của Học viện được công bố là: “Đến năm 2020, Học viện trở thành trường đại học theo định hướng

nghiên cứu, đạt các chuẩn quốc gia về chất lượng, nằm trong nhóm các trường đại học có uy tín thuộc khối ngành kinh tế và quản lý ở Việt Nam” và “Đến năm 2030 Học viện trở thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu nằm trong nhóm các trường đại học hàng đầu về kinh tế và quản lý ở Việt Nam, có uy tín trong khu vực Đông Nam Á; trở thành trung tâm nghiên cứu có uy tín trong nước và khu vực”. Quyết định đó, [H1.01.01.03].

Mục tiêu chung của chương trình QTKD cũng phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại mục 1 Điều 5, Luật giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi năm 2018, đó là: “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế” [H01.01.01.04].

Các mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành QTKD đã đáp ứng được các yêu cầu của mục tiêu cụ thể về giáo dục đại học được quy định tại điểm b) mục 2 Điều 5 của Luật giáo dục đại học, đó là đào tạo người học “*có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo*” [H1.01.01.04].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT QTKD được xác định rõ ràng, theo quy trình chặt chẽ; được cập nhật theo sứ mạng và tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT QTKD được xác định theo hướng dẫn trong Quy trình xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo của Học viện, cụ thể là tại bước 3 như đã nêu trong mô tả tiêu chí này; tuy nhiên hướng dẫn đó chưa thực sự chi tiết về yêu cầu đối với việc xây dựng mục tiêu của CTĐT nên khi xác định mục

tiêu, tổ soạn thảo chương trình đã có các khó khăn nhất định trong việc phân biệt mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa sẽ thường xuyên cập nhật các văn bản mục tiêu của giáo dục đại học, và hướng dẫn của Học viện để rà soát mục tiêu CTĐT, xác định mục tiêu CTĐT rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển và **mục tiêu của giáo dục đại học Việt Nam**.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng quản lý đào tạo rà soát, đề xuất ban hành lại quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT sao cho có các hướng dẫn xác định mục tiêu CTĐT chi tiết hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả:

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng. Trong giai đoạn 2015 -2019, khi xây dựng CDR và CTĐT QTKD đã thực hiện theo đúng các bước được quy định trong Quyết định ban hành Quy trình thiết kế và xây dựng chương trình đào tạo, chương trình dạy học của Học viện [H1.01.01.01] và theo các văn bản quy định của Chính phủ và Bộ GDĐT [H1.01.02.01]

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được quy định năm 2018 với 20 chuẩn, trong đó, 9/20 CDR về kiến thức; 9/20 CDR về kỹ năng (6 kỹ năng nghề nghiệp và 3 kỹ năng mềm); 2/20 CDR về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Về Tiếng Anh sinh viên phải đạt chuẩn TOEIC 450 quốc tế hoặc tương đương trở lên, về Tin học sinh viên phải đạt chuẩn IC3 hoặc MOS [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT ngành QTKD được nêu cụ thể trong CTĐT. Các chuẩn này thể hiện qua các yếu tố cốt lõi mà sinh viên cần đạt được, đó là: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp đối với người học tốt nghiệp và triển vọng nghề nghiệp trong tương lai, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CTĐT QTKD ban hành năm 2018 kèm theo Quyết định số 503/2018/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018 của Giám đốc Học viện, CĐR về kiến thức được chi tiết bằng 9 chuẩn cụ thể, trong đó có 5 CĐR về kiến thức cơ bản (cụ thể, chuẩn số 3 là: *Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu*) và 4 CĐR về kiến thức chuyên sâu (chẳng hạn, chuẩn số 8 là: *Biết và nắm vững việc xây dựng mô hình kinh doanh cho việc khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp*); có 6/9 CĐR về kỹ năng nghề nghiệp (ví dụ chuẩn 11: *Thành thạo công cụ thu thập và phân tích dữ liệu từ khách hàng, đối thủ cạnh tranh, các đối tác liên quan để giải quyết các vấn đề kinh doanh*); trong 2 CĐR về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, có CĐR số 20 cụ thể là: *“Có năng lực nắm bắt các vấn đề về quản trị, điều hành trong doanh nghiệp, ra các quyết định kinh doanh trong phạm vi công việc đảm nhiệm”* [H1.01.02.02].

CĐR Tiếng Anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của Học viện Chính sách và Phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-HVCSPT ngày 27/08/2014. Theo đó quy định CĐR đối với sinh viên ngành QTKD là 450 điểm TOEIC quốc tế trở lên hoặc tương đương áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2014 [H1.01.02.02]; CĐR Tin học đối với sinh viên QTKD theo Quyết định số 462/QĐ-HVCSPT ngày 12/09/2014. Mức đạt CĐR là IC3 hoặc MOS áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2014 [H1.01.02.02];

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo, đó là trang bị cho người học chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, giúp người học có triển vọng nghề nghiệp tốt trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

CĐR đối với môn Tiếng Anh và Tin học được xác định chưa đồng bộ với các CĐR nghề nghiệp khác, mức độ tham gia xác định chuẩn đầu ra Tiếng Anh và tin học chưa có được sự tham gia nhiều của khoa chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh***:Thực hiện đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho người học theo CĐR đã xây dựng.

- ***Khắc phục tồn tại***:Từ năm học 2020-2021, Khoa QTKD phối hợp chặt chẽ hơn với Phòng QLĐT, Bộ môn Ngoại ngữ có các đề xuất về CĐR Tiếng Anh sát hơn với sinh viên ngành QTKD, không chỉ thực hiện chung như sinh viên toàn trường hiện nay.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 1.3.Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kì rà soát, điều chỉnh và công bố công khai

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng.

Trong giai đoạn 2015 -2019, khi xây dựng CĐR và CTĐT, Học viện đã thực hiện theo đúng các bước của Quy trình [**H1.01.01.01**]. Khoa QTKD đã dự thảo CĐR theo quy định của Công văn hướng dẫn số 2196/BGDĐT-GDDH

ngày 22/4/2010, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ Quốc gia [H1.01.02.01]; đồng thời trên cơ sở tham khảo một số CTĐT của trường đại học trong nước, quốc tế [H1.01.03.01] và từ xin ý kiến của một số nhà tuyển dụng có sử dụng sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD [H1.01.03.02]. Sau các bước đó, nhóm soạn thảo đã tiến hành tổ chức tọa đàm và nhận được sự trao đổi, góp ý của các chuyên gia, nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học; đồng thời gửi xin ý kiến khảo sát từ nhà tuyển dụng, người học năm cuối và người đã tốt nghiệp để điều chỉnh CDR. Cuối cùng, CDR được rà soát và trình Hội đồng khoa học và Đào tạo thông qua.

Đối với lần thực hiện năm 2018, sau khi gửi dự thảo CTĐT (kèm CDR) tới nhà tuyển dụng và cựu sinh viên tốt nghiệp năm 2017, các ý kiến thu thập được từ 50 phiếu thu về từ các nhà tuyển dụng, có tới 86% người cho rằng CDR được thiết kế là phù hợp.

Ý kiến trả lời	Số người trả lời	Tỉ lệ %
Không có ý kiến	7	14,0
Phù hợp	17	34,0
Rất phù hợp	26	52,0
Tổng số	50	100,0

(Nguồn: Trích từ báo cáo khảo sát nhà tuyển dụng – 2018)

Trong số 47 phiếu thu về từ sinh viên K4 (tốt nghiệp năm 2017) được thực hiện năm 2018, kết quả phản hồi của cựu sinh viên đánh giá về sự tương thích của CDR với yêu cầu của thị trường lao động như sau:

Ý kiến trả lời	Số người trả lời	Tỉ lệ %
Không có ý kiến	1	2,1
Phù hợp	21	44,7
Rất phù hợp	22	53,2
Tổng số	44	100,0

(Nguồn: Trích từ báo cáo khảo sát người học đã tốt nghiệp QTDN4 – 2018)

CĐR của CTĐT QTKD được định kỳ rà soát điều chỉnh theo kế hoạch của Học viện [H1.01.01.05]. Năm 2015 Học viện công bố CĐR của các ngành đào tạo trong đó có ngành QTKD với CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ và yêu cầu về CĐR Tin học quốc tế và tiếng Anh quốc tế [H1.01.02.02]. Hàng năm khi kết thúc năm học, Học viện và khoa QTKD luôn có các biên bản họp đánh giá kết quả CĐR Tiếng Anh, Tin học, CĐR của CTĐT, biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp, kèm theo đó là những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học [H1.01.03.01].

Vào năm 2018, trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan [H1.01.01.06], [H1.01.01.08], CĐR của CTĐT QTKD được điều chỉnh bắt đầu áp dụng cho sinh viên QTDN khóa 9. Hội đồng KHĐT đã thông qua tại biên bản họp [H1.01.01.09] theo hướng đáp ứng nhu cầu của thực tiễn với 20 CĐR cụ thể tương ứng với 3 nhóm: kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm [H1.01.02.02].

CĐR chương trình QTKD được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan thuận tiện trong việc tiếp cận. Các hình thức hiện đang được áp dụng đối với CTĐT ngành QTKD bao gồm: (i) Đăng tải trên website Học viện tại <http://apd.edu.vn/>; và đường link của Khoa QTKD tại: <http://apd.edu.vn/khoa-quan-tri-kinh-doanh> (ii) Tích hợp trong phần mềm quản lý tin chỉ tới từng sinh viên của chương trình <http://tinchi.apd.edu.vn>; công bố trong các tài liệu tuyển sinh [H1.01.03.08]. Điều này giúp cho người học và các bên liên quan tiếp cận được dễ dàng.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT QTKD được xây dựng, điều chỉnh cập nhật dựa trên cơ sở tham khảo ý kiến từ các bên liên quan, đặc biệt từ ý kiến của các nhà tuyển dụng, chuyên gia và các sinh viên và được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Việc công khai chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở hình thức chưa phong phú. Chuẩn đầu ra trên đường link của Khoa QTKD chưa thực sự thu hút sinh viên, người quan tâm do Khoa chưa có trang web riêng, mà chỉ là một đường dẫn.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Học viện và Khoa QTKD duy trì các mối quan hệ tư vấn, góp ý hiệu quả của hệ thống cộng tác viên, các chuyên gia, nhà tuyển dụng để sự góp ý của họ đối với CĐR và CTĐT có hiệu quả.

- ***Khắc phục điểm tồn tại:*** Từ năm học 2020-2021, Học viện trang bị cho các khoa trong Học viện nói chung, Khoa QTKD nói riêng một trang web phụ để Khoa tổ chức thông tin tốt hơn, nhằm giới thiệu CĐR cũng như nhiều mục khác được nổi bật, thu hút.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

(i) Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Mục tiêu CTĐT và CĐR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện, đặc biệt chuẩn đầu ra khi xây dựng, rà soát có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan.

(ii) Điểm tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn

Việc công bố chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tuy đã được giới thiệu qua các kênh, song chưa thực sự thu hút những người quan tâm.

(iii) Kế hoạch hành động khắc phục tồn tại

Trong năm học 2020-2021, Khoa Phối hợp với P.QLĐT và các đơn vị rà soát, đề xuất ban hành lại quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT; phối hợp đề xuất về CĐR Tiếng Anh sát hơn với sinh viên ngành QTKD; Học viện trang bị cho các khoa trong Học viện nói chung, Khoa QTKD nói riêng một trang web

phụ đề Khoa tổ chức thông tin tốt hơn, nhằm giới thiệu CĐR cũng như nhiều mục khác được nổi bật, thu hút.

Tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm, có 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 2

Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD được xây dựng trên cơ sở Chương trình khung do Học viện Chính sách và Phát triển ban hành, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Học viện và của Khoa, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học và nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành QTKD cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

Học viện Chính sách và Phát triển, chủ trì là Khoa QTKD đã thực hiện công bố công khai bản mô tả CTĐT ngành QTKD và các đề cương học phần trên website của Học viện, tạo điều kiện cho các bên liên quan có thể tiếp cận nội dung một cách dễ dàng.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD được xây dựng theo hướng dẫn xây dựng mô tả CTĐT của Học viện tại Công văn số 150/HVCSPT-QLĐT ngày 09/8/2018 [H1.02.01.01] theo đó Khoa QTKD đã chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng bản mô tả CTĐT ngành QTKD. Bản mô tả CTĐT ngành QTKD tại Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018 thể hiện đầy đủ các thông tin về: Tên cơ giáo dục; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTĐT; Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và CDR của CTĐT; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR; các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học,

kiểm tra/đánh giá học phần, điều kiện tốt nghiệp được đối sánh với các CTĐT cùng trình độ; mô tả tóm tắt đề cương của tất cả các học phần trong chương trình. Các học phần được mô tả liên tục theo tiến trình học của sinh viên từ học kỳ 1 đến học kỳ cuối cùng; thời điểm ban hành bản mô tả CTĐT **[H1.02.01.02]**.

Tại bản mô tả, CDR của CTĐT ngành QTKD mô tả các yếu tố cốt lõi mà sinh viên cần đạt được, đó là: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp đối với người học tốt nghiệp và triển vọng nghề nghiệp trong tương lai, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, mô tả mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT theo đúng mục tiêu và CDR đã ban hành **[H1.01.01.02]**, **[H1.01.02.02]**, **[H1.01.02.03]**, **[H1.01.02.04]**.

Toàn bộ các học phần trong CTĐT ngành QTKD được mô tả tóm tắt theo đúng các đề cương học phần đã được ban hành **[H1.02.01.03]**.

Tại bản mô tả CTĐT ngành QTKD cũng quy định về quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp, theo đó điều kiện tốt nghiệp được quy định là: (i) Thời gian học tập tối đa của khóa học; (ii) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự; (iii) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong CTĐT; (iv) Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.50 trở lên; (v) Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định.; (iv) Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS; (vi) Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất. Điều này cũng phù hợp với Điều 34, Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển **[H1.02.01.04]**.

Tính đầy đủ thông tin cần thiết của bản mô tả CTĐT được bên liên quan là nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, nhà quản lý, chuyên gia, sinh viên đánh giá khá tốt CTĐT “Bản mô tả CTĐT nêu được các thông tin cần thiết, đặc biệt thông tin về các kiến thức, kỹ năng mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt được” *Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật***[H1.02.01.05]**. Tuy nhiên, thông tin về

nội dung chi tiết của đề cương các học phần chưa đầy đủ các thông tin chỉ được mô tả dạng vắn tắt và tổng quát, do vậy, tính thuận tiện cho việc tra cứu các nội dung chi tiết của các bên liên quan có thể bị hạn chế [H1.02.01.05]. Bản mô tả CTĐT ngành QTKD được thiết kế gắn với các vị trí việc làm, các CDR, các học phần có nội dung kiến thức và kỹ năng để phục vụ cho một số vị trí việc làm thuộc lĩnh vực doanh nghiệp [H1.02.01.02]

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD ban hành tại Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018 cập nhật những vấn đề mới nhất liên quan đến quy chế đào tạo, CDR của CTĐT, tiêu chí tuyển sinh, nội dung CTĐT được ban hành tại Quyết định số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2018 [H1.01.01.02], xu hướng ngành nghề. Chẳng hạn, xu hướng ngành nghề trong bối cảnh cách mạng 4.0 hiện nay cũng được cập nhật thông qua việc giới thiệu các học phần khá mới mẻ, như học phần “Dữ liệu lớn trong kinh tế, kinh doanh”, “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, “Quản trị công nghệ”... [H1.02.01.02].

Năm 2019, ngành QTKD được phép mở thêm chuyên ngành Quản trị Marketing, theo đó Khoa QTKD đã hoàn thiện bản mô tả chuyên ngành theo đúng các quy định của Bộ GD và ĐT cũng như Học viện Chính sách và Phát triển, đảm bảo đầy đủ thông tin và cập nhật [H1.02.01.06].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới và Việt Nam về lĩnh vực QTKD chuyên sâu cho doanh nghiệp thông qua việc cập nhật các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT chưa giới thiệu đề cương các học phần theo khối kiến thức như Giáo dục đại cương, Cơ sở ngành, Ngành, Chuyên ngành. Việc mô tả các đề cương còn ngắn gọn, sơ sài, chưa cung cấp đủ thông tin cho người đọc quan tâm.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới về lĩnh vực QTKD. Khối kiến thức chuyên ngành và ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính chất thực hành của các kiến thức được đào tạo.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2020 - 2021 trở đi, Học viện giao P.QLĐT ban hành lại hướng dẫn xây dựng bản mô tả CTĐT, trong đó nêu rõ yêu cầu mô tả đề cương học phần chi tiết hơn, theo khối kiến thức. Khoa QTKD thực hiện mô tả lại theo hướng dẫn và đề xuất ban hành bản cập nhật.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Đề cương các học phần của CTĐT ngành QTKD được xây dựng theo các quy định hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần bậc đại học tại Công văn số 82/CV-HVCSPT ngày 08/08/2012 và quy định được ban hành tại Quyết định 494/QĐ-HVCSPT ngày 7/8/2018 [**H1.02.02.01**].

CTĐT ngành QTKD năm 2018 (tuyển sinh khoá 9) có 56 học phần (46 học phần và khóa luận tốt nghiệp)[**H1.01.01.02 (1)**], tất cả đề cương các học phần trong CTĐT bao gồm đầy đủ thông tin bao gồm: tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo, hướng dẫn tự học. Đặc biệt phương pháp đánh giá được thể hiện trong đề cương bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; trọng số của mỗi điểm thành phần, cấu trúc đề thi của các học phần được thể hiện rõ trong đề cương, qua đó,

người học biết được chính xác các yêu cầu, nắm được cụ thể hình thức, tính chất, mục đích kiểm tra, thời lượng kiểm tra và các trọng số của từng hình thức kiểm tra. 100% đề cương các học phần với đầy đủ các thông tin nêu trên tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên trong quá trình giảng dạy và học tập, cụ thể là nội dung bài giảng sẽ luôn bám sát theo đề cương đã được xây dựng, đồng thời người học cũng xác định được các yêu cầu cụ thể của môn học/học phần để có phương pháp học tập phù hợp, giúp người học đạt được CĐR trong từng học phần và đạt được CĐR của CTĐT.

100% các đề cương học phần thuộc CTĐT ngành QTKD được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật ít nhất 2 năm một lần. Khoa QTKD đã phối hợp với các đơn vị trong Học viện tiến hành triển khai rà soát, cập nhật đề cương học phần theo định kỳ, cụ thể là năm 2018 tiến hành rà soát, cập nhật đề cương dựa trên các kế hoạch chung của Học viện [H1.02.01.03]. Các nội dung đặc biệt chú trọng đến cập nhật các thông tin về nội dung của học phần, danh mục tài liệu tham khảo, tên các giảng viên giảng dạy học phần, mục tiêu và nội dung học phần. Cụ thể, đề cương các học phần ngành QTKD năm 2018 có thay đổi, bổ sung so với năm 2015 như sau: (i) Mục tiêu học phần được cụ thể hóa với ba nội dung bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ chuyên cần với CĐR; (ii) Bổ sung thông tin chi tiết về CĐR của học phần về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chịu trách nhiệm thể hiện sự liên kết giữa mục tiêu và CĐR; (iii) Bổ sung về phương pháp, phương tiện giảng dạy và phương pháp học cho sinh viên; (iv) Học phần được chi tiết hóa các nội dung và tương ứng các CĐR của học phần; (v) Bổ sung thông tin về phương pháp đánh giá môn học và đánh giá việc đáp ứng CĐR của học phần; (vi) Bổ sung hướng dẫn sinh viên tự học với chi tiết nhiệm vụ dành cho sinh viên tương ứng với các nội dung của học phần; (vii) Cập nhật nội dung giảng dạy, giáo trình và tài liệu tham khảo; (viii) ngoài ra các học phần ngành và chuyên ngành trong CTĐT đã tăng cường các ví dụ và các tình huống thực tế giúp sinh viên học trên lớp hoặc tự nghiên cứu [H1.02.01.03].

Hoạt động rà soát được tiến hành từ hình thức, nội dung, cách sắp xếp từng nội dung, cập nhật tài liệu tham khảo cho từng học phần trong đề cương dựa trên biên bản họp Khoa về rà soát đề cương học phần **[H1.02.02.02]**, biên bản hội thảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan (giảng viên, nhà khoa học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng) về nội dung, chất lượng của các học phần **[H1.02.02.03]**.

Năm 2019, ngành QTKD được phép mở thêm chuyên ngành Quản trị Marketing, theo đó Khoa QTKD đã hoàn thiện bộ đề cương chuyên ngành theo đúng các quy định của Bộ GD và ĐT cũng như Học viện Chính sách và Phát triển, đảm bảo đầy đủ thông tin và cập nhật **[H1.02.02.04]**.

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần trong CTĐT của ngành QTKD được chuẩn hóa theo quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo đầy đủ thông tin theo mẫu chung của Học viện Chính sách và Phát triển. Đề cương các học phần được rà soát và điều chỉnh định kỳ trên cơ sở những điều chỉnh của CTĐT và các ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát đề cương học phần được thực hiện, nhưng chưa có các góp ý chuyên sâu về việc bổ sung/thêm bớt các nội dung được trình bày trong đề cương học phần, đặc biệt các học phần trong khối kiến thức chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh***: Học viện tiếp tục thực hiện việc thực hiện rà soát đề cương các học phần theo định kỳ. Duy trì rà soát tất cả các học phần thuộc các khối kiến thức khác nhau thuộc khối đại cương, cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành.

- ***Khắc phục tồn tại***: Từ năm 2020 trở đi, để có được các góp ý chuyên sâu hơn nữa về đề cương các học phần, Khoa QTKD cần liên hệ với các chuyên

gia, nhà tuyển dụng xin góp ý trực tiếp với từng đề cương của các học phần mới, đặc biệt các học phần thuộc ngành QTKD.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD được phê duyệt theo quyết định số 533/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018 của Giám đốc Học viện và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: Trên website của Học viện tại địa chỉ <http://apd.edu.vn/khoa-quan-tri-kinh-doanh>; brochure Học viện, các trang thông tin phục vụ tư vấn cho tuyển sinh tại địa chỉ www.apd.edu/tvtsapd, giới thiệu CTĐT trong các buổi tư vấn tuyển sinh, trong các buổi tư vấn tuyển sinh để người học tham khảo, trong buổi gặp mặt SV đầu khoá học [H1.02.03.01], [H1.02.03.02].

100% đề cương của các học phần trong CTĐT ngành QTKD đều được công bố đầy đủ thông tin bằng các hình thức đa dạng như: (i) Trên website của Học viện tại địa chỉ www.decuongmonhoc.apd.edu[H1.02.03.01]; (ii) Giảng viên công bố công khai đề cương học phần cho sinh viên trong buổi học đầu tiên từ số tín chỉ, nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp học tập... theo quy định tại Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H1.02.01.04]; (iii) Trong suốt quá trình học, thông qua cố vấn học tập, sinh viên luôn được hướng dẫn và tiếp cận đầy đủ thông tin về học phần trước khi đăng ký môn học, nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học; (iv) Học viện tổ chức phát hành bộ đề cương các học phần thuộc CTĐT ngành QTKD được lưu ở Thư viện để sinh viên tham khảo và học tập [H1.02.01.03]. Như vậy, việc công khai bằng nhiều hình thức khác nhau sẽ giúp

người học có nhiều kênh khác nhau để tiếp cận nội dung của từng học phần thông qua đề cương đã công bố.

Các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, người học, cựu người học...) đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất bằng việc truy cập vào website của Học viện; Bên cạnh đó, các cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện có thể dễ dàng tiếp cận với CTĐT trên phần mềm quản lý đào tạo tại địa chỉ: <http://qldt.apd.edu.vn>; phần mềm đăng ký tín chỉ tại địa chỉ <http://tinchi.apd.edu.vn> trên Website Học viện [H1.02.03.01]. Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về chuyên ngành học biết và thực hiện. Điều này giúp giảng viên chuẩn bị kế hoạch giảng dạy, nắm được nội dung giảng dạy của các môn học mình phụ trách và các học phần khác để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các học phần. Ngoài ra, việc này cũng giúp sinh viên nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

Kết quả khảo sát về mức độ công khai phổ biến Bản mô tả CTĐT, đề cương học phần được các bên liên quan đánh giá khá cao [H1.02.03.03]. Việc công khai bản mô tả CTĐT còn giúp cán bộ, giảng viên, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành QTKD biết và thực hiện.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD và 100% đề cương các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như: Cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giáo viên, sinh viên, cựu sinh viên... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT chưa được gửi đi chủ động đến các cơ quan quản lý liên quan hoặc các phụ huynh tiềm năng của Học viện nhằm giới thiệu nhiều hơn hình ảnh của chuyên ngành và có thể sẽ nhận thêm được các góp ý.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh***: Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành QTKD được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao, dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau và được công bố công khai, dễ tiếp cận.

- ***Khắc phục tồn tại***: Trong năm học 2020 - 2021 Khoa QTKD sẽ quan tâm nhiều hơn nữa tới việc quảng bá và bản mô tả CTĐT tới các cơ quan, hiệp hội ngành nghề. Gửi tới bộ phận truyền thông của Bộ Kế hoạch và Đầu tư – cơ quan chủ quản của Học viện. Bản mô tả cũng cần được gửi tới Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phía Bắc, Hiệp hội Quảng cáo Hà Nội – đây là các cơ quan có thể có các doanh nghiệp quan tâm và phụ huynh tiềm năng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

(i) Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD có đầy đủ các nội dung, được cập nhật những vấn đề mới nhất về xu hướng đào tạo và nghiên cứu trên thế giới về lĩnh vực QTKD. 100% đề cương các học phần có đầy đủ thông tin, được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo kế hoạch của Học viện, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

(ii) Điểm tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn

Việc mô tả đề cương học phần trong bản mô tả CTĐT ngành QTKD còn ngắn gọn chưa cung cấp đủ thông tin cho người đọc quan tâm. Việc rà soát đề cương học phần chưa có các góp ý chuyên sâu về việc bổ sung/thêm bớt các nội dung được trình bày trong đề cương học phần, đặc biệt các học phần trong khối kiến thức chuyên ngành. Bản mô tả CTĐT chưa được gửi đi chủ động đến các cơ quan quản lý liên quan hoặc các phụ huynh tiềm năng của Học viện.

(iii) Kế hoạch hành động khắc phục tồn tại

Từ năm học 2020 - 2021, Học viện rà soát hướng dẫn xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo, trong đó nêu rõ yêu cầu mô tả đề cương học phần chi tiết hơn. Khoa QTKD cần liên hệ với các chuyên gia, nhà tuyển dụng xin góp ý trực tiếp với từng đề cương của các học phần mới, đặc biệt các học phần ngành QTKD. Khoa QTKD sẽ quan tâm nhiều hơn nữa tới việc quảng bá và bản mô tả CTĐT tới các cơ quan, hiệp hội ngành nghề

Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 3

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học của ngành QTKD được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo đúng các quy định về xây dựng CTDH của Học viện, hiện hành của Bộ GD&ĐT và chủ trương, định hướng giảng dạy của Học viện Chính sách và Phát triển, đáp ứng linh hoạt nhu cầu đào tạo và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực, đảm bảo tính liên thông và hội nhập. Quá trình xây dựng CTDH ngành QTKD có tham khảo CTĐT tương ứng của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, có sự tham gia của các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng lao động, các hiệp hội nghề nghiệp và người đã tốt nghiệp. Các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá sinh viên được sử dụng hợp lý trong từng học phần và trong cả CTDH giúp bảo đảm đạt các CĐR của từng học phần và CĐR chung của tổng thể CTDH. Mỗi học phần đều thiết kế CTDH với cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính linh hoạt, tích hợp, thể hiện tính khoa học để đáp ứng tốt CĐR của học phần và của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTDH của ngành QTDN liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và tổng thể CTDH.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2015-2019, CTDH của ngành QTKD[H1.01.01.02] được thiết kế gắn chặt chẽ với các CĐR đã được Học viện công bố theo quyết định[H1.01.02.02], [H1.01.02.03], [H1.01.02.04] về các chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách. Việc thiết kế CTDH đáp ứng các CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm thông qua kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực,

trình tự và tiến độ trong CTDH: từ lịch trình giảng dạy các học phần theo hướng tiếp cận các khối kiến thức mang tính thống nhất, yêu cầu khối lượng kiến thức của toàn bộ chương trình và các khối kiến thức thành phần...

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR còn thể hiện ở việc trong chương trình đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của sinh viên đối với toàn bộ học phần phù hợp, góp phần đạt được CĐR.

Trong mỗi học phần, đề cương chi tiết chỉ ra phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt CĐR thông qua việc triển khai hoạt động giảng dạy và học tập [H1.02.02.02]. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy đáp ứng CĐR cũng được thể hiện trong bản mô tả CTĐT ngành QTKD[H1.02.01.02].

Bảng 3.1. Ma trận tích hợp các phương pháp giảng dạy đáp ứng CĐR

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY	CHUẨN ĐẦU RA																			
	Kiến thức										Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1 1	1 2	1 3	1 4	1 5	1 6	1 7	1 8	19	20
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x							x
2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x			x
3. Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	
4. Đối thoại với doanh nghiệp						x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Đi thực tế doanh nghiệp/tổ chức hỗ trợ DN	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Làm bài tập			x	x	x	x	x	x	x	x	x	X			x	x	x	x	x	x
7. Tiểu luận/ Bài tập lớn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x
8. Liên hệ thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x

Nguồn: Bản mô tả CTDH ngành QTKD năm 2018

CTDH thiết kế dựa trên CĐR còn được thể hiện rõ nét ở việc CTDH thiết kế theo hướng cho sinh viên tiếp cận thực tế doanh nghiệp và tham gia nhiều hoạt động gắn với doanh nghiệp. Chuyên đề thực tế của ngành QTKD được tổ chức đa dạng, trong các tuần thực tế doanh nghiệp, sinh viên được thực hiện các cuộc thi thực chiến bán hàng và marketing [H1.03.01.02]. Đối với học kỳ thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp, sinh viên được yêu cầu đăng ký rõ vị trí thực tập, liên hệ người hướng dẫn thực tập tại doanh nghiệp để giảng viên hướng dẫn có sự giám sát đạt CĐR đối với môn thực tập tốt nghiệp [H1.03.01.04].

2. Điểm mạnh

Công tác thiết kế CTDH ngành QTKD hợp lý, chương trình dạy học được gắn kết chặt chẽ với CĐR thông qua các kế hoạch giảng dạy chi tiết và ma trận liên kết học phần và chuẩn đầu ra.

3. Điểm tồn tại

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. Tuy nhiên các chuẩn đầu ra chưa thực sự thể hiện các thang đo Bloom 6 bậc, nên thiết kế CTDH chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa tiếp tục duy trì các mối quan hệ với nhà tuyển dụng đã có các hợp tác chặt chẽ trong việc tiếp nhận sinh viên ngành QTKD và thường xuyên lắng nghe các ý kiến của nhà tuyển dụng để có những đề xuất cải tiến kịp thời.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Học viện giao phòng Quản lý đào tạo chủ trì hướng dẫn các khoa thiết kế chương trình dạy học dựa trên CĐR với thang Bloom 6 bậc một cách chi tiết trong các mức độ từ 1 đến 6 theo các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, qua đó đạt được hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả

Toàn bộ học phần trong CTDH ngành QTKD đều được thiết kế có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Điều này thể hiện rõ nét trong ma trận kỹ năng [H1.03.01.01]. CTDH ngành QTKD được cấu trúc thành các khối kiến thức là Giáo dục Đại cương và Giáo dục Chuyên nghiệp. Các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục Đại cương được thiết kế để đáp ứng các CĐR(1-5); Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, và chuyên ngành được thiết kế để đáp ứng các CĐR (6-15). Đồng thời, tất cả các học phần được thiết kế nội dung giảng dạy để đáp ứng các chuẩn kỹ năng mềm (làm việc độc lập, làm việc nhóm, quản lý, lãnh đạo – chuẩn 16). Trong khối kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp, các học phần được phân chia chặt chẽ về các nhóm học phần của cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành và phân bố lịch trình cho các kỳ học theo điều kiện môn học học trước [H1.01.01.02]. Ở mỗi lần điều chỉnh chương trình dạy học, khi nhóm soạn thảo chương trình muốn đưa môn học mới hoặc rút môn học, thì đều phải lập luận tính logic của việc thay đổi đó, sự tương thích hay chưa tương thích của học phần này so với học phần khác đối với các bên liên quan ở các bước xin ý kiến và được Hội đồng khoa học và đào tạo của Học viện thông qua [H1.03.02.01], [H1.03.02.02], [H1.03.02.03].

Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR còn được thể hiện ở việc tổ chức các hoạt động dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, phương pháp giảng dạy được thiết kế giống nhau cho tất cả các ngành trong Học viện và sử dụng phương pháp giảng dạy chủ yếu là thuyết giảng, phương pháp thảo luận nhóm. Đối với các môn thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Sử dụng đa dạng hơn các phương pháp như phương pháp nghiên cứu tình huống, thực hành sử dụng phần mềm, đối thoại với doanh nghiệp. Tương ứng với cách dạy - học, việc đánh giá

sinh viên được thể hiện tương ứng (điểm chuyên cần, điểm đánh giá giữa kỳ, thi hết học phần) [**H1.01.02.03**].

Việc đánh giá sinh viên ngành QTKD được thực hiện bằng nhiều phương pháp nhằm mục đích đạt được CDR của CTĐT. Cụ thể, ở mỗi học phần điểm đánh giá sinh viên được thực hiện thông qua 2 thành phần: đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần. Với mỗi thành phần, có các quy định với các trọng số rõ ràng (20%- 20% - 60%). Đánh giá quá trình, giảng viên quy định các thành phần khác nhau tùy học phần như: Tham gia lớp học của sinh viên, Làm bài tập nhóm, Thuyết trình, Kiểm tra cá nhân. Thi kết thúc học phần giảng viên có thể chọn hình thức tự luận hay trắc nghiệm. Mỗi học kỳ, Khoa tổ chức họp mặt toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy để thống nhất nội dung giảng dạy và hình thức thi cuối kỳ. Dựa vào các tiêu chí đánh giá sinh viên được quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, trong quy chế đào tạo đại học của Học viện, Khoa đã cụ thể thành các hướng dẫn Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Khoá luận tốt nghiệp để đảm bảo kết hợp tốt giữa lý luận với thực tiễn [**H1.05.01.01**].

Các học phần trong CTDH đều được thiết kế với yêu cầu chỉ rõ ma trận nội dung mỗi chương tương ứng với các CDR môn học về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Đồng thời kết nối với CDR của CTĐT được thể hiện qua ma trận kỹ năng, cũng như của bản mô tả CTĐT [**H1.02.01.02**]. Kết quả khảo sát đối với nhà tuyển dụng về nội dung này rất tích cực. Chẳng hạn, khảo sát thực hiện năm 2018 cho biết trong tổng số 50 doanh nghiệp được hỏi, thì có tới 86% người đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nhận xét “Nội dung các học phần thể hiện được việc đạt CDR”.

Ý kiến trả lời	Số người trả lời	Tỉ lệ %
Không có ý kiến	7	14
Đồng ý	11	22
Hoàn toàn đồng ý	32	64
Tổng số	50	100

Nguồn: Trích từ báo cáo khảo sát nhà tuyển dụng – 2018 [*H01.01.01.09*]

Ngoài ra, một số nhà tuyển dụng có góp ý về việc cần làm rõ hơn về chuẩn kỹ năng đối với học phần “Chuyên đề thực tế”, “Quản trị chiến lược”, “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” [H1.03.02.04].

2. Điểm mạnh

Ở các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp, đặc biệt các học phần chuyên ngành bắt buộc, việc thiết kế các nội dung học tương ứng CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm là khá rõ ràng, giúp dễ dàng thực hiện CTDH.

3. Điểm tồn tại

Còn một số học phần nội dung chưa được mô tả rõ về các chuẩn kỹ năng (theo như đánh giá của nhà tuyển dụng).

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần trong CTĐT giúp đáp ứng CĐR của CTDH.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Học viện giao Khoa QTKD rà soát, bổ sung chuẩn kỹ năng của học phần Chuyên đề thực tế, Marketing căn bản, Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Khoa có thể tham khảo thêm ý kiến các giảng viên, doanh nghiệp để tăng các CĐR về kỹ năng và báo cáo Ban Giám đốc qua Phòng QLĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH được thiết kế theo cấu trúc nhất quán, trình tự logic, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa tất cả các khối kiến thức, giúp cho chương trình trở thành một khối thống nhất [H1.01.01.02]. Khối kiến thức Giáo dục Đại cương gồm các học phần chung về Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Toán kinh tế, Pháp luật đại cương, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Lý thuyết xác suất và thống kê toán.... Các học phần này đảm bảo cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết để có thể tiếp thu tốt các học phần trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm ba khối: (1) Khối kiến thức Cơ sở ngành; (2) Khối kiến thức của ngành và (3) Khối kiến thức Chuyên ngành. Khối kiến thức Cơ sở ngành cung cấp các kiến thức về môi trường, bối cảnh, công cụ giúp sinh viên có kiến thức bổ trợ trước khi được tiếp cận các kiến thức ngành và chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành QTKD là các học phần trang bị các kiến thức căn bản thuộc các chức năng và lĩnh vực trong QTKD. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành QTKD nhằm cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu hơn đối với các nhà điều hành, quản trị doanh nghiệp trong tương lai.

Tất cả các môn học trong CTDH được bố trí phù hợp đối với mỗi kỳ học để sinh viên có thể tiếp thu từ các kiến thức chung tới các kiến thức chuyên sâu. Tính trình tự và logic trong CTDH thể hiện ở lịch trình tiếp cận các khối kiến thức: khối kiến thức Giáo dục Đại cương được bố trí trong các kỳ học đầu, tiếp đến là khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành. Các học phần chuyên ngành được tổ chức đào tạo vào học kỳ 2 năm thứ ba và học kỳ đầu năm cuối cùng [H1.01.01.02], [H1.02.01.02]. Từ năm thứ 3 sinh viên được tổ chức

học phần Chuyên đề thực tế, năm thứ 4 trang bị học phần Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp.

Ý kiến của chuyên gia tại các hội thảo về CTDH [H01.01.01.06] là chương trình đảm bảo tính logic giữa các học phần, CTĐT quy định rõ ràng về điều kiện tiên quyết cho từng học phần cụ thể, học kỳ thực hiện đều nêu rõ trong đề cương chi tiết của từng học phần.

Học viện luôn luôn chú trọng rà soát, cập nhật bổ sung, chỉnh sửa CTDH. Trong giai đoạn 2015-2019, Học viện đã chỉ đạo điều chỉnh chương trình năm 2015 và năm 2018. Năm 2018 CTDH được thiết kế cập nhật theo hướng dẫn của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT [H1.03.03.02], [H1.01.01.01]. Bản cập nhật CTDH từ 2015 tới 2018 được sự góp ý của các bên liên quan, đặc biệt nhà tuyển dụng và cựu sinh viên. [H1.03.02.04], [H1.01.01.04].

Khi điều chỉnh CTDH Học viện đã tổ chức nghiên cứu, tham khảo CTĐT của các trường đào tạo ngành kinh tế và kinh doanh có CTĐT tương đồng về đào tạo QTKD, như ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Kinh tế - Luật, Trường đại học Kinh tế - ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Texas A&M [H1.01.03.01] và có đối sánh giữa các CTĐT [H1.03.03.02]. CTDH ngành QTKD bảo đảm tính tích hợp, tính liên thông trong việc học song ngành, song chuyên ngành hoặc học các bậc học cao hơn [H1.03.03.03].

2. Điểm mạnh:

Tham khảo được nhiều CTĐT của các trường đại học trong nước. CTĐT có cấu trúc và logic rõ ràng, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành QTKD đảm bảo tính tích hợp và có nội dung cập nhật.

3. Điểm tồn tại

CTĐT tham khảo của trường nước ngoài còn ít, mới chỉ có tham khảo của trường ĐH Texas A&M.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** tiếp tục tham khảo CTDH của các Trường ĐH trong nước có đào tạo ngành QTKD để bổ sung, cập nhật CTDH trong những năm tiếp theo.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Khoa liên hệ tham khảo CTĐT của trường Kinh tế London (Anh), trường Đại học Chicago (Hoa Kỳ) để đối sánh và cập nhật các nội dung cần thiết.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về tiêu chuẩn 3

(i) Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Công tác thiết kế CTDH ngành QTKD hợp lý, chương trình dạy học được gắn kết chặt chẽ với CDR thông qua các kế hoạch giảng dạy chi tiết và ma trận liên kết học phần và chuẩn đầu ra. Toàn bộ các học phần trong CTĐT đều có đóng góp cụ thể vào CDR; CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật trên cơ sở tham khảo được nhiều CTĐT của các trường đại học trong nước và đảm bảo tính tích hợp.

(ii) Điểm tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn

CDR chưa thực sự thể hiện các thang đo Bloom 6 bậc, nên thiết kế CTDH chưa thực sự hiệu quả. Còn một số học phần nội dung chưa được mô tả rõ về các chuẩn kỹ năng (theo như đánh giá của nhà tuyển dụng). CTĐT tham khảo của trường nước ngoài còn ít, mới chỉ có tham khảo của trường ĐH Texas A&M.

(iii) Kế hoạch hành động khắc phục tồn tại

Trong năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng QLĐT chủ trì hướng dẫn các khoa thiết kế chương trình dạy học dựa trên CDR với thang Bloom 6; Khoa QTKD rà soát, bổ sung chuẩn kỹ năng của học phần Chuyên đề thực tế,

Marketing căn bản, Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Khoa liên hệ tham khảo CTĐT của một số trường Quản lý và kinh doanh trên thế giới để đối sánh và cập nhật các nội dung cần thiết.

Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí, cả 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 4.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Học viện đã ban hành triết lý giáo dục và phổ biến tới người dạy, người học và công bố trên website của Học viện.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của ngành QTKD thực hiện lấy người học làm trung tâm, sử dụng các phương pháp dạy và học đa dạng nhằm phát huy năng lực chuyên môn, tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của người học. Mục tiêu giáo dục của Học viện CSPT và của ngành QTKD được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Triết lý giáo dục của Học viện đã được tuyên bố chính thức tại Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016 về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”, đó là “Chất lượng, Phát triển bền vững và Hội nhập quốc tế” [H1.01.01.03].

Triết lý giáo dục này đã được tất cả cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện hiểu rõ và thực hiện. Qua khảo sát ý kiến của giảng viên và nhân viên về việc nắm được triết lý của Học viện để hiểu rõ và thực hiện kết quả cho thấy 100% giảng viên và nhân viên cho biết triết lý “Chất lượng, Phát triển, bền vững và Hội nhập quốc tế” là rất gần gũi, là kim chỉ nam cho các hoạt động công tác, giảng dạy của cán bộ, giảng viên [H1.04.01.01]. Đối với sinh viên, kết quả khảo sát về việc được hiểu và nắm rõ triết lý của Học viện kể từ khi là sinh viên của Học viện CSPT, kết

quả cho thấy toàn bộ các em được hỏi đều hiểu và nắm rõ để có ý thức học tập và ứng xử phù hợp [H1.04.01.02]. Trong đó, đối với từng khóa sinh viên, kết quả điểm hiểu và nắm rõ được thực hiện trong năm 2019 như sau:

Khóa sinh viên	Mức độ hiểu và nắm rõ
7	4.5/5
8	4.3
9	4.3
10	4.2

Như vậy, sinh viên các năm sau đánh giá họ hiểu và nắm rõ về triết lý của Học viện hơn là các em sinh viên khóa đầu. Nhưng nhìn chung họ cho rằng triết lý của Học viện dễ nhớ, súc tích, dễ hiểu để có thể thấm nhuần trong nhiệm vụ là sinh viên của Học viện.

Triết lý của học viện được phổ biến trong hội nghị Cán bộ viên chức hàng năm của Học viện [H1.04.01.03], và còn được đăng tải trên website của Học viện: <http://apd.edu.vn>. [H1.04.01.04] để cả cán bộ giảng viên, sinh viên nắm rõ. Sinh viên học tập tại Học viện Chính sách và Phát triển còn được phổ biến triết lý của Học viện ngay khi nhập học. Vào đầu mỗi năm học, Học viện tổ chức Tuần sinh hoạt công dân để giới thiệu, phổ biến học về các chuyên đề trong đó có chuyên đề “Giới thiệu về Học viện”[H1.04.01.05]. Triết lý giáo dục của Học viện còn được phổ biến cho sinh viên đầu khóa thông qua phần giới thiệu về CTĐT cử nhân ngành QTKD[H1.04.01.06].

2. Điểm mạnh

Học viện có triết lý “Chất lượng, Phát triển bền vững và Hội nhập quốc tế” được tuyên bố năm 2016, từ đó đến nay triết lý được phổ biến tới tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên trong Học viện hiểu rõ và thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Triết lý giáo dục của Học viện chưa được chia sẻ, thông tin nhiều bằng các hình thức khác nhau tới các cơ quan liên quan như nhà tuyển dụng, đối tác của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục triển khai phổ biến cho cán bộ, giảng viên toàn Học viện hiểu và nắm rõ triết lý giáo dục với mỗi dịp họp đầu khóa học, tổng kết năm học, cũng như qua các kênh trực tuyến.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm 2020-2021, Học viện phổ biến rộng rãi hơn nữa triết lý giáo dục tới các bên liên quan khác. Có thể trực tiếp tại các buổi tọa đàm, dịp kỷ niệm 20.11 của Học viện khi mời các bên liên quan. Học viện có thể giao Trung tâm Truyền thông Công nghệ thông tin và thư viện xây dựng những video giới thiệu về Học viện, trong đó có triết lý giáo dục và tặng cho các đối tác, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả:

Các học phần của ngành QTKD có phương pháp giảng dạy hướng tới đáp ứng CĐR [H1.03.01.01]. Có 55/60 học phần giảng dạy được sử dụng phương pháp dạy là phương pháp thuyết giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình; 50/60 học phần giảng dạy đưa các tình huống thực tế vào trong quá trình giảng dạy để người học cập nhật thông tin, trao đổi và thảo luận các vấn đề thực tế; 24/60 học phần yêu cầu người học thực hiện bài tập lớn, thực hành trên máy... hướng tới đạt được CĐR của từng học phần trong chương trình. Có 04/60 học phần yêu cầu bắt buộc sử dụng máy tính và các phần mềm hỗ trợ trong quá trình học là Tin học đại cương, Kinh tế lượng, Nguyên lý thống kê, và Nghiên cứu thị trường

[H1.02.03.01]. Hàng năm Khoa QTKD đều tổ chức tọa đàm giữa giảng viên, sinh viên, khách mời là một số lãnh đạo doanh nghiệp về phương pháp giảng dạy và học tập đáp ứng chuẩn đầu ra [H1.10.03.04].

Phương pháp giảng dạy mỗi học phần được thể hiện trong đề cương học phần, được ghi rõ và công bố ở dạng bản cứng và bản mềm qua đường link được công bố trên website của Học viện; công bố cho sinh viên trong mỗi đầu kỳ của các học phần [H1.02.03.01], [H1.01.01.11].

Nhiệm vụ hướng dẫn học tập/nghiên cứu, hướng dẫn phương pháp học tập được ban hành trong Quy định về công tác Cố vấn học tập [H1.04.02.02], trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa [H1.04.02.03]. Các phương pháp học tập từng học phần được hướng dẫn người học ngay trong những tuần đầu triển khai học phần và ghi cụ thể ở đề cương học phần của CTĐT [H1.01.02.03]. Đối với hoạt động học tập, việc đào tạo theo học chế tín chỉ tăng cường hoạt động tự học, thúc đẩy người học chủ động hơn. Học viện đã thiết lập trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ www.decuongmonhoc.apd.edu.vn và www.tinchi.apd.edu.vn để người học dễ dàng theo dõi nắm bắt những thông tin học tập từ phía Học viện và Khoa, chủ động trong kế hoạch học tập [H1.02.03.01], [H1.04.02.04]. Sinh viên được hướng dẫn tham gia vào các hoạt động thực tế tại cơ quan, doanh nghiệp từ mức độ tổng quan đến chi tiết nghiệp vụ chuyên môn qua các học phần Chuyên đề thực tế và Thực tập tốt nghiệp [H1.05.01.07], [H1.05.03.01].

Kết quả khảo sát sinh viên các năm học cho thấy, nhìn chung sinh viên hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo. Mức điểm hài lòng trung bình cụ thể như sau:

Khóa sinh viên	Mức độ hài lòng
7	4.5/5 điểm
8	4.2/5 điểm
9	4.3/5 điểm
10	4.0/5 điểm

Nguồn:[H1.04.02.05]

Kết quả trên phản ánh, sinh viên đánh giá tốt về các hoạt động giảng dạy và học tập, phương pháp giảng dạy của giảng viên ngành QTKD.

Các cuộc họp chuyên môn của Khoa ghi nhận các giảng viên tương đối hài lòng về các phương pháp giảng dạy được áp dụng [**H1.04.02.06**].

2. Điểm mạnh

Phương pháp dạy và học đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CDR và đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học.

3. Điểm tồn tại

Công nghệ áp dụng cho phương pháp dạy và học còn hạn chế. Mới chỉ có 03 học phần giảng dạy yêu cầu sinh viên sử dụng phần mềm máy tính, chưa đạt được một cách toàn diện các CDR CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Tạo môi trường chia sẻ tri thức giữa các giảng viên trong và ngoài khoa, ngoài Học viện thông qua các hội thảo chuyên đề của khoa và kết nối với các đơn vị ngoài Học viện.

- ***Khắc phục tồn tại:*** Trong năm học 2020-2021, CTĐT QTKD cần được triển khai nhiều môn học hơn sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng, tích hợp cả công nghệ vào trong giảng dạy. Học viện cần đầu tư hạ tầng CNTT để kết hợp giảng dạy trên lớp và giảng dạy trực tuyến phù hợp với yêu cầu trong thời đại 4.0.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Đề cương chi tiết của tất cả các học phần giảng dạy của CTĐT ngành QTKD ngành QTKD năm 2018 mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng

dạy như thuyết trình, thảo luận, đi thực tế, làm việc nhóm, thực hiện mô phỏng... nhằm thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin... [H1.01.02.03], [H1.02.01.03]

60/60 đề cương các học phần giảng dạy của CTĐT ngành QTKD có phần hướng dẫn tự học, trong đó yêu cầu sinh viên tự nghiên cứu nội dung học tập các chương mục cụ thể của học phần, chỉ rõ nội dung, tài liệu tự học tập giúp sinh viên tự nghiên cứu học tập suốt đời, tuy nhiên chưa có cơ chế giám sát chặt chẽ việc thực hiện hoạt động này của sinh viên, vì giảng viên tại giai đoạn 2015-2019 chưa sử dụng các phần mềm quản lý học tập mà chỉ chủ yếu dựa vào tính tự giác [H1.01.02.03]

Giảng viên ngành QTKD đã tích cực sử dụng các hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt để hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng học tập suốt đời. Giảng viên hướng dẫn sinh viên, gợi mở các vấn đề và khuyến khích sinh viên ứng dụng công nghệ để tra cứu, phân tích so sánh tài liệu áp dụng trong bài tập trên lớp dưới dạng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm [H1.01.02.03].

Kết quả khảo sát sinh viên giai đoạn 2015-2019 cho thấy 80.4% sinh viên hài lòng với việc “Giảng viên sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời”[H1.04.02.05].

2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành QTKD đều có hướng dẫn tự học cho sinh viên, giúp nâng cao khả năng nghiên cứu và rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phương thức cụ thể để giám sát việc tự học, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo trong đề cương một số học phần của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Năm học 2020-2021, Khoa chủ trì phối hợp với Phòng QLĐT chỉ đạo các bộ môn tiếp tục bổ sung tài liệu tham khảo trong nội dung hướng dẫn tự học.

- ***Khắc phục điểm tồn tại:*** Năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng QLĐT thiết kế hoặc đặt mua phần mềm quản lý học tập, giúp giảng viên có cơ chế giám sát tự học của sinh viên đối với tất cả các học phần của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 4

(i) Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Mục tiêu giáo dục của Học viện và của ngành QTKD đã tuyên bố một cách rõ ràng và được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới giảng viên, người học, nhà tuyển dụng. Phương pháp dạy và học đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CĐR và đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học. Có sự kết hợp giữa giảng viên cơ hữu của Học viện với các chuyên gia thực tiễn trong một số học phần nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng thực tiễn. Học viện và Khoa đã cung cấp môi trường học tập sinh hoạt, các hoạt động hỗ trợ người học, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

(ii) Điểm tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn

Việc tuyên truyền phổ biến triết lý giáo dục đến các bên liên quan còn có thể làm đầy đủ và hiệu quả hơn nữa. Công nghệ áp dụng cho phương pháp dạy và học còn hạn chế. Còn một số học phần sử dụng phương pháp thuyết trình

trong dạy và học, chưa đạt được một cách toàn diện các CDR CTĐT. Học viện chưa ứng dụng triệt để các công cụ hỗ trợ trong giảng dạy.

(iii) Kế hoạch hành động khắc phục tồn tại

Trong năm 2020-2021, Học viện phổ biến rộng rãi hơn nữa triết lý giáo dục tới các bên liên quan khác, trực tiếp qua video tại các buổi tọa đàm, dịp kỷ niệm 20.11... Học viện cần đầu tư hạ tầng CNTT để kết hợp giảng dạy trên lớp và giảng dạy trực tuyến phù hợp với yêu cầu trong thời đại 4.0. Học viện giao Phòng QLĐT thiết kế hoặc đặt mua phần mềm quản lý học tập, giúp giảng viên có cơ chế giám sát tự học của sinh viên đối với tất cả các học phần của CTĐT.

Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm, có 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 5

Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Học viện Chính sách và Phát triển, Khoa QTKD các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học của ngành QTKD được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CDR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như của ngành.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR

1. Mô tả

Học viện có các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá KQHT của người học. Các quy định về đánh giá KQHT đối với người học ngành QTKD được quy định rõ ràng tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển (Quyết định số 118/QĐ-HVCSPT ngày 06/5/2013; Quyết định số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015; Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018; Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2019) [H1.02.01.04]; Quy định tại mục 5.2 và 5.3 của Bản mô tả CTĐT ngành QTKD ban hành kèm Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018 [H1.02.01.02] và đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT [H1.02.01.03]; Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần (Quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015) [H1.05.01.01].

Việc đánh giá kết quả người học tại Học viện được thực hiện theo một quy trình tổng hợp và toàn diện, bao gồm hoạt động đánh giá năng lực người học trong

quá trình đào tạo và đánh giá tốt nghiệp đầu ra. Đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp của sinh viên ngành QTKD được quy định cụ thể tại Phần 5 của Bản mô tả chương trình đào tạo ngành QTKD [H1.02.01.02]. Trong đó quy định rõ về cách thức đánh giá kết quả học tập và phương pháp đánh giá học phần ở mục 5.2 và 5.3 của Bản mô tả CTĐT. Theo đó, quy trình đánh giá kết quả người học tại Khoa QTKD hướng tới đánh giá mức độ đạt được các CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học.

Quy trình đánh giá KQHT của người học trong quá trình đào tạo: Từ CDR của CTĐT và của từng học phần, các bộ môn trong Khoa đề xuất phương pháp đánh giá môn học đó. Trong đề cương chi tiết các học phần đều nêu rõ mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học đối với học phần đó. [H1.01.01.02],[H1.02.01.03]. Những mục tiêu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Theo Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/8/2018 của Học viện về ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển, nội dung về kiểm tra, thi học phần và đánh giá KQHT được quy định rõ trong Chương III [H1.02.01.04], theo đó kết quả của mỗi học phần đều được đánh giá theo ba loại đầu điểm: điểm đánh giá, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ. Vào đầu năm học, Phòng QLĐT ban hành Kế hoạch học tập của năm học quy định cụ thể thời gian học tập và thi học kỳ. Cụ thể, sinh viên sẽ học các học phần trong 15 tuần cộng với 1 tuần dự trữ, thi học kỳ được thực hiện trong 04 tuần sau tuần dự trữ [H1.05.01.02]. Thêm vào đó, trước khi kết thúc 15 tuần học tập, Trung tâm KT&ĐBCL sẽ ban hành lịch thi cụ thể các học phần bao gồm ngày, giờ thi, phòng thi, thời gian thi vào cuối mỗi học kỳ, trước khi môn thi đầu tiên diễn ra từ 2-3 tuần [H1.05.01.03].

Ngay sau khi nhập học, sinh viên được kiểm tra xếp loại trình độ ngoại ngữ với bài thi quốc tế TOEIC do IIG - đơn vị độc quyền duy nhất tại Việt Nam được chỉ định do Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ-ETS nhằm phân loại, tổ chức

đào tạo phù hợp với trình độ của người học và đáp ứng theo các CDR [H1.05.01.04].

Đối với đánh giá quá trình/đánh giá học phần được thực hiện theo quy định tại Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy. Theo quy định điểm đánh giá nhằm đánh giá ý thức, thái độ và tính chuyên cần của SV (liên quan đến chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV). Điểm kiểm tra giữa kỳ có thể thực hiện dưới các hình thức như kiểm tra trên lớp, làm bài tập nhóm, hoặc thuyết trình nhằm đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu về kiến thức và kỹ năng mà học phần hướng tới. Trong thời gian 15 tuần giảng dạy, giảng viên căn cứ vào thái độ, tinh thần học tập của sinh viên và kết quả kiểm tra giữa kỳ để đánh giá sinh viên ở hai đầu điểm là điểm đánh giá (20%) và điểm giữa kỳ (20%). Điểm thi cuối kỳ (60%) sẽ được thực hiện dưới hình thức thi tập trung theo thời gian quy định sau khi kết thúc 15 tuần học. Cuối mỗi học kỳ, SV sẽ tham dự kỳ thi hết học phần được tổ chức thi tập trung theo Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần của Học viện [H1.05.01.01]

Để đảm bảo việc đánh giá CDR về mặt kiến thức thì công tác ra đề thi tại Học viện được chú trọng và thực hiện theo quy trình chặt chẽ theo Quy định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển được ban hành theo (Quyết định số 245/QĐ-HVCSPT ngày 01/06/2015; Quyết định số 143/QĐ-HVCSPT ngày 24/3/2017; Quyết định số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20/9/2017). Theo đó, trưởng khoa, bộ môn sẽ giao nhiệm vụ ra đề thi/ xây dựng ngân hàng, câu hỏi theo các nhóm giảng viên. Sau đó, các nhóm sẽ tổ chức xây dựng đề thi, ra đáp án và tổ chức thảo luận toàn khoa, bộ môn. Đề thi/ngân hàng câu hỏi sau khi được phê duyệt của trưởng khoa, bộ môn sẽ được gửi lên TTKT&ĐBCL để thực hiện in đề và tổ chức thi hết học phần. Các đề thi/ ngân hàng câu hỏi cũng thường xuyên được rà soát và điều chỉnh theo quy định [H1.05.01.05], [H1.05.01.06], [H1.05.01.07]. Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 tiêu chí đánh giá về mức độ tham gia thực tế tại cơ sở, khả năng viết và trình bày báo

cáo... theo quy định tại tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế đối với sinh viên Học viện [**H1.05.01.09**]

Ngoài việc đánh giá KQHT theo các học phần thì cuối mỗi học kỳ, SV sẽ được đánh giá điểm rèn luyện về ý thức học tập; ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Học viện; ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, nghệ thuật, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng; ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Học viện [**H1.05.01.08**].

Quy trình đánh giá đầu ra tốt nghiệp: SV sau khi hoàn thành tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết thì sẽ đăng ký thực tập và viết khoá luận tốt nghiệp. Đầu học kỳ cuối khóa, sinh viên cuối khóa được đăng ký đi thực tập viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp để hoàn thành chương trình đào tạo. Quy trình và Kế hoạch thực tập và viết Báo cáo thực tập, Khoá luận tốt nghiệp được quy định cụ thể trong Kế hoạch học tập của năm học [H1.05.01.04] và trong chương IV – Thực tập cuối khóa, xét và công nhận tốt nghiệp thuộc Quy chế đào tạo của Học viện [**H1.02.01.04**]. Báo cáo thực tập tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp là cơ sở để đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp cho mỗi sinh viên. Ngoài ra, SV phải bảo vệ kết quả tốt nghiệp trước Hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp, được thực hiện theo hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp của Học viện được thể hiện trong các Quyết định được Học viện ban hành trong danh mục minh chứng [**H1.02.01.04**], [**H1.01.01.02**], [**H1.05.01.10**], [**H1.05.01.11**].

Như vậy, kết quả học tập của SV ngành QTKD được thực hiện một cách chặt chẽ và toàn diện với sự tham gia của lãnh đạo Khoa/ Bộ môn, GV các Bộ môn và các bên liên quan như P.QLĐT, TTKT&ĐBCL, P.CT&CTSV....

Căn cứ vào quy trình đánh giá trên, có thể thấy hoạt động đánh giá kết quả người học được thiết kế để đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành QTKD. Đối với CDR về kiến thức thì SV được thực hiện đánh giá thông qua các bài kiểm tra/ thi thiết kế riêng cho phù hợp với từng học phần.

[H1.02.01.03]. Để đánh giá đạt được mức độ đạt CDR cho từng học phần khác nhau như khối kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành, học phần lý thuyết, thực hành hay khóa luận tốt nghiệp thì được thiết kế các phương pháp đánh giá tương ứng. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức cơ sở ngành, SV chủ yếu được đánh giá theo hình thức câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận, nhằm mục đích đánh giá kiến thức chung ở mức độ biết, hiểu và vận dụng [H1.02.01.03]. Đối với khối kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu, các câu hỏi kiểm tra/chủ đề thảo luận nhóm/ngân hàng câu hỏi thi hết học phần đều được các giảng viên xây dựng với nội dung nhằm đánh giá kiến thức của SV ở các mức độ biết, hiểu (thông qua câu hỏi trắc nghiệm) và phân tích, tổng hợp, đánh giá (thông qua bài tập tình huống, bài tập nhóm, câu hỏi tự luận) [H1.02.01.03]. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, vì các học phần này có đặc thù là hướng tới đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu, tư vấn, làm việc với các tình huống sẽ gặp trong thực tế sau này, nên SV sẽ được đánh giá thông qua quá trình làm việc nhóm, viết báo cáo, thuyết trình nhằm đánh giá kỹ năng thực hiện nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề, khả năng làm việc độc lập [H1.02.01.03]. Bên cạnh đó, quy trình đánh giá còn hướng tới đánh giá CDR về kỹ năng của người học thông qua các hình thức thuyết trình, làm bài tập nhóm, bảo vệ chuyên đề tốt nghiệp trước Hội đồng, kỹ năng ngoại ngữ, tin học...SV cũng được đánh giá mức độ đạt được CDR về thái độ và năng lực tự chủ thông qua đánh giá kết quả rèn luyện hàng năm và kết quả rèn luyện của SV là cơ sở để xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội và là căn cứ để xếp loại kết quả rèn luyện của SV toàn khóa [H1.05.01.03].

Trong quá trình triển khai góp ý dự thảo cũng như thực hiện các quy định đã ban hành của Học viện về quy chế đào tạo, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xây dựng ngân hàng đề thi, hướng dẫn đánh giá chuyên đề thực tế, thực tập và khóa luận tốt nghiệp đều được thảo luận trong các buổi họp chuyên môn của Khoa QTKD với sự tham gia của các giảng viên trong Khoa cùng các chuyên gia trong và ngoài Học viện nhằm tiếp nhận các ý kiến đề xuất chỉnh sửa, bổ

sung cho phù hợp với mục đích, mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR nêu trong CTĐT [**H1.01.03.03**], [**H1.05.01.12**].

Ngoài ra, mỗi học phần đều đưa ra CĐR, phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận và nội dung thi bài thi kết thúc học phần...) phù hợp với từng môn học và phù hợp với CĐR thể hiện thông qua đề cương chi tiết học phần và ma trận tích hợp các phương pháp đánh giá đáp ứng CĐR [**H1.05.01.13**], [**H1.03.01.04**].

Trong kết quả khảo sát ý kiến người học mà Khoa QTKD thực hiện cũng như Học viện thực hiện thì đều cho thấy đánh giá từ phía người học đối với quy trình đánh giá kết quả học tập là phù hợp với CĐR [**H1.05.01.14**].

2. Điểm mạnh

Có các quy định rõ ràng về hình thức, kế hoạch, tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo các CĐR của CTĐT và của từng học phần. Quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên được xây dựng bám sát theo các yêu cầu về CĐR đối với kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTĐT, nhằm đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên theo các bậc thang biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá. Hệ thống các phương pháp đánh giá (câu hỏi trắc nghiệm, tự luận, thuyết trình, bài tập nhóm, chuyên đề thực tế, thực tập...) được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt CĐR.

3. Điểm tồn tại

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được CĐR chưa cập nhật và rà soát thường xuyên. Đánh giá KQHT của sinh viên theo CĐR còn dựa nhiều vào việc kiểm tra khả năng tái hiện, tái tạo kiến thức, giải các bài tập trong lớp học hơn đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Trong năm học 2020 - 2021, Khoa dự kiến phối hợp với P.QLĐT, TTKT&ĐBCL tổ chức tọa đàm nhằm rà soát, hoàn thiện công tác kiểm tra đánh giá KQHT để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của người học trong thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội trong lĩnh vực chuyên môn.

- Khắc phục điểm tồn tại:

Từ năm 2020 trở đi, các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được CĐR sẽ được cập nhật và rà soát 2 năm 1 lần. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên tập trung vào đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Tài liệu hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học được quy định rõ ràng tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển ban hành tại Quyết định số 118/QĐ-HVCSPT ngày 06/5/2013; Quyết định số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015; sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018; sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2019 [H1.02.01.04]; Quy định kiểm tra - đánh giá KQHT và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính

sách và Phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015 [H1.05.01.01].

Trong chương III của Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín ban hành tại Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2019 với nội dung về kiểm tra, thi học phần và đánh giá KQHT đều được quy định cụ thể tại Điều 8- Kiểm tra học phần; Điều 9- Thi học phần; Điều 10- Tính điểm học phần và Điều 11- Tính điểm trung bình chung học tập. Tại Điều 8 và Điều 9 có quy định về thời gian làm bài kiểm tra học phần, hình thức kiểm tra học phần bao gồm kiểm tra viết (tự luận, kết hợp tự luận với trắc nghiệm trên giấy, làm bài tập...), vấn đáp, trắc nghiệm trên máy tính, thực hành, làm bài tập theo nhóm và các hình thức khác. Các quy trình tổ chức thi và chấm thi đều được quy định ở Điều 9. Cách tính điểm học phần thể hiện rõ ở Điều 10 và Điều 11, theo đó trọng số của điểm kiểm tra học phần chiếm 20%, điểm đánh giá của giảng viên chiếm 20%, điểm thi học phần chiếm 60% cũng như công thức tính điểm trung bình chung học tập. Tiêu chí đánh giá người học được xếp loại đạt và không đạt, trong đó xếp loại đạt là từ điểm trung bình 4,0 điểm đến 10,0 điểm (từ điểm D trở lên theo thang điểm chữ) và không đạt có điểm số dưới 4,0 (điểm F). điểm học phần lấy lẻ đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4 như sau:

Loại đạt: Sinh viên đáp ứng đủ 02 điều kiện sau:

Điều kiện 1: Điểm thi học phần > 1 (thang điểm 10)

Điều kiện 2: Điểm học phần phải đạt như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,3 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 9,2	A	4,0
3	Từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
5	Từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5

6	Từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
7	Từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,7	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Điểm thi học phần ≤ 1 hoặc điểm học phần đạt dưới 4,0	F	0,0

Riêng đối với các học phần Ngoại ngữ, điểm học phần là điểm đánh giá theo quá trình học tập học phần đó, là số trung bình chung của 04 điểm thành phần với trọng số của từng thành phần như sau: (i) Điểm kiểm tra học phần: 20% ; (ii) Điểm đánh giá của giảng viên (bao gồm: thời gian lên lớp, phát biểu xây dựng bài, đóng góp ý kiến... của sinh viên): 20%; (iii) Điểm thi học phần: 60% gồm (Nói 15% và Viết 45%).

Các quy định về đánh giá KQHT của người học cũng được quy định trong đề cương học phần của chương trình ở mục 10.2. Phương pháp đánh giá học phần trong tất cả các đề cương [**H1.02.01.03**].

Các quy định về đánh giá KQHT của người học tại Học viện được công bố công khai tới người học thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau như: Website của Học viện [**H1.02.03.01**], trong tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu năm [**H1.05.02.01**]; giảng viên cố vấn học tập thông báo cho sinh viên, P.QLĐT công bố trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa học [**H1.04.01.02**], [**H1.04.01.03**]. Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 và thực tập tốt nghiệp năm cuối, trước mỗi kỳ Học viện và Khoa đều tổ chức hướng dẫn và công khai các tiêu chí đánh giá dựa trên những yêu cầu đạt được CĐR để sinh viên nắm được [**H1.05.02.02**].

Kế hoạch kiểm tra giữa kỳ được các giảng viên thông báo công khai trên lớp trước thời gian diễn ra ít nhất 01 tuần, thông thường, vào tuần lễ thứ 7- 8 của mỗi học kỳ, GV tổ chức kiểm tra để lấy điểm giữa kỳ cho SV (đối với học phần có 1 bài kiểm tra). Đối với bài thi cuối kỳ, TTKT&ĐBCL kết hợp cùng

Khoa/Bộ môn tổ chức thi kết thúc học phần theo lịch thi chung của Học viện. Tất cả các học phần trong học kỳ được tổ chức thi tập trung, lịch thi cuối kỳ được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy hàng năm và được công bố công khai trên website của Học viện vào cuối mỗi học kỳ, trước khi môn thi đầu tiên diễn ra từ 2-3 tuần [H1.05.01.03]. Các quy định về điều kiện dự thi cuối kỳ (đạt tối thiểu 5 điểm cho thành phần điểm đánh giá, đạt 4,0 điểm cho thành phần kiểm tra) và các điều kiện khác được quy định tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện [H1.02.01.04]

Đối với từng học phần, giảng viên thông báo công khai điểm đánh giá quá trình (điểm kiểm tra học phần và điểm đánh giá của giảng viên) cho người học trên lớp trước buổi học cuối cùng 1 tuần. Kết thúc thời hạn công bố điểm trên lớp 1 tuần, giảng viên nhập bảng điểm vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Học viện tại địa chỉ: <http://qltd.apd.edu.vn>, đồng thời kết thúc học phần người học được công bố đủ điều kiện dự thi học phần tại địa chỉ <http://tinchi.apd.edu.vn>.

Ở giai đoạn đầu mỗi năm học Khoa QTKD đều triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về mức độ nắm rõ các quy định của Học viện về qui trình thi, kiểm tra, đánh giá nhằm có những kênh thông tin, truyền thông phù hợp đến sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% sinh viên xác nhận hiểu rõ quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT của người học [H1.05.02.03].

2. Điểm mạnh

Các tài liệu/hướng dẫn được xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học. Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học được công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Người học được phổ biến các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các quy định về đánh giá KQHT của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương chi tiết môn học và được công bố công khai trên website, tuy nhiên lượng người học truy cập vào trang này để tìm hiểu trước về nội dung và phương pháp đánh giá môn học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Tiếp tục cải tiến quy trình đánh giá kết quả theo hướng đa dạng và phù hợp với thông lệ quốc tế. Khoa QTKD giao cho các Trưởng bộ môn làm đầu mối, phối hợp với bộ môn khác trong Khoa, kết hợp với TTKT&ĐBCL có kế hoạch mở các lớp tập huấn cho giảng viên về đổi mới phương pháp đánh giá KQHT người học để đáp ứng với yêu cầu thực tế.

- ***Khắc phục điểm tồn tại:*** Từ năm học 2020-2021, cố vấn học tập cần tăng cường tư vấn cách thức tiếp cận đề cương học phần cho tất cả sinh viên giúp sinh viên đọc, hiểu và lựa chọn đúng môn học và có phương pháp học tập phù hợp để có được KQHT tốt.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp đánh giá KQHT của người học theo hướng tới phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học. Do đó, tại Khoa QTKD, KQHT của người học được đánh giá dựa trên hệ thống các phương pháp khác nhau, phù hợp với yêu cầu về CDR của CTĐT nói chung và của từng học phần nói riêng. Việc đánh giá kết quả của từng học phần do Khoa/Bộ môn phụ trách và được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần [H1.02.01.03]. Tại Khoa QTKD nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT

được sử dụng như: kiểm tra viết tại lớp (tự luận hoặc trắc nghiệm), làm bài tập (cá nhân, nhóm); thuyết trình; viết đề án môn học; báo cáo chuyên đề kiến tập, báo cáo thực tập tổng hợp; viết khoá luận tốt nghiệp; bảo vệ khoá luận tốt nghiệp được thể hiện trong phần 5 - Đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp của bản mô tả chương trình đào tạo ngành QTKD **[H1.02.01.02]**

Trước khi đưa môn học vào giảng dạy, Bộ môn, Hội đồng khoa của các khoa, bộ môn thuộc Học viện đã tổ chức họp, xem xét và chấp nhận các phương pháp đánh giá KQHT bao gồm hình thức đánh giá, trọng số của các điểm thành phần, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do bộ môn phụ trách đề xuất. Căn cứ vào mục tiêu đào tạo và CDR của từng học phần mà các phương pháp đánh giá cụ thể sẽ được áp dụng. Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức cơ sở ngành, bài kiểm tra giữa kỳ/ bài thi hết học phần chủ yếu được đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm trên lớp. Trong khi đó, các môn học thuộc khối kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu của Khoa QTKD có đặc thù là hướng tới đào tạo bồi dưỡng kỹ năng thực hành, tư vấn, làm việc với các tình huống sẽ gặp trong thực tế sau này, nên các bài kiểm tra giữa kỳ không được thực hiện trên lớp thay vào đó, sinh viên sẽ được giao bài tập nhóm để tạo cơ hội cho các em rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, ví dụ học phần Quản trị học... Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 và thực tập tốt nghiệp năm cuối, các phương pháp đánh giá theo quy định chung của Học viện và đặc thù của từng Khoa chuyên ngành dựa trên tổ hợp tiêu chí đánh giá nêu trong kế hoạch thực tập, thi tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp **[H1.05.01.10]**, Hướng dẫn tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế **[H1.05.01.09]** và Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp **[H1.05.01.10]**, **[H1.05.01.11]**. Ví dụ, đối với Khoa QTKD, phương pháp đánh giá đối với chuyên đề thực tế là đánh giá thông qua báo cáo chuyên đề thực tế và thi vấn đáp với những câu hỏi chủ yếu tập trung vào quá trình đi thực tế, những khó khăn và thuận lợi sinh viên gặp phải khi đi thực tế, những bài học, kinh nghiệm mà sinh viên học được từ quá trình đi thực tế. Đối với môn Phương pháp nghiên

cứu khoa học, phương pháp đánh giá sẽ dựa trên điểm đánh giá (20%) điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) và điểm bảo vệ đề tài khoa học được tính điểm kết thúc học phần (60%) [**H1.05.03.01**]. Phương pháp chấm đề tài khoa học được đánh giá ở nội dung đề tài (đề cương logic, nội dung phù hợp, tính mới, mô hình phân tích...) và thuyết trình (tính lưu loát, tự tin, làm việc nhóm...) được thể hiện rõ trong mẫu phiếu chấm điểm [**H1.05.03.01**].

Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá KQHT của người học được quy định rõ ràng tại Quy chế đào tạo của Học viện [**H1.02.01.04**] và trong Quyết định số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20 tháng 9 năm 2017 về việc ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân [**H1.05.01.06**]. Để các phương pháp kiểm tra đánh giá người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng, Khoa QTKD thực hiện chặt chẽ việc đánh giá KQHT từ khâu ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, công bố kết quả đối với mỗi học phần và phúc khảo, giải đáp thắc mắc của SV.. Khoa QTKD thực hiện các khâu của quá trình biên soạn đề và duyệt đề thi kết thúc học phần, in sao và đóng gói, bảo quản, lưu trữ đề thi kết thúc học phần, phân công cán bộ coi thi kết thúc học phần và tổ chức chấm thi đều được thực hiện theo các hướng dẫn của Học viện [Quy định ra đề thi]. Đối với công tác ra đề thi, Trưởng Khoa cùng với các GV trong từng bộ môn chịu trách nhiệm xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, đề thi tự luận và đáp án với mục tiêu đánh giá các yêu cầu về CĐR được nêu trong Đề cương học phần. Tại điều 6 của Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân ban hành theo Quyết định số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20 tháng 9 năm 2017 quy định các tiêu chí phân bổ câu hỏi thi theo cấp độ đánh giá bài làm của sinh viên, trong đó có 3 cấp độ đánh giá người học đó là đánh giá sự hiểu bài, kỹ năng phân tích tổng hợp và khả năng vận dụng và sáng tạo. Việc phân bổ câu hỏi thi phải đảm bảo 60% câu hỏi cấp độ 1 (dễ và trung bình); 30% câu hỏi cấp độ 2 (khó); 10% câu hỏi cấp độ 3 (rất khó), đối với câu hỏi tự luận phải đáp ứng được yêu cầu tại khoản 1 trong Quyết định 632/QĐ-HVCSPT ngày 20

tháng 9 năm 2017. Ngoài ra tại Quy định về việc biên soạn và thẩm định đề thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển ban hành theo Quyết định 245/QĐ-HVCSPT ngày 01/06/2015 [H1.05.01.01] quy định rõ đề thi phải phù hợp với đề cương chi tiết học phần đã ban hành, đáp ứng được yêu cầu kiểm tra, đánh giá đúng mục tiêu đã đề ra của học phần và phải đảm bảo phân loại được trình độ của sinh viên, đề thi phải có đáp án rõ ràng trên thang điểm 10. Về cơ cấu đề thi, với học phần 02 tín chỉ đề thi phải có ít nhất 03 câu hỏi, với học phần ≥ 03 tín chỉ, đề thi phải có ít nhất 04 câu hỏi. Đề thi được lấy từ ngân hàng đề thi hoặc được thiết kế và sử dụng chung cho các lớp trong cùng một học kỳ. Ngoài ra, Học viện yêu cầu kết thúc mỗi học kỳ, các bộ môn/khoa rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bộ câu hỏi thi [H1.05.01.07].

Các nội dung gồm về thời gian tổ chức thi, hình thức thi, điều kiện dự thi kết thúc học phần của sinh viên, các khâu của quá trình biên soạn và duyệt đề thi kết thúc học phần, in sao và đóng gói, bảo quản, lưu trữ đề thi kết thúc học phần, phân bổ cán bộ coi thi kết thúc học phần đều được thiết kế đúng theo các hướng dẫn của Học viện. Đề thi và đáp án thi cuối kỳ được trường bộ môn phê duyệt để đảm bảo độ giá trị và tin cậy. Các lớp thi cùng 1 ca theo một bộ đề thi chung nhằm đảm bảo sự khách quan và công bằng. Bài thi của sinh viên được chấm theo đáp án đã được bộ môn thảo luận và thống nhất, dưới quy trình chấm được chuẩn hóa (rọc phách, hai giảng viên cùng chấm tại văn phòng bộ môn, vào điểm theo quy định của Học viện...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Điểm thành phần các học phần sẽ được đăng tải công khai và người học sẽ được công khai biết trên trang thông tin của sinh viên tại địa chỉ www.tinchi.apd.edu.vn

TTKT&ĐBCL và Ban In sao đề [H1.05.03.02] bốc thăm ngẫu nhiên tối thiểu 02 đề thi để đảm bảo tính khách quan. Việc chấm thi của tất cả các bậc đào tạo đều tuân thủ theo quy định: Bài thi được rọc phách và do hai giảng viên chấm độc lập đảm bảo tính công bằng, khách quan. Kế hoạch thi được xây dựng

từ giữa kỳ học và công bố công khai. Trong trường hợp có nhiều lớp thi phải thi làm nhiều ca thì đề thi của các ca thi là khác nhau. Công tác coi thi do cán bộ, giảng viên trong Học viện đảm nhiệm, có sự giám sát của Hội đồng và Ban thanh [H1.05.03.02]. Để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, Khoa QTKD nói riêng và Học viện nói chung có quy định về việc tổ chức xem xét lại bài thi cho sinh viên [H1.05.01.01], [H1.05.03.03]. Công tác quản lý điểm được tách thành 03 khâu độc lập: Giảng viên chấm bài, vào điểm theo phách do TTKT&ĐBCL cung cấp; TTKT&ĐBCL tổ chức thi và rọc phách; P.QLĐT quản lý điểm [H1.05.01.01].

Để đảm bảo phương pháp đánh giá KQHT được khách quan, hàng năm Khoa QTKD phối hợp với Phòng CT&CTSC và TTKT&ĐBCL tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên ngành QTKD về việc đánh giá phương pháp và quy trình đánh giá KQHT. Phiếu đánh giá ở 5 tiêu chí liên quan tới đánh giá KQHT [H1.05.01.12] được đánh giá tương ứng với 5 cấp độ khác nhau bao gồm hoàn toàn đồng ý; không đồng ý; bình thường; đồng ý; hoàn toàn đồng ý. Sau khi có kết quả phiếu điều tra, Khoa phối hợp với TTKT&ĐBCL làm báo cáo phân tích tổng hợp về phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy: Trên 80% sinh viên được hỏi trả lời từ mức bình thường đến đồng ý và hoàn toàn đồng ý giảng viên đã sử dụng phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học phù hợp, tương ứng với mức điểm "khá" và "tốt". Không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá KQHT [H1.05.02.03].

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung.

3. Điểm tồn tại

Tổ chức thi và kiểm tra chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế. Học viện chưa sử dụng phần mềm Turnitin để kiểm tra tỉ lệ sao chép đối với các bài tập lớn, Báo cáo thực tập và Khoá luận tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:***Khoa QTKD tiếp tục phát huy tính nghiêm túc, khách quan và đảm bảo chất lượng CDR trong công tác đánh giá KQHT ở những giai đoạn tiếp theo.

- ***Khắc phục tồn tại:***Năm học 2020 - 2021, Khoa QTKD phối hợp với TTKT&ĐBCL và P.QLĐT xây dựng phương thức thi điểm thi vấn đáp cho một số học phần. P.QLĐT đề xuất Học viện mua phần mềm để kiểm tra tất các bài tập nhóm, bài tập lớn, báo cáo thực tập, khoá luận tốt nghiệp... của sinh viên nhằm đảm bảo tính trung thực, kỹ năng tổng hợp tài liệu và trích dẫn của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả

Học viện Chính sách và Phát triển có những quy định rõ ràng trong việc công bố công khai KQĐG của người học, cụ thể tại Điều 26 – Tổ chức chấm thi, thông báo kết quả thi học phần của Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018 [H1.02.01.04] và Điều 20 - Tổ chức chấm thi, thông báo kết quả thi học phần trong Quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015 về Quy định kiểm tra – đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.01]. Học viện có phần mềm quản lý đào tạo hỗ trợ người học phản hồi kịp thời để cải

thiện việc học tập tại địa chỉ trực tuyến <http://tinchi.apd.edu.vn> [**H1.05.04.01**], [**H1.05.04.02**].

Với điểm quá trình, giảng viên phải công bố điểm đánh giá quá trình trên lớp trước buổi học cuối cùng một tuần để sinh viên biết và thắc mắc (nếu có), đồng thời giúp sinh viên có thể kịp thời nỗ lực và điều chỉnh việc học tập trong kỳ thi kết thúc học phần để cải thiện kết quả chung của học phần. Bảng điểm quá trình sau đó được giảng viên nhập trên hệ thống quản lý điểm và công bố cho sinh viên cũng như TTKT&ĐBCL lập danh sách tham dự thi chậm nhất 7 ngày trước khi học phần đó bắt đầu thi [**H1.05.01.01**].

Đối với điểm thi học phần cuối học kỳ, các GV của Bộ môn chấm thi và nhập điểm lên hệ thống quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần của Học viện ban hành theo quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015 của Giám đốc Học viện [**H1.05.01.01**]. Tất cả các bài thi đều thực hiện làm phách, chấm thi được tổ chức tập trung tại văn phòng Khoa, Bộ môn, mỗi bài thi đều có 2 cán bộ chấm thi do Trưởng khoa, bộ môn phân công chấm [**H1.05.01.02**]. Trong vòng 07 ngày làm việc (tương ứng số lượng dưới 200 bài thi), 10 ngày làm việc (tương ứng với số lượng lớn hơn 200 bài thi) kể từ ngày nhận bài thi, các Khoa/Bộ môn phải hoàn thành việc chấm thi, hồi phách, nhập điểm theo số phách lên hệ thống quản lý đào tạo tại địa chỉ: www.qldt.apd.edu.vn. Sau 01 tuần, P.QLĐT có trách nhiệm thông báo điểm thi học phần và điểm học phần tới các Khoa/Bộ môn giảng dạy, Khoa Quản lý sinh viên. Khoa Quản lý sinh viên có trách nhiệm thông báo tới sinh viên. Đồng thời, điểm bài thi cuối kì sẽ được công bố tới sinh viên thông qua tài khoản cá nhân trên phần mềm Quản lý đào tạo tại địa chỉ <http://tinchi.apd.edu.vn> để sinh viên xem và kiểm tra điểm học phần một cách nhanh chóng, kịp thời và đúng quy định về thời gian. Tuy nhiên, việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định do một số giảng viên đôi khi còn nhập điểm muộn

Sau khi có thông báo về phúc khảo bài thi, SV có thể nộp đơn xin phúc khảo nếu chưa hài lòng với kết quả đánh giá về TTKT&ĐBCL. Kết quả phúc khảo sẽ được thông báo cho SV trong vòng 2 tuần và cập nhật điểm số vào hệ thống (nếu có thay đổi kết quả) và thông báo trên website Học viện [H1.05.04.03]. Bài thi được lưu trữ đến hết khóa học.

Các quy định trên đều được công bố công khai đến từng giảng viên và sinh viên trong Sổ tay sinh viên, sổ tay cố vấn học tập [H1.05.04.04], Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu năm từ 2013 - 2019 [H1.05.02.01]; và trên mục văn bản nội bộ <http://apd.edu.vn/van-ban-noi-bo> với tên đăng nhập là vbnb@gmail.com dành cho giảng viên đăng nhập và trên thông báo công khai của Học viện www.apd.edu.vn/thong-bao-can-bo-giang-vien.

Khoa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá KQHT của sinh viên, do đó đã xây dựng hệ thống quản lý đo lường đánh giá chặt chẽ, khoa học, khách quan, chính xác công bằng và phản hồi kịp thời tới người học để nâng cao chất lượng đào tạo. Các Bộ môn/Khoa đều họp tổng kết học kỳ để rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng cho học kỳ mới. Trong các nội dung được thảo luận luôn có việc phân tích kết quả đánh giá, phản hồi của người học để có thể cải thiện việc giảng dạy và học tập trong thời gian tới. Nội dung phân tích và đánh giá được thể hiện thông qua biên bản họp Tổng kết cuối học kỳ của Bộ môn. Trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo và phương hướng nhiệm vụ cho năm học tới hàng năm của Học viện, Khoa đều đánh giá chi tiết về kết quả học tập của sinh viên, từ đó xác định rõ những nguyên nhân hạn chế trong công tác đánh giá KQHT người học đưa vào phương hướng xử lý các năm học tiếp theo [H1.05.04.05].

Ngoài ra, Khoa còn thu thập các ý kiến phản hồi của người học, cựu người học thông qua điều tra bảng hỏi khảo sát về đánh giá KQHT hàng năm và được tổng hợp phân tích hàng năm. Tỷ lệ hài lòng của người học về việc công bố, phản hồi kết quả đánh giá là gần 80%, kết quả này thể hiện ở tỷ lệ bài có

khiếu nại so với tổng bài thi cũng như thông qua bảng khảo sát ý kiến người học [H1.05.02.03].

2. Điểm mạnh

Học viện có đầy đủ các quy định về việc phản hồi KQĐG của người học. KQĐG được công bố công khai, kịp thời đến người học; được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định do một số giảng viên đôi khi còn nhập điểm muộn.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các giảng viên thực hiện đúng quy định về việc công bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần đồng thời có các biện pháp trao đổi với sinh viên thông qua cố vấn học tập hoặc các buổi toạ đàm nhằm cải thiện kết quả học tập của sinh viên.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm học 2020 – 2021, Khoa QTKD đôn đốc và yêu cầu giảng viên Khoa, đồng thời phối hợp với TTKT&ĐBCL thực hiện đúng việc công bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần theo quy định đã đề ra.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Học viện có các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT của người học được quy định rõ tại Chương V – Xem xét lại kết quả bài thi học phần thuộc Quy trình kiểm tra – đánh giá KQHT và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học

chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.01 (1), (2)], Mục 7 – Quy trình xin xem xét lại điểm học tập và Mục 18 – Quy trình khiếu nại KQHT, Quy trình Quản lý đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển ban hành theo Quyết định số 150/QĐ-HVCSPT ngày 17/04/2015 [H1.05.05.01]. Tại Mục 7 trong Quy định này có nêu rõ ràng về quy trình xin xem xét lại điểm học tập, trong đó có 4 bước để thực hiện việc hoàn thành thủ tục khiếu nại về kết quả học tập. Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc tra kết quả thi kết thúc môn học. Đơn đề nghị phúc tra kết quả thi (mẫu 07.QLĐT/XNBD) được gửi tới các khoa chuyên ngành, trợ lý khoa là người tiếp nhận, trợ lý khoa trực 5 ngày trong tuần, mỗi ngày 8 tiếng tại Văn phòng Khoa. Trường hợp thắc mắc về điểm thành phần của môn học thì đơn được chuyển về các Bộ môn, thắc mắc về điểm thi học phần thì chuyển cho TTKT&ĐBCL, nếu thắc mắc về điểm tổng kết học phần thì chuyển về Phòng QLĐT. Tất cả các đề nghị chấm phúc tra đều phải đóng lệ phí 50 nghìn đồng/lần phúc tra. Thời gian chấm phúc tra không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của sinh viên. Sau khi chấm phúc tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Trưởng Khoa phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải được Trưởng Khoa và Giám đốc TTKT&ĐBCL ký xác nhận và được công bố công khai trên website Học viện.

Vào đầu mỗi năm học Khoa QTKD phối hợp P.CT&CTSV tổ chức các lớp học sinh hoạt chính trị đầu năm cung cấp/ phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trước mỗi khóa học. Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa hàng năm được ban hành với các nội dung cụ thể [H1.05.05.02], được quy định rõ ràng nhiệm vụ của từng đơn vị đào tạo trong việc giới thiệu mọi quy chế, quy định cho sinh viên. Trong đó TTKT&ĐBCL chịu trách nhiệm phổ biến về quy trình khiếu nại về KQHT. Ngoài ra, trong tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu năm từ 2013 - 2019 [H1.05.02.01] được quy định rõ tại Điều 32 về quy trình phúc tra KQHT.

Trong Báo cáo công tác đào tạo và phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo hàng năm đều có thống kê [**H1.05.04.03**], đánh giá công tác khiếu nại KQHT do TTKT&ĐBCL cung cấp [**H1.05.05.02**]. Trong đó, theo thống kê của TTKT&ĐBCL số sinh viên khiếu nại về kết quả học tập có sự thay đổi điểm hàng năm đều dưới 1% so với tổng sinh viên của Khoa QTKD [**H1.05.04.03**]. Đồng thời, không có trường hợp khiếu nại phàn nàn về việc giải quyết chậm đối với quy trình phản hồi kết quả khiếu nại về KQHT được thể hiện thông qua kết quả khảo sát ý kiến người học về “Khiếu nại về kết quả kiểm tra, thi (nếu có) được giải quyết kịp thời, thoả đáng” với 95,62% sinh viên trả lời đồng ý và hoàn toàn đồng ý [**H1.05.02.03**].

2. Điểm mạnh

Quy trình về khiếu nại về KQHT bao gồm thủ tục, trình tự và thời gian giải quyết được quy định rõ ràng, công khai. sinh viên được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về KQHT của mình. Học viện, Khoa và Bộ môn đảm bảo được quyền lợi chính đáng cho người học khi có bất kỳ thắc mắc về KQHT.

3. Điểm tồn tại

Đôi khi có một số sinh viên do không nhớ chính xác về thời gian nộp đơn phúc khảo dẫn đến nộp đơn muộn.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Khoa tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan, đặc biệt là TTKT&ĐBCL duy trì và cải thiện quy trình khiếu nại về KQHT theo hướng thực hiện online hoàn toàn, thay vì chỉ đăng ký phúc khảo qua mạng và in phiếu đến nộp trực tiếp như hiện nay.

- ***Khắc phục điểm tồn tại:*** Từ năm học 2020 - 2021, Khoa QTKD sẽ phối hợp với TTKT&ĐBCL và P.QLĐT thực hiện việc thông báo cho sinh viên về quy định về thời gian nộp đơn phúc khảo ngay sau khi kết thúc môn thi đầu tiên để đảm bảo không có tình trạng sinh viên nộp đơn muộn

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Kết luận tiêu chuẩn 5

(i) Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Đánh giá KQHT của người học luôn bám sát và phù hợp với CDR, do đó luôn giữ vững và đảm bảo chất lượng đào tạo. Ngoài quy trình đánh giá KQHT người học được quy định chung cho cả Học viện thì Khoa QTKD cũng có các quy trình đặc thù riêng và được đưa vào mô tả, cụ thể hóa các quy định của Học viện. Các quy định về đánh giá KQHT đều rõ ràng và được công bố công khai tới người học. Công tác quản lý hoạt động đào tạo, kiểm tra, đánh giá của CTĐT đều tuân thủ các quy định một cách nghiêm túc. Quy trình chấm thi hết học phần của sinh viên được thực hiện nghiêm túc chặt chẽ đảm bảo khách quan, công bằng. KQDG được công bố công khai và phản hồi kịp thời đến người học, đã giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học tập. Quy trình khiếu nại về KQHT bao gồm thủ tục, trình tự và thời gian giải quyết được quy định rõ ràng, công khai.

(ii) Điểm tồn tại chủ yếu

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được CDR chưa cập nhật và rà soát thường xuyên. Các quy định về đổi mới phương pháp đánh giá KQHT người học để đáp ứng với yêu cầu của người học cũng như đảm bảo tính cập nhật môn học chưa được triển khai rộng rãi và toàn diện. Tổ chức thi và kiểm tra chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế. Việc rà soát và đổi mới bộ đề thi chưa thực hiện thường xuyên; số lượng môn học có ngân hàng câu hỏi được nghiệm thu và được sử dụng chính thức chưa nhiều. Việc thu thập ý kiến phản hồi của người học về quy trình, cách thức thông báo KQHT chưa được tiến hành thường xuyên, bài bản để điều chỉnh cho phù hợp với nguyện vọng của người học theo phương châm lấy người học làm trung tâm.

(iii) Kế hoạch hành động khắc phục tồn tại

Từ năm học 2020 - 2021, khoa QTKD phối hợp với TTKT&ĐBCL và P.QLĐT: (i) Rà soát phương pháp đánh giá KQHT, tập trung vào đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên; (ii) Tăng cường tư vấn cách thức tiếp cận đề cương học phần cho tất cả sinh viên giúp sinh viên đọc, hiểu và lựa chọn đúng môn học và có phương pháp học tập phù hợp để có được KQHT tốt; (iii) Xây dựng phương thức thi điểm thi vấn đáp cho một số học phần; (iv) Thực hiện đúng việc công bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần theo quy định; (v) Thực hiện việc thông báo cho sinh viên về quy định về thời gian nộp đơn phúc khảo ngay sau khi kết thúc môn thi đầu tiên để đảm bảo không có tình trạng sinh viên nộp đơn muộn

Tiêu chuẩn 5 có 05 tiêu chí, cả 05 tiêu chí đạt 5/7 điểm..

TIÊU CHUẨN 6

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Tổng số cán bộ, giảng viên của Học viện tính tại thời điểm 31/11/2019 là 124 người, trong đó có 78 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 61,3% tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu toàn Học viện. Cơ cấu gồm 04 người là Phó Giáo sư, 23 người là Tiến sĩ (không kể PGS), 54 người là Thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên (không kể PGS) trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 22,3%. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 71,1%. Học viện chưa thành lập Hội đồng Học viện.

Đội ngũ giảng viên Học viện nói chung và Khoa QTKD nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, sử dụng, đề bạt cán bộ thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của giảng viên. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa QTKD được thực hiện

theo quy trình chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Học viện.

Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Học viện được thể hiện trong Kế hoạch tuyển dụng và Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên. Học viện có kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm về tuyển dụng đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) để đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện. Kế hoạch này được thể hiện trong Đề án Vị trí việc làm năm 2014 của Học viện được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông qua ngày 19/2/2014 tại Quyết định số 189/QĐ-KHĐT [**H1.06.01.01**]. Trong Đề án đã chỉ rõ số lượng cán bộ, giảng viên cần tuyển dụng đáp ứng các yêu cầu và vị trí việc làm của toàn Học viện⁽¹⁾ nói chung cũng như của Khoa QTKD (trước 2018 là Khoa Quản trị doanh nghiệp) nói riêng tại Phụ lục 6 về mô tả vị trí việc làm.

Đồng thời, trong Chiến lược phát triển Học viện và Quyết định công bố về “Sứ mạng, tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển” tại Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016, Học viện công bố sứ mạng, mục tiêu đó là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, thạc sĩ, tiến sĩ về chính sách công, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế hướng tới đáp ứng tối đa nguyện vọng của người học và nhu cầu xã hội. Về lĩnh vực NCKH, chuyên giao công nghệ, Học viện phấn đấu đến năm 2020 là Học viện theo định hướng nghiên cứu. Hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện trong chủ trương của Học viện về hoạt động NCKH, công tác xã hội đó là đổi mới nội dung các đề tài thiết thực và tính ứng dụng cao đáp ứng nhu cầu xã hội điển hình với các đề tài như: Cơ sở khoa học và giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam; Đánh giá và kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả đối với một số chính sách phát triển do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất đã được các cấp có

¹Nhu cầu phát triển đội ngũ giảng viên của Học viện Chính sách và Phát triển được thể hiện trong chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2011-2020 với các nội dung cụ thể dự kiến đến năm 2020 số lượng giảng viên cơ hữu của Học viện là 150 người, số lượng cán bộ quản lý đến năm 2020 là 52 người

thẩm quyền ban hành; Xác định phạm vi nợ công và trần nợ công an toàn của Việt Nam giai đoạn 2014 -2020, Nghiên cứu cải cách thể chế kinh tế Việt Nam giai đoạn 2014 - 2020, tầm nhìn 2025 [H1.06.06.02]. Trên cơ sở chiến lược phát triển nói chung và phát triển nguồn nhân lực nói riêng nguồn nhân lực của Học viện... [H1.06.01.03].

Trên cơ sở yêu cầu của CTĐT, nhu cầu đào tạo, Chiến lược phát triển Học viện, Học viện đã xây dựng kế hoạch trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ giảng viên. Hàng năm Học viện cũng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng năm [H1.06.01.04]. Trong đó, Học viện có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm... cho các giảng viên trong Học viện.

Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch tuyển dụng hằng năm, Học viện tiến hành tuyển dụng giảng viên theo đúng quy trình tuyển dụng tại Quyết định số 40/QĐ- HVCSPT ngày 19/3/2012 về việc ban hành quy trình tạm thời về tuyển dụng lao động hợp đồng của Học viện Chính sách và Phát triển tiến trình thực hiện được tiến hành qua 8 bước [H1.06.01.05]: (i) Xác định nhu cầu tuyển dụng; (ii) Lập kế hoạch nhân sự; (iii) Phê duyệt kế hoạch nhân sự; (iv) Thông báo tuyển dụng; (v) Thu nhận hồ sơ và sơ tuyển; (vi) Tổ chức kiểm tra chuyên môn và phỏng vấn; (vii) Thông báo kết quả và ký Hợp đồng lao động; (viii) Tiếp nhận nhân viên mới. Quy hoạch, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, nghiên cứu viên được thông báo công khai, rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau. Toàn bộ hoạt động tuyển dụng, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên đều được thực hiện theo quy trình quy trình tuyển dụng. Trong 5 năm khoa QTKD, đã tuyển được 02 giảng viên (PGS.TS Ngô Phúc Hạnh và ThS. Đặng Thị Quỳnh Trang [H1.06.01.06]. Tuy nhiên, kênh thông tin tuyển dụng của Học viện vẫn còn hạn chế, chủ yếu là đăng tin tuyển dụng trên trang website của Học viện.

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dựa trên Kế hoạch trung hạn, đề xuất của các Khoa về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên [H1.06.01.07]. Các giảng viên tham

gia đào tạo bồi dưỡng được hưởng các chính sách theo quy định. Học viện đã tổ chức nhiều đợt tập huấn ngắn hạn cho giảng viên, cử và tạo điều kiện cho giảng viên được học tập nâng cao trình độ. Học viện và Khoa QTKD đã cử các giảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng như Trung cấp lý luận hành, bồi dưỡng giảng viên chính, Nghiệp vụ sư phạm, Tiếng Anh... và cử đi tham gia các hội nghị, hội thảo. Các giảng viên đi học được hỗ trợ học phí theo quy định **[H1.06.01.08]**.

2. Điểm mạnh

Học viện luôn chú trọng đến quy hoạch đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác kế hoạch/quy hoạch phát triển cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản cho các giai đoạn ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều kênh truyền thông về thông tin tuyển dụng giảng viên và nghiên cứu viên.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh***: Từ năm 2020, phòng Tổ chức hành chính kết hợp với khoa QTKD tổ chức xây dựng và triển khai các kế hoạch phát triển giảng viên bám sát với yêu cầu của CTĐT.

- ***Khắc phục điểm tồn tại***: Từ năm học 2020 – 2021, Phòng Tổ chức - Hành chính kết hợp Trung tâm Thông tin thư viện và Truyền thông sử dụng đa dạng các kênh thông tin về tuyển dụng để lan toả các thông tin tuyển dụng đến nhiều các ứng viên, giúp Khoa QTKD và Học viện tuyển dụng được nhiều cán bộ, giảng viên có chất lượng tốt.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT đáp ứng yêu cầu được nêu trong các Thông tư số 24/2015/TT/BGDĐT ngày 23/09/2015, Thông tư số 32/2015/TT/BGDĐT ngày 15 tháng 12 năm 2015 và Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/2/20219 của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2009 đến nay, thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT, Học viện Chính sách và Phát triển hàng năm công bố tổng số giảng viên cơ hữu và tổng số sinh viên để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát. Tính đến tháng 8/2019, số lượng giảng viên của Khoa là 10 người, số lượng giảng viên quy đổi là 15.8 người, 100% giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên trong đó có 60 % có trình độ từ Tiến sĩ trở lên. Số lượng sinh viên ngành QTKD chính quy là 367 người. Như vậy, tỷ lệ sinh viên/giảng viên chính quy quy đổi của ngành QTKD là 23.2; [H1.06.02.01], [H1.06.02.02].

Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được. Công việc chính của giảng viên hiện nay là giảng dạy và NCKH. Đối với hoạt động giảng dạy, giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi để thực hiện một công việc tương đương cho một tiết giảng lý thuyết trên lớp. Định mức giờ chuẩn giảng dạy cho giảng viên Học viện trong một năm học theo hình thức tín chỉ là 245 giờ chuẩn; trong đó giờ trực tiếp lên lớp chiếm ít nhất 50% định mức quy định [H1.06.02.03]. Việc quy đổi giờ chuẩn đối với các hoạt động đào tạo, giảng dạy của giảng viên Học viện được quy định tại Quy chế thu chi nội bộ của Học viện [H1.06.02.04].

Đối với NCKH, giờ chuẩn NCKH là đơn vị thời gian một giờ lao động khoa học và nghiên cứu, 5 giờ chuẩn NCKH tương đương 01 giờ chuẩn giảng dạy [H1.06.01.05], [H1.06.02.06]

Việc quy đổi giờ chuẩn đối với các hoạt động đào tạo, giảng dạy của

giảng viên Học viện được quy định tại Quy chế Thu chi nội bộ của Học viện (ban hành kèm theo Quyết định số 959/ QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017) **[H1.06.02.04]**. Trong đó, quy định chi tiết về quy đổi giờ chuẩn giảng dạy bậc đại học và quy đổi giờ chuẩn đối với các đề tài NCKH sinh viên. Giờ chuẩn giảng dạy bậc đại học được quy định riêng cho lớp đại trà và lớp chất lượng cao, giảng dạy bằng tiếng Anh và tiếng Việt theo quy mô lớp và các nhiệm vụ cụ thể của giảng viên như hướng dẫn sinh viên thực tập tốt nghiệp, làm khóa luận tốt nghiệp... Bên cạnh đó, trong Quy chế thu chi nội bộ, còn quy định chi tiết về quy đổi giờ chuẩn giảng dạy cao học và quy đổi giờ chuẩn đối với công tác ra đề thi, trông thi và chấm thi.

Quy đổi giờ chuẩn NCKH được quy định chi tiết tại Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển. Trong đó, quy định rõ định mức quy đổi giờ chuẩn NCKH khi thực hiện các đề tài NCKH và công nghệ; khi xây dựng giáo trình, sách và tài liệu giảng dạy; khi đăng bài trên tạp chí hoặc tham gia hội thảo; khi hướng dẫn sinh viên NCKH và tham dự các cuộc thi kiến thức; khi tham dự các cuộc thi NCKH khác **[H1.06.02.06]**.

Hiện nay, khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển được thực hiện theo Quy chế giảng viên **[H1.06.02.05]**. Thời gian làm việc của giảng viên thực hiện theo chế độ tuần làm việc 40 giờ và được xác định theo năm học. Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên trong một năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong Học viện là 1760 giờ, sau khi trừ đi số ngày nghỉ theo quy định.

Định mức giờ chuẩn giảng dạy cho giảng viên Học viện trong một năm học theo hình thức tín chỉ là 245 giờ chuẩn; trong đó giờ trực tiếp lên lớp chiếm ít nhất 50% định mức quy định. Định mức giờ NCKH của từng chức danh giảng viên được quy định cụ thể trong Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển như sau:

**Bảng 6.2. Định mức giờ NCKH đối với
giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển**

Chức danh	GS	PGS	GVC	GV
Định mức (giờ chuẩn)	700	600	600	500

Đối với giảng viên thuộc các Khoa/Bộ môn có đặc điểm đặc thù, định mức giờ NCKH do Giám đốc Học viện xem xét quyết định trên cơ sở đề xuất của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác [H1.06.02.06].

Hàng năm, các giảng viên trong Khoa QTKD đều đảm bảo đủ định mức thực tế giờ giảng dạy và NCKH thông qua thực hiện các đề tài NCKH các cấp, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành và hội thảo quốc gia, quốc tế [H1.06.02.07], [H1.06.02.08], [H1.06.02.09]

**Bảng 6.3. Khối lượng giờ dạy và giờ nghiên cứu khoa học
bình quân/1GV/ năm của giảng viên khoa Quản trị kinh doanh**

Đơn vị: Giờ

TT	Tiêu chí	Năm học			
		2015 - 2016	2016 - 2017	2017- 2018	2018- 2019
1	Khối lượng giờ dạy bình quân/1GV/ năm	208	229	206	295
2	Khối lượng giờ NCKH bình quân/1GV/ năm	215,9	555,9	801	1038

(Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác)

Như vậy qua bảng trên có thể thấy, giai đoạn 2015 - 2019, 100% giảng viên đảm bảo định mức giảng dạy và NCKH. Về cơ bản, giảng viên tham gia giảng dạy Ngành QTKD đã tích cực tham gia NCKH, đảm bảo đủ định mức yêu cầu, chất lượng NCKH có xu hướng tăng. Tuy nhiên, thời lượng NCKH của giảng viên so với giảng dạy vẫn còn rất hạn chế và giai đoạn này vẫn chưa có đề tài NCKH cấp Nhà nước.

2. Điểm mạnh

Học viện có các quy định cụ thể về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên với các tiêu chí đánh giá rõ ràng và minh bạch. Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng để giảng dạy cho sinh viên ngành QTKD và sinh viên thuộc các ngành khác của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Các quy định về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên cũng như quy định về quy đổi khối lượng công việc tiêu chuẩn nằm ở nhiều văn bản khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Năm 2020, Khoa QTKD phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính tiếp tục rà soát, đề xuất với Ban Giám đốc Học viện đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực, chính sách khuyến khích NCKH.

- ***Khắc phục tồn tại:*** Từ năm học 2020 - 2021, phòng Tổ chức - Hành chính phối hợp với các đơn vị thuộc Học viện xây dựng một văn bản chung thống nhất quy định về khối lượng giờ giảng, giờ NCKH và cách thức quy đổi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Học viện có các văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng...). Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên cho từng hạng giảng viên được quy định rõ ràng trong Quy chế giảng viên bao gồm tiêu chuẩn về

trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ **[H1.06.02.05]**. Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành ngày 19/2/2014 đã quy định cụ thể về các tiêu chí đối với giảng viên cần đạt được bao gồm: Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (Trình độ thạc sĩ trở lên chuyên ngành phù hợp với QTKD); Tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ (năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp, năng lực truyền đạt, năng lực NCKH, năng lực nâng cao trình độ); Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp và các tiêu chuẩn khác **[H1.06.01.01]**. Tuy nhiên, một số tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ vẫn còn chung chung.

Trên cơ sở quy định về tiêu chí ở trên, trong giai đoạn 2015 - 2019, Khoa QTKD đã được tuyển dụng 1 lần, các tiêu chí tuyển dụng được xây dựng trên cơ sở đề án được cụ thể hoá. Năm 2015 tiêu chí về thạc sĩ không đòi hỏi 1 năm kinh nghiệm giảng dạy. Năm 2018, với giảng viên ngành QTKD, ngành QTKD được quy định cụ thể hơn:

Có trình độ từ Thạc sĩ trở lên (ưu tiên Tiến sĩ)

Có năng lực giảng dạy, truyền đạt

Có trình độ Ngoại ngữ phục vụ chuyên môn (ưu tiên ứng viên có khả năng tiếng Anh IELTS 6.0 trở lên hoặc tốt nghiệp từ các trường với ngôn ngữ đào tạo là tiếng Anh)

Có kỹ năng tin học phù hợp với yêu cầu của công việc và của ngành.

Có sức khoẻ, đạo đức nghề nghiệp.

Các tiêu chí tuyển dụng cũng được công khai trong các thông báo tuyển dụng của Học viện. Các thông tin về tuyển dụng đều được công khai trên trang website của Học viện, trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo Đầu tư, Tạp chí Kinh tế và Dự báo. Kết quả thi tuyển được thông báo công khai trên bảng tin của Học viện **[H1.06.01.05],[H1.06.03.01]**.

Ngày 28/12/2018 Học viện ban hành quy chế đối với Giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển **[H1.06.02.05]**. Quy chế này đã cập nhật về các tiêu

chuẩn nghề nghiệp để bổ nhiệm các vị trí cho giảng viên của Học viện đảm bảo đúng quy định của Bộ Nội vụ, Bộ GD&ĐT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ví dụ, viên chức thăng hạng từ chức danh giảng viên (hạng III) lên chức danh giảng viên chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh giảng viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm đối với người có bằng thạc sĩ, 06 (sáu) năm đối với người có bằng tiến sĩ; trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên (hạng III) tối thiểu là 02 (hai) năm.

Quy chế giảng viên và Đề án vị trí việc làm được các cán bộ, giảng viên góp ý công khai thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản [**H1.6.03.02**]. Quy chế Giảng viên được công khai trên trang web Học viện, được gửi tới các Khoa để các Khoa quán triệt trong toàn đơn vị.

2. Điểm mạnh

Với những tiêu chuẩn rõ ràng, Học viện đã chuẩn hóa đội ngũ giảng viên đảm bảo chuyên môn và năng lực giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Một số tiêu chuẩn chuyên môn trong Đề án vị trí việc làm còn chưa cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Năm 2020, Phòng Tổ chức hành chính rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn đối với giảng viên để tuyển dụng được các giảng viên đáp ứng yêu cầu công việc.

- ***Khắc phục tồn tại:*** Từ năm học 2020 - 2021, Phòng Tổ chức - Hành chính xây dựng mới Đề án vị trí việc làm theo hướng cụ thể hóa các tiêu chuẩn đối với giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được tuyển dụng được xác định và đánh giá

1. Mô tả

Học viện có các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên. Trong Quy chế giảng viên có quy định rõ về năng lực chuyên môn và năng lực nghiệp vụ (sư phạm) của giảng viên. Các tiêu chí này được quy định riêng cho từng hạng giảng viên **[H1.06.02.05]**. Ví dụ: đối với giảng viên hạng II quy định rõ: a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy; b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giảng dạy cao đẳng, đại học cho giảng viên; c) Có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II); d) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1), đ) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; e) chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên; f) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo; g) Có ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học đã được công bố... **[H1.06.01.02]**.

Ngoài ra, Đề án vị trí việc làm cũng quy định về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn của giảng viên cụ thể như sau: a) Xây dựng chương trình giảng dạy ở cấp độ môn học (viết một chương trình môn học/ học phần); b) Có các năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp với chuyên môn của mình (giảng dạy bằng tình huống, thảo luận nhóm, khám phá, mô phỏng, dự án...); c) Năng lực truyền đạt (viết bài giảng và tài liệu học tập, trình bày, đặt câu hỏi, lắng nghe và phản hồi); d) Năng lực tham gia NCKH; e) Năng lực học tập nâng cao trình độ và phát triển bản thân. Tuy nhiên, một số tiêu chí trong các tiêu chuẩn còn chưa cụ thể **[H1.06.01.01]**.

Học viện có các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá các năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực của giảng viên **[H1.06.04.01]**. Việc đánh giá được thực hiện hàng năm, theo đúng quy trình từ cá nhân tự đánh giá đến đơn vị đánh giá.

Năng lực của giảng viên còn được thể hiện thông qua đánh giá của sinh viên sau mỗi học kỳ **[H1.06.04.02]**.

Trên cơ sở quy trình và quy định về đánh giá năng lực hàng năm của giảng viên, việc đánh giá giảng viên được thực hiện từ nhiều phía, bao gồm tự đánh giá, đánh giá của người học (thực hiện vào kỳ học kế tiếp) và đánh giá của đơn vị (thực hiện vào cuối năm học). Kết quả cho thấy, 100% giảng viên tham gia giảng dạy ngành QTKD đều đáp ứng tốt các yêu cầu cho giảng dạy và NCKH **[H1.06.04.03]**.

Năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy của Học viện được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng và đánh giá theo đúng trình tự quy trình và đảm bảo chính xác, khách quan. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Trong Đề án vị trí việc làm vẫn còn một số tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên còn chưa cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm học 2020 - 2021, Phòng Tổ chức - Hành chính kết hợp với Trung tâm Thanh tra khảo thí nghiên cứu, đề xuất phương án đánh giá năng lực giảng viên theo từng kỳ học.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020 - 2021, Phòng Tổ chức - Hành chính kết hợp với Khoa rà soát, điều chỉnh tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên trong Đề án vị trí việc làm 2014.

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Hàng năm, các giảng viên trong Khoa QTKD đều có đề xuất về đào tạo bồi dưỡng trong Kế hoạch công tác năm của giảng viên [H1.06.05.01]. Khoa QTKD tập hợp các đề xuất này, thảo luận, bổ sung thêm các đề xuất đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của CTĐT chuyên ngành QTKD và gửi một bản đề xuất chung của Khoa về Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp và ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên hàng năm [H1.06.01.07]. Bên cạnh đó, Học viện là một cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư nên hàng năm Học viện nhận được các văn bản về khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư [H1.06.01.07]. Hầu hết các giảng viên được tuyển dụng vào Học viện nói chung và Khoa QTKD nói riêng đều có nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH.

Trên cơ sở yêu cầu của CTĐT, nhu cầu đào tạo, Chiến lược phát triển Học viện, Học viện đã xây dựng kế hoạch trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ giảng viên. Hàng năm Học viện cũng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng năm **[H1.06.01.07]**. Trong đó, Học viện có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm... cho các giảng viên trong Học viện.

Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên được xây dựng trên yêu cầu của CTĐT, phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển của Học viện và được triển khai thực hiện. Nhằm từng bước xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, đáp ứng yêu cầu của CTĐT theo quy định của Luật Giáo dục Đại học và Điều lệ trường Đại học nên Học viện Chính sách và Phát triển đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2015-2020 **[H1.06.05.04]**. Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dựa trên Kế hoạch trung hạn, đề xuất của các Khoa về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên **[H1.06.01.07]**. Các giảng viên trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được hưởng 40% mức lương hiện hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội **[H1.06.01.07]**.

Học viện đã tổ chức nhiều đợt tập huấn ngắn hạn cho giảng viên, cử và tạo điều kiện cho giảng viên được học tập nâng cao trình độ. Trong giai đoạn 2015-2019, 100% giảng viên của khoa đã đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Học viện. Học viện và Khoa QTKD đã cử các giảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng: Trung cấp lý luận hành chính (02 người), Nghiệp vụ sư phạm (01 người), Chứng chỉ tin học IC3 (3 người), Các lớp bồi dưỡng về phân tích, phản biện chính sách (03 người) ... và cử đi tham gia các hội nghị, hội thảo. Các giảng viên đi học được hỗ trợ học phí theo quy định **[H1.06.05.02]**.

Học viện đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng nước ngoài, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ giảng viên trẻ tham gia. Trong giai đoạn 2015 – 2019, Khoa QTKD có 02 giảng viên được cử đi đào tạo ở nước ngoài nhằm nâng cao năng lực cán bộ, giảng viên trong Học viện nói chung và Khoa QTKD nói riêng [H1.06.05.03].

Hàng năm, Khoa đều tổng kết về công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên. Nhìn chung, hàng năm, các giảng viên đều tham gia ít nhất 01 khóa học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn. Các giảng viên đều hài lòng với chất lượng của các khóa học do Học viện và Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức. Tuy nhiên, các giảng viên có ý kiến về việc nhiều khóa học được tổ chức trùng với lịch giảng hoặc lịch thi học kỳ nên giảng viên khó tham dự [H1.06.05.04].

2. Điểm mạnh

Quá trình xác định nhu cầu đào tạo của đội ngũ giảng viên đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Khoa và Học viện luôn cập nhật nhu cầu đào tạo của cán bộ, giảng viên theo yêu cầu của CTĐT và tạo điều kiện để đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Điểm tồn tại

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng chưa hoàn toàn phù hợp với lịch giảng dạy của giảng viên. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu của giảng viên đưa ra còn chưa được triển khai.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Từ năm 2020 Khoa QTKD phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính tổ chức lấy ý kiến đánh giá của giảng viên sau mỗi khóa học nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm 2020, Học viện sẽ giao phòng Tổ chức - Hành chính phối hợp các đơn vị chức năng và Khoa thường xuyên tổ chức khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ Ngoại ngữ, chuyên môn của đội ngũ giảng viên cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học này.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tất cả giảng viên có kế hoạch công tác cụ thể theo năm học, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH. Đầu năm, tất cả các giảng viên trong Khoa đều đăng ký kế hoạch công tác năm, chỉ rõ các nhiệm vụ cần hoàn thành trong năm học như: giảng dạy các bậc đại học, cao học; NCKH (viết giáo trình, tài liệu, bài báo, tạp chí, hội thảo...); hướng dẫn NCKH sinh viên, công tác cố vấn học tập, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng [H1.06.05.01].

Mỗi tháng, Khoa đều tiến hành họp và đánh giá kết quả công việc của giảng viên theo tháng. Các cuộc họp đều có đầy đủ các thành viên của Khoa tham dự và các kết quả đánh giá đều có sự thống nhất của các thành viên. Dựa trên kết quả đánh giá của Khoa, Hội đồng xét thu nhập tăng thêm của Học viện đánh giá và công nhận kết quả phân loại theo tháng để làm cơ sở chi trả thu nhập tăng thêm cho giảng viên [H1.06.06.01].

Cuối mỗi năm học, các giảng viên đều phải thực hiện kê khai kết quả cụ thể khối lượng công việc đã thực hiện bao gồm giờ giảng dạy, giờ hướng dẫn

thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, luận văn cao học, giờ trông thi, chấm thi, ra đề thi, giờ NCKH và các hoạt động chuyên môn khác cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng như tham gia hỗ trợ trong kỳ thi tuyển sinh tại các địa phương, thực hiện các dự án tư vấn doanh nghiệp... Sau đó Lãnh đạo Khoa, Phòng QLĐT, Phòng Khoa học và Hợp tác và Phòng Kế hoạch - Tài chính rà soát lại làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên, và tính thừa giờ và công khai trên website Học viện hoặc đăng ở bản tin của Học viện [H1.06.02.08], [H1.06.02.09]. Mức độ hoàn thành công việc của giảng viên là cơ sở để đánh giá phân loại viên chức và xét các danh hiệu thi đua, và hình thức thi đua khen thưởng tại Học viện [H1.6.04.03].

Các giảng viên trong Khoa đều hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Học viện và các cấp có thẩm quyền. Tính đến thời điểm hiện nay không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các giảng viên và các giảng viên đều đánh giá việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên là tốt (với tỷ lệ 37% giảng viên hoàn toàn đồng ý và 63% giảng viên đồng ý) [H1.06.06.02].

2. Điểm mạnh

Học viện có quy định cụ thể, rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên không chỉ giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt.

3. Điểm tồn tại

Một số tiêu chí còn khó đo lường trong đánh giá thực tế công việc.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Trong năm học 2020 - 2021, Học viện tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích giảng viên nỗ lực trong công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm 2020, Học viện giao phòng Tổ chức - Hành chính hoàn thiện các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc chi tiết và định lượng hơn (sử dụng KPI).

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Học viện có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH mà giảng viên phải thực hiện. Các hoạt động NCKH của giảng viên trong Học viện và trong Khoa QTKD được thực hiện theo quy định tại Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện ban hành tại Quyết định số 655/QĐ-HVCSPT ngày 05/11/2015; Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành theo Quyết định số 514/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015; Quy chế Giảng viên ban hành sửa đổi theo Quyết định số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018 [**H1.06.02.06**], [**H1.06.02.05**]. Trong các quy định này chỉ rõ định mức về giờ NCKH, các loại hình hoạt động NCKH mà mỗi giảng viên phải đảm nhiệm tùy vào trình độ học vấn. Tại điều 6 Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành theo Quyết định số 514/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015 quy định rõ: Đối với các giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp, giảng viên chính và các giảng viên có học vị tiến sĩ: 1) Hàng năm phải thực hiện được ít nhất 1 trong ba nhiệm vụ đó là: chủ nhiệm 01 đề tài/đề án khoa học từ cấp cơ sở (hoặc tương đương) trở lên; hoặc là có ít nhất 01 công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0.5 trở lên; hoặc là tác giả chính thực hiện các đề án/bài viết phục vụ tham mưu cho Chính phủ hoặc lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện thông qua; 2) Trong

thời gian đến 02 năm tối thiểu phải có 01 công trình cứu khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0.75 trở lên. Đối với các giảng viên có trình độ thạc sỹ: 1) Hàng năm tối thiểu phải thực hiện được 1 trong hai nhiệm vụ đó là: tham gia 01 đề tài cấp cơ sở hoặc tương đương trở lên; có ít nhất 01 công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0.25 trở lên; 2) Trong thời gian đến 02 năm tối thiểu phải là chủ nhiệm 01 đề tài/đề án khoa học từ cấp cơ sở (hoặc tương đương) trở lên (Đề tài được nghiệm thu); 3) Trong thời gian đến 02 năm tối thiểu phải có 01 công trình nghiên cứu khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0.5 trở lên. Tại điều 11 của Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành theo Quyết định số 514/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015 quy định rõ định mức giờ chuẩn NCKH của giảng viên như sau:

CHỨC DANH	GS	PGS	GVC	GV
Định mức giờ nghiên cứu khoa học (giờ chuẩn NCKH)	700	600	600	500

Kế hoạch NCKH hàng năm của Học viện được thông báo công khai vào mỗi đầu năm học [H1.06.07.01]. Trên cơ sở đó các giảng viên trong Khoa [H1.06.05.01] đăng ký và nộp về phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác tổng hợp và ban hành quyết định [H1.06.07.02]. Ngoài ra hoạt động NCKH của giảng viên còn thể hiện qua việc đăng các bài viết trên tạp chí - kỷ yếu Hội thảo [H1.06.02.08].

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của giảng viên được dùng làm đối sánh để quản lý chất lượng. Kết quả hoạt động nghiên cứu của giảng viên hàng năm là một trong những cơ sở để Khoa đánh giá giảng viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hoặc Chiến sĩ thi đua, đánh giá năng lực giảng viên nhằm khuyến khích giảng viên tích cực tham gia vào hoạt động NCKH [H1.06.04.03].

Một số kết quả nghiên cứu của giảng viên trong Khoa được sử dụng trong giảng dạy, đặc biệt là đối với các môn chuyên ngành như Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Quản trị chiến lược được sử dụng các đề tài nghiên cứu ứng dụng như “Ứng dụng phương thức quản trị tinh gọn LEAN đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa”, đề tài “Giải pháp đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”.

Có sự thay đổi về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của giảng viên sau mỗi lần đối sánh. Nếu như trước kia, giảng viên chủ yếu thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở thì trong giai đoạn 2015– 2018, hoạt động NCKH đã đa dạng hơn, bao gồm viết bài cho các tạp chí chuyên ngành có uy tín, tham dự hội thảo khoa học cấp Quốc gia và quốc tế [H1.06.02.08]. Số lượng các bài viết cho tạp chí chuyên ngành, hội thảo có xu hướng ngày càng tăng.

Bảng 6.4. Thống kê về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa Quản trị kinh doanh giai đoạn 2015 - 2019

TT	Phân loại	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng
A.	Đề tài NCKH						
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	1	1
2	Đề tài cấp Bộ	2	2	3	5	5	17
3	Đề tài cấp cơ sở	4	2	2	1	4	13
B.	Số bài đăng trên Tạp chí khoa học						
1	Tạp chí khoa học quốc tế	2	3	2	1	5	13
2	Tạp chí khoa học	4	0	0	3	9	16
C.	Số bài đăng tại Hội thảo khoa học						
1	Hội thảo quốc tế	1	0	1	1	3	6
2	Hội thảo trong nước	0	0	0	1	3	4
3	Hội thảo cấp Học viện	2	0	0	0	0	2
D.	Số đầu mục sách, giáo trình xuất bản	0	1	2	2	3	8

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác

Tuy nhiên, hoạt động NCKH chủ yếu tập trung vào các giảng viên lớn

tuổi, có kinh nghiệm nhiều năm nghiên cứu. Các giảng viên trẻ còn chưa tích cực tham gia [H1.06.07.03].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên ngành QTKD tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, viết các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình sách chuyên khảo.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH của giảng viên Khoa QTKDT tập trung vào một số giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm 2020 - 2021, phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích giảng viên nỗ lực NCKH.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm 2020 - 2021, khoa QTKD giao các giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu hướng dẫn các giảng viên trẻ thực hiện viết và đăng bài trên các báo, tạp chí khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về tiêu chuẩn 6

(i) Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Học viện luôn chú trọng đến kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên của Khoa đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và giảng dạy. Học viện có quy định cụ thể, rõ ràng về đánh giá kết quả công việc, khen thưởng đối với giảng viên không chỉ giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công

việc của giảng viên được tốt.

(ii) Điểm tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn

Học viện chưa có nhiều kênh truyền thông về thông tin tuyển dụng giảng viên và nghiên cứu viên. Trong Đề án vị trí việc làm vẫn còn một vài tiêu chuẩn chuyên môn và tiêu chí đánh giá năng lực GV, NCV chưa cụ thể. Các quy định về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên cũng như quy định về quy đổi khối lượng công việc tiêu chuẩn còn nằm ở nhiều văn bản khác nhau. Thời gian của một số khoá đào tạo, bồi dưỡng chưa hoàn toàn phù hợp với lịch giảng dạy của giảng viên. Hoạt động NCKH của giảng viên khoa KTPT còn tập trung vào một số giảng viên lớn tuổi, có kinh nghiệm nghiên cứu.

(iii) Kế hoạch hành động khắc phục tồn tại

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa QTKD phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Thông tin thư viện và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trong Học viện: (i) Sử dụng đa dạng các kênh thông tin về tuyển dụng để lan toả các thông tin tuyển dụng đến nhiều các ứng viên, giúp Khoa QTKD và Học viện tuyển dụng được nhiều cán bộ, giảng viên có chất lượng tốt; Xây dựng một văn bản chung thống nhất quy định về khối lượng giờ giảng, giờ NCKH và cách thức quy đổi; (iii) Xây dựng mới Đề án vị trí việc làm theo hướng cụ thể hóa các tiêu chuẩn đối với giảng viên; (iv) Rà soát, điều chỉnh tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên trong Đề án vị trí việc làm 2014; (v) Thường xuyên tổ chức khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ Ngoại ngữ, chuyên môn của đội ngũ giảng viên cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học này; (vi) Hoàn thiện các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc chi tiết và định lượng hơn; và (vii) Khoa QTKD giao các giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu hướng dẫn các giảng viên trẻ thực hiện viết và đăng bài trên các báo, tạp chí khoa học.

Tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí, cả 07 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 7

Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng CTĐT phần lớn phụ thuộc vào đội ngũ giảng viên, tuy nhiên đội ngũ giảng viên không thể thực hiện tốt nhiệm vụ nếu thiếu sự hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên các phòng, ban. Đội ngũ cán bộ này làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, và các trung tâm, đơn vị dịch vụ hỗ trợ khác.

Đội ngũ cán bộ, nhân viên của Học viện gồm có 7 trợ lý khoa làm việc tại Khoa chuyên ngành (Học viện có 8 Khoa chuyên ngành, mỗi khoa chuyên ngành có 1 trợ lý khoa), và tổng số 51 cán bộ, nhân viên làm việc tại các phòng, ban, trung tâm trực tiếp hỗ trợ các hoạt động giảng dạy và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho sinh viên và giảng viên công tác tại Học viện nói chung và Khoa chuyên ngành nói riêng. Học viện đã có các quy trình và tiêu chí tuyển chọn nhân viên cụ thể vì thế đã tuyển được đội ngũ nhân viên giỏi nghề và có phẩm chất đạo đức tốt. Trong quá trình công tác, đội ngũ nhân viên được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước để nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ đào tạo. Vì vậy, chất lượng các hoạt động hỗ trợ đào tạo từ lực lượng cán bộ, nhân viên càng ngày càng tăng lên.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định rõ tầm nhìn xây dựng đội ngũ viên chức đủ về số lượng và chất lượng, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp [H1.01.01.03]. Học viện

hiện có 8 phòng chức năng và trung tâm, đảm nhiệm nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Học viện, gồm Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Chính trị và công tác sinh viên, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo và Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông [H1.07.01.01]. [H1.07.01.02]

Hàng năm, Học viện đều có kế hoạch khảo sát nhu cầu về nguồn nhân lực nói chung và các đối tượng làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nói riêng. Các phòng ban, trung tâm và các khoa hằng năm đều có biên bản đề xuất nhu cầu nhân lực bổ sung căn cứ trên yêu cầu công việc thực tế [H1.07.01.03], [H1.07.01.04]. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp phân tích, trình lãnh đạo Học viện về nhu cầu nguồn nhân lực nói chung và về đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, hệ thống thông tin và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. [H1.07.01.03].

Trên cơ sở đó, Học viện đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ, viên chức và cán bộ lao động hợp đồng hàng năm [H1.06.01.07]. Trong kế hoạch đều căn cứ trên cơ sở chỉ tiêu và phân tích nhu cầu nguồn nhân lực thực tế để xác định số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cần tuyển thêm cho các phòng, ban, trung tâm dịch vụ và hỗ trợ khác. Trong Quy chế Thu chi nội bộ của Học viện ban hành theo Quyết định số 959/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017, Học viện có đưa ra những chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và dịch vụ hỗ trợ đào tạo như: nhân viên được cử đi học nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ đúng hạn được thưởng 10 triệu [H1.06.04.01]. Chiến lược của Học viện cũng đã ghi rõ mọi nhân sự trong Học viện đều được tạo điều kiện về thời gian hoặc hỗ trợ kinh phí tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm. Trong giai đoạn 2015-2019 đã có khoảng hơn 100 lượt nhân viên, chuyên viên được cử đi học thạc sĩ, tiến sĩ và các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ như

ng nghiệp vụ kiểm định, nghiệp vụ thư viện, công nghệ thông tin... [H1.06.05.03], [H1.06.01.08], [H1.07.01.06].

Hàng năm, Học viện đều có triển khai việc quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) [H1.06.03.01]. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược phát triển của Học viện, đề án vị trí việc làm đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/2/2014 trong đó đã đưa ra quy hoạch về số lượng nhân sự các đơn vị trong Học viện, trong đó, thư viện có 2 nhân sự, quản trị thiết bị có 2 nhân sự, công nghệ thông tin có 2 nhân sự và các đơn vị hỗ trợ khác như y tế có 1, trợ lý các khoa có 7 [H1.07.01.06],[H1.06.01.06]. Tính đến tháng 12/2019, số lượng của nhân sự tại các đơn vị như thư viện, công nghệ thông tin, dịch vụ hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy hoạch của Học viện. Cụ thể, công nghệ thông tin có 2, riêng vị trí y tế vượt quy hoạch. Tuy nhiên, trợ lý khoa đảm bảo đủ 7 người, nhưng tại Khoa Luật Kinh tế trợ lý phải kiêm nhiệm, do số lượng sinh viên còn ít. [H1.07.01.05]

Nhìn chung, nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong 5 năm, trong giai đoạn 2015-2019, khoảng 85% đạt đánh giá trong phân loại cán bộ viên chức đều đạt mức lao động tiên tiến và được khen thưởng hàng năm [H1.06.04.04]. Đồng thời, hàng năm đều có khảo sát của giảng viên và sinh viên về năng lực và thái độ, trách nhiệm của nhân viên thư viện và kỹ thuật viên CNTT. Qua kết quả khảo sát, tỉ lệ hài lòng với chất lượng phục vụ của khối phòng, ban, trung tâm đều đạt mức bình quân từ 80 - 90%. [H1.07.01.07].

Bảng 7.1: Khảo sát về khả năng hỗ trợ sinh viên của đội ngũ nhân viên
(mức độ hoàn toàn đồng ý)

Năm	Năng lực chuyên môn NV của NVTV	Thái độ tinh thần, trách nhiệm của nv tv	Năng lực chuyên môn của các KTV CNTT	Thái độ tinh thần, trách nhiệm của KTV CNTT
2015	36.66%	51.32%	59.82%	36.07%
2016	44.55%	44.86%	52.34%	39.88%
2017	35.05%	40.48%	36.86%	36.86%
2018	39.19%	46.82%	40.71%	40.97%
2019	39.36%	43.74%	40.76%	40.76%

Nguồn: Kết quả khảo sát hàng năm của Học viện

Bảng 7.2: Bảng khảo sát về khả năng hỗ trợ giảng viên của đội ngũ nhân viên(mức độ hoàn toàn đồng ý)

Năm	Năng lực chuyên môn NV của NVTV	Thái độ tinh thần, trách nhiệm của NVTV	Năng lực chuyên môn của các KTV CNTT	Thái độ tinh thần, trách nhiệm của KTV CNTT
2015	22.22%	55.56%	66.67%	44.44%
2016	40.00%	50.00%	40.00%	60.00%
2017	23.08%	46.15%	53.85%	53.85%
2018	53.33%	46.67%	40.00%	53.33%
2019	31.25%	56.25%	50.00%	31.25%

Nguồn: Kết quả khảo sát hàng năm của Học viện

2. Điểm mạnh

Số lượng cán bộ, nhân viên của Học viện đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng. Khảo sát đánh giá sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động của khối phòng, ban, trung tâm đều đạt ổn định ở mức trên 85-90% hài lòng và rất hài lòng.

Tổng số cán bộ, nhân viên làm ở các phòng ban được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng (dài hạn và ngắn hạn) có số lượng lớn.

3. Điểm tồn tại

Học viện hiện vẫn còn nhân viên trợ lý khoa kiêm nhiệm (khoa Luật kinh tế). Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn khoảng 10-15% tỉ lệ chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối phòng, trung tâm.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên giỏi.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm 2020 phòng Tổ chức – Hành chính xây dựng và tham mưu Ban Giám đốc Học viện về kế hoạch tuyển dụng, sắp xếp cán bộ trợ lý khoa dựa trên sự phát triển về quy mô của sinh viên. Đồng thời phòng Tổ chức - Hành chính làm việc với các phòng, ban, trung tâm để phân tích về nguyên nhân vẫn có 1 tỉ lệ nhỏ giảng viên, sinh viên chưa hài lòng để cải thiện chất lượng phục vụ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Học viện đã ban hành quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên trong Quyết định số 40/QĐ-HVCSPT ngày 19/03/2012 về quy trình tạm thời tuyển dụng lao động hợp đồng của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.06.01.07]. Theo đó, đối với nhân viên, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên bao gồm 8 bước. Cụ thể gồm: Xác định nhu cầu tuyển dụng, Kế hoạch nhân sự, Phê duyệt kế hoạch nhân sự, Thông báo tuyển dụng, Thu nhận hồ sơ và sơ tuyển, Tổ chức kiểm tra chuyên môn và phỏng vấn, Thông báo kết quả và ký hợp đồng lao động, và Tiếp nhận nhân viên mới.

Học viện cũng đưa ra những tiêu chí cụ thể để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên các khối phòng, ban, trung tâm hỗ trợ tại từng đợt tuyển dụng cụ thể **[H1.06.01.07]**. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên đều được dựa trên những tiêu chí rõ ràng về bằng cấp, tuổi đời, phẩm chất đạo đức, sức khỏe. Những tiêu chí này được đưa ra dựa trên yêu cầu của các vị trí công việc tại khối phòng, ban, trung tâm tại Đề án vị trí việc làm **[H1.06.01.06]**.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến công khai. Cụ thể là tất cả quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, và điều chuyển nhân viên đều được gửi dự thảo để lấy ý kiến của các đơn vị bằng văn bản cũng như lấy ý kiến tại các buổi Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm **[H1.06.06.09]** đồng thời được đăng công khai trên website Học viện tại địa chỉ www.apd.edu.vn.

2. Điểm mạnh

Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển đã có đầy đủ tiêu chí, qui trình rõ ràng, công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Các kênh để lấy ý kiến về quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, và điều chuyển cán bộ, nhân viên còn chưa thật sự đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Từ năm học 2020 - 2021, Phòng Tổ chức – Hành chính tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn được những nhân viên phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc.

- ***Khắc phục tồn tại:*** Từ năm học 2020 - 2021, Phòng Tổ chức – Hành chính tiếp tục đa dạng hơn các kênh để lấy ý kiến từ cán bộ, giảng viên trong Học viện về quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, và điều chuyển cán bộ, nhân viên như gửi email, tổ chức lấy ý kiến tại cơ sở, phòng, ban,... Đồng thời

phòng Tổ chức cán bộ sẽ phối hợp với các khoa để phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng như thông báo trên báo điện tử, truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ nhân viên là một yếu tố được xác định rất rõ tại Học viện Chính sách và phát triển. Thực hiện Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 về đánh giá và phân loại cán bộ công chức và viên chức, hằng năm, Học viện đã thực hiện việc đánh giá theo đúng quy trình và tiêu chuẩn. Theo đó, đội ngũ nhân viên được đánh giá hàng năm thông qua các tiêu chí về mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm theo mức từ xuất sắc, tốt, hoàn thành và không hoàn thành.

Quy trình đánh giá được thực hiện bắt đầu từ Bản kiểm điểm cá nhân của từng nhân viên. Bản kiểm điểm cá nhân được xem xét và đánh giá bởi đồng nghiệp và lãnh đạo đơn vị. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Học viện sẽ căn cứ trên đánh giá đó để xếp loại thi đua khen thưởng cho từng nhân viên của Học viện [H1.06.02.08]. Nhìn chung, quy trình đánh giá này được xây dựng trên phương pháp đánh giá đa chiều, gồm cả tự đánh giá của chính cán bộ, nhân viên, đồng nghiệp đánh giá, cấp trên đánh giá và có sự đánh giá của cả Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp. Theo đó, đội ngũ cán bộ, nhân viên được đánh giá hàng năm thông qua một số công cụ như: đánh giá qua hồ sơ, đánh giá qua nhìn lại quá trình của nhân viên và theo các tiêu chí đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm theo mức từ xuất sắc, tốt, hoàn thành và không hoàn thành. Do đó, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định

lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi nhân viên. **[H1.06.04.04]**.

Trên cơ sở quy trình đánh giá trên, các cán bộ, nhân viên được xếp loại thi đua khen thưởng theo các mức cụ thể từ Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Lao động tiên tiến và các cán bộ, nhân viên được Giám đốc Học viện tặng giấy khen. Trong giai đoạn từ 2015-2019, có tổng số 216 lượt CBNV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, 25 lượt CBNV đạt Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, 4 lượt CBNV đạt Chiến sỹ thi đua cấp Bộ và 9 lượt CBNV được bằng khen của Giám đốc Học viện **[H1.06.04.04]**. Dựa trên quyết định ban hành Quy chế nâng lương trước thời hạn **[H1.07.03.01]**, Học viện đã có tổng số 5 nhân viên được xét nâng bậc lương trước hạn **[H1.07.03.02]**.

Ngoài đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm, công việc của các cán bộ, nhân viên còn được đánh giá từ góc nhìn của các đối tượng thụ hưởng dịch vụ, là giảng viên và sinh viên Học viện thông qua các cuộc khảo sát đánh giá sự hài lòng của cán bộ, sinh viên đối với hoạt động của khối phòng, ban, trung tâm. Kết quả khảo sát hàng năm đều đạt tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng đều đạt sấp xỉ 80% **[H1.07.01.07]**.

2. Điểm mạnh

Nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua công việc hàng ngày) và định kỳ hàng năm dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi cán bộ (chuyên viên).

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ năm học 2020 - 2021, Phòng Tổ chức – Hành chính kết hợp cùng các khoa, phòng ban trong Học viện tiếp tục duy trì cách thức đánh giá cán bộ, nhân viên thường xuyên và định kỳ.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm học 2020 - 2021, ở cấp độ Học viện, phòng Tổ chức – Hành chính sẽ nghiên cứu đề xuất với Ban Giám đốc hoàn thiện bộ tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ cán bộ (chuyên viên) hỗ trợ, tiêu chuẩn đánh giá kết quả công việc theo hướng định lượng; hoàn thiện quy trình đánh giá; Ở cấp độ Khoa, lãnh đạo Khoa sẽ lưu ý thêm một số đặc điểm đặc thù của công việc trước khi phân công công việc đối với các cán bộ trợ lý.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Hàng năm, Học viện đều có thông báo thực hiện xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, giảng viên đang công tác tại Học viện. Ngoài ra, Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cũng thường xuyên gửi các công văn về việc mở các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ, chuyên viên đối với các đơn vị trực thuộc Bộ [H1.06.05.01].

Sau khi nhận được thông báo của phòng Tổ chức Hành chính về việc rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị thuộc Học viện. Đồng thời, trên cơ sở nguyện vọng của từng nhân viên, cùng với những yêu cầu về trình độ của nhân viên theo từng vị trí việc làm, các phòng, ban, trung tâm đã họp đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng

của đơn vị mình, đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên [H1.06.01.01]. Dựa trên biên bản xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng từng đơn vị, Phòng tổ chức hành chính tổng hợp nhu cầu đào tạo của toàn Học viện [H1.07.04.02].

Hàng năm, dựa trên nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, Học viện thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn sử dụng các phần mềm ứng dụng tại Học viện [H1.07.04.03]

Trên cơ sở nguyện vọng của từng cán bộ, nhân viên, cùng với những yêu cầu về trình độ của cán bộ, nhân viên theo từng vị trí việc làm, các phòng, ban, trung tâm đã họp đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị mình, đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên. Tuy nhiên, Học viện vẫn chưa có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ nhân viên [H1.07.04.01].

Thực hiện các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, chuyên viên, trong giai đoạn 2015 – 2019, Học viện có 2 cán bộ, nhân viên được cử đào tạo tiến sỹ, 6 cán bộ, nhân viên được cử đào tạo thạc sỹ, 132 lượt CBNV được cử tham dự khóa học bồi dưỡng [H1.06.04.06], [H1.06.05.03].

2. Điểm mạnh

Có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên. Đồng thời đã triển khai những hoạt động thiết thực đáp ứng nhu cầu đào tạo đó.

3. Điểm tồn tại

Chưa có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm 2020 - 2021, Phòng Tổ chức - Hành chính sẽ tiếp tục phối hợp với các khoa, Thư viện, Trung tâm Công nghệ thông tin để phát triển các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm 2020 - 2021, Khoa sẽ phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính xây dựng kế hoạch dài hạn bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ nhân viên nhằm tạo cơ hội phát triển. Đồng thời, tích cực tìm nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo cho cán bộ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Học viện đã ban hành Đề án việc làm có mô tả cụ thể nhiệm vụ và khối lượng công việc cho từng vị trí việc làm của cán bộ, nhân viên trong Học viện, gồm vị trí trợ lý các khoa chuyên ngành, chuyên viên các phòng ban chuyên môn, các trung tâm hỗ trợ và dịch vụ [H1.06.01.06]. Trên cơ sở đó, Học viện cũng đã có các quyết định quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, nhân viên [H1.06.01.07].

Việc triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công được thực hiện theo nhiều hình thức phù hợp với đặc thù công việc của cán bộ, chuyên viên. Hiện tại, Học viện thực hiện việc giám sát công việc của cán bộ, nhân viên thông qua hệ thống điểm danh. Học viện quy định cán bộ,

nhân viên sẽ thực hiện điểm danh 3 lần mỗi ngày làm việc, vào trước 8h00, 13h30 và 17h00 [H1.06.01.07]. Kết quả thực hiện giám sát công việc bằng điểm danh là cơ sở để xác định mức thu nhập tăng thêm hàng tháng. Tùy vào việc thực hiện điểm danh và mức độ hoàn thành các công việc cụ thể khác, cán bộ, nhân viên sẽ được xếp hạng theo 4 loại A, B, C, D và nhận mức thu nhập tăng thêm tương ứng 100%, 75%, 50% và 25%. Điều này được quy định cụ thể trong Quy chế Thu chi nội bộ của Học viện [H1.06.04.01]. Học viện cũng chi trả thêm 10% phụ cấp cho cán bộ, nhân viên công tác tại Học viện qua chi trả thu nhập tăng thêm [H1.07.05.01]. Mức xếp hạng thu nhập tăng thêm cũng là cơ sở để xác định mức thưởng cuối năm dành cho toàn thể cán bộ, nhân viên của Học viện. Tuy nhiên, hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc chưa hoàn thiện vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá [H1.06.04.04]. [H1.06.06.07]

Căn cứ vào các nhiệm vụ nêu trong Đề án vị trí việc làm và các công việc đặc thù khác, mỗi cán bộ, chuyên viên xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm. Kế hoạch này đều xác định rõ khối lượng công việc, tiến độ, thời gian hoàn thành và những nguồn lực cần thiết của thực hiện công việc của mỗi cán bộ, nhân viên theo từng vị trí việc làm [H1.07.05.02]. Đây là căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả công việc, mức độ đóng góp trong hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Tất cả những quy định liên quan đến việc đánh giá hiệu quả công việc đều được thảo luận rộng rãi trong toàn thể cán bộ, nhân viên, giảng viên của Học viện. Trong giai đoạn 2015-2019, Quy chế thu chi nội bộ đã được sửa đổi 2 lần, mỗi lần ban hành sửa đổi đều có sự thảo luận trong toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn Học viện [H1.06.06.09]. Trong đó, nội dung về quy trình xét và xếp hạng thu nhập tăng thêm hàng tháng dựa trên giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc cũng đều đảm bảo sự tham gia của 100% cán bộ, nhân viên trong xếp hạng, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của họ. Hội đồng xét thu nhập tăng thêm hàng tháng có sự tham gia của đại diện lãnh đạo các Khoa, phòng ban,

trung tâm tiến hành thảo luận, xem xét, xếp hạng từng cán bộ, nhân viên trên cơ sở những đánh giá, xếp hạng tại từng đơn vị [H1.06.06.07]. Mỗi cán bộ, nhân viên đều có cơ hội giải trình, phản biện hoặc nêu ý kiến về những xếp hạng thu nhập tăng thêm hàng tháng.

Ngoài việc được tham gia ý kiến và đảm bảo cơ hội giải trình trong các hoạt động xếp hạng, đánh giá kết quả công việc hàng tháng, cán bộ, nhân viên cũng được tham gia vào thảo luận và có ý kiến đóng góp trong tất cả các đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm tại Hội nghị cán bộ công nhân viên chức hàng năm của Học viện [H1.06.04.04], [H1.06.06.09]. Ngoài ra, mỗi khi Học viện thay đổi hoặc điều chỉnh quy trình đánh giá, giám sát kết quả công việc, Học viện đều có tổ chức lấy ý kiến thảo luận của tất cả các cán bộ, nhân viên, giảng viên trong toàn Học viện, nhằm đảm bảo tất cả nhân viên đều có cơ hội đóng góp ý kiến trong việc xây dựng các quy trình đánh giá và quản trị công việc của họ [H1.06.06.09].

Thông qua việc lấy ý kiến rộng rãi trước khi ban hành quy chế và việc đánh giá, bình chọn được tiến hành một cách khách quan, minh bạch nên tỉ lệ đồng thuận của cán bộ, chuyên viên đối với quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền luôn rất cao [H1.06.06.09]. Các khiếu nại về kết quả đánh giá thi đua khen thưởng, xếp hạng thu nhập tăng thêm rất ít và được giải đáp kịp thời.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được quy định rõ ràng và công khai minh bạch; kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ cán bộ thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

3. Điểm tồn tại

Hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc chưa hoàn thiện vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm 2020 – 2021, Khoa phối hợp với phòng Tổ chức – Hành chính hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực chú trọng khâu đánh giá kết quả thực hiện bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể để đánh giá chất lượng công việc và theo dõi, giám sát thực hiện.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020-2021, Khoa phối hợp với phòng Tổ chức – Hành chính hoàn thiện bộ tiêu chí định lượng để đánh giá chất lượng công việc.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về tiêu chuẩn 7

(i) Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển đã có đầy đủ tiêu chí, qui trình rõ ràng, công bố công khai. Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua điểm danh hằng ngày, đánh giá thu nhập tăng thêm hàng tháng) và định kỳ cuối năm học dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai. Có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển cũng như thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên.

(ii) Điểm tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:

Vẫn còn khoảng 10-15% tỉ lệ chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối cán bộ, nhân viên phòng, ban, trung tâm. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng và phong phú. Đồng thời, kinh phí dành cho việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho khối cán bộ, nhân viên còn hạn chế. Bên cạnh đó, hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi cán bộ (chuyên viên). Hệ thống tiêu chí

đánh giá định lượng chất lượng công việc cũng chưa thực sự hoàn thiện, vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá.

Học viện, Khoa QTKD đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

- ***Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong tiêu chuẩn 7:*** Tất cả các tiêu chí (5/5) trong tiêu chuẩn 7 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 05 tiêu chí đạt 5/7. Số lượng tiêu chí chưa đạt yêu cầu: 0/5.

TIÊU CHUẨN 8

Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Học viện có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật, qui mô tuyển sinh của các ngành, trong đó có Ngành QTKD, ngành QTKD tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành. Bên cạnh đó, Học viện cũng có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác được thực hiện thường xuyên để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học như định kỳ tiến hành tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, gặp gỡ, giao lưu giữa sinh viên với các chuyên gia về quản trị kinh doanh và học hỏi thực tế từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, ... Học viện và Khoa cũng phối hợp để xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, hướng đến sự thoải mái cho cá nhân người học.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Học viện Chính sách và Phát triển luôn thực hiện đúng các quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, đầy đủ và chi tiết trong nội dung đề án tuyển sinh của Học viện qua các năm [H1.08.01.01], [H1.08.01.02]. Trong đề án đã xác định đối tượng tuyển sinh, chính sách xét tuyển, chính sách ưu tiên xét tuyển, đối tượng xét tuyển và phương pháp xét tuyển, phạm vi, ngành tuyển sinh, lịch tuyển sinh, phương thức đăng ký dự tuyển, lệ phí tuyển sinh và học phí dự kiến của các chương trình.

Theo đó, phương thức tuyển sinh ngành QTKD gồm: (1) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT, lịch xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và (2) Xét tuyển kết hợp (từ năm 2017), nhận hồ sơ ngay sau khi có điểm thi THPT Quốc gia. Chỉ tiêu tuyển sinh ngành QTKD được xác định rõ ràng hằng năm với 100 chỉ tiêu/năm, các mã tổ hợp môn xét tuyển theo các khối A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh); D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) và C02 (Toán, Vật lý, Ngữ văn). Quy trình xét tuyển được xây dựng một cách rõ ràng từ quy định, nguyên tắc xét tuyển đến hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành QTKD (như ưu tiên xét tuyển, đối tượng ưu tiên...) được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đó là mức điểm cộng đối tượng ưu tiên từ 1-2 điểm, mức điểm cộng khu vực ưu tiên từ 0,25 - 0,75 điểm **[H1.08.01.01]**.

Chính sách tuyển sinh ngành QTKD được công bố công khai. Các thông tin về tuyển sinh được Học viện và Khoa QTKD công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, từ rơi trên các kênh thông tin như website chính thức của Học viện tại địa chỉ www.apd.edu.vn, cổng thông tin tuyển sinh <http://tuyensinh.apd.edu.vn>. Đề án tuyển sinh của Học viện trong 5 năm ghi rõ, với đối tượng thí sinh trong phạm vi cả nước cụ thể: Học sinh tốt nghiệp THPT; đủ sức khỏe; không vi phạm pháp luật. Quy trình và phương thức xét tuyển được ghi rõ. Phương thức tuyển sinh đa dạng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch xúc tiến tuyển sinh **[H1.08.01.03]** nhằm truyền tải thông tin giúp phụ huynh và thí sinh hiểu rõ CTĐT và giải đáp các thắc mắc. Các kênh truyền thông được thực hiện đó là: website của Học viện, trang Facebook tư vấn, tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ <http://www.facebook.com/tvtsapd/>, trang Facebook tư vấn tuyển sinh của khoa QTKD tại địa chỉ: <http://www.facebook.com/quantrikinhdoanhhocvienCSPT/>, truyền thông qua các kênh báo điện tử (Dân trí, Giáo dục và Thời đại, Đầu

tu....); Tờ rơi, poster...²[H1.08.01.04]. Đồng thời Học viện cũng tiến hành quảng bá tuyển sinh qua các kênh truyền thông trực tiếp như chuyển tài liệu về các trường THPT, tham gia các hội chợ tư vấn tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức tại Hà Nội và một số địa phương khác, tuyên thông qua sinh viên đang theo học tại Học viện về các trường THPT đã theo học với phong trào “Chúng tôi nói về chúng tôi” để sinh viên tự giới thiệu các thông tin về Học viện tới các học sinh tại các trường THPT cũ mà các sinh viên đã từng theo học. Các chương trình tư vấn tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Báo tuổi trẻ tổ chức [H1.08.01.05]. Mọi thông tin tuyển sinh được hỗ trợ kịp thời 24/7 trên các số điện thoại cố định, di động được công khai trên website tại địa chỉ <http://tuyensinh.apd.edu.vn/>.

Từ năm 2014 trở về trước, Học viện Chính sách và Phát triển thực hiện tuyển sinh hệ đại học ngành QTKD theo hình thức thi tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bắt đầu từ năm 2015 trở đi, Học viện Chính sách và Phát triển thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học. Theo đó, phương thức tuyển sinh ngành đại học QTKD của Học viện có các phương thức sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển với tổ hợp các khối A00, A01, D01, C02. Từ năm 2017, Học viện mở rộng phương thức tuyển sinh bên cạnh xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT, Học viện mở rộng thêm phương thức xét tuyển kết hợp đối với cả hệ đào tạo đại trà và chất lượng cao. Năm 2019 phương thức xét tuyển kết hợp gồm 02 đối tượng: (i) Thí sinh có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 02 môn bất kỳ đạt từ 18,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên); (ii) Thí sinh có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 4.5 trở lên (hoặc tương đương) và có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 01 môn bất kỳ (trừ môn Tiếng Anh) đạt từ 12,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên). Thông tin về học phí của từng năm học, các mức điểm trúng tuyển 02 năm trước liền kề được

² <https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/hoc-vien-chinh-sach-va-phan-trien-diem-chuan-tu-1715-20-20190809070713064.htm>

cập nhật đầy đủ, đối với ngành QTKD năm 2018, 2019 mức điểm trúng tuyển lần lượt là 19,0; 20,0. **[H1.08.01.01]**

Chính sách tuyển sinh của ngành QTKD được cập nhật và thực hiện theo đúng các quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo **[H1.8.01.02]**, và phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của Học viện. Chính sách tuyển sinh của ngành QTKD được cập nhật và thực hiện theo đúng quy định của Học viện và được sự góp ý của các bên liên quan **[H1.08.01.06]**. Bên cạnh đó, tại hội nghị công tác tuyển sinh hàng năm của Học viện, cuộc họp hội đồng tuyển sinh về chính sách tuyển sinh nhiều các ý kiến về phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực của xã hội dựa trên các số liệu thứ cấp như các kênh thông tin của báo chí, các cơ sở dữ liệu các sở ban ngành, từ đó đưa ra các chính sách tuyển sinh của ngành QTKD **[H1.08.01.07-08]**.

Với chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật. Ngành QTKD đã tuyển sinh được số lượng người học như bảng 8.1:

Bảng 8.1. Kết quả tuyển sinh ngành QTKD

Năm tuyển sinh	2015	2016	2017	2018	2019
Số lượng thí sinh trúng tuyển	52	61	50	139	140
Số lượng nhập học	52	52	50	134	131
Điểm trúng tuyển	17	19	19,44	19	19
Điểm trung bình của thí sinh được tuyển	18	20	19,75	21,0	18,5
Tỷ lệ trúng tuyển so với năm trước	115,5%	117,3%	82%	278%	104,5%
Tỷ lệ nhập học/trúng tuyển	100%	85,2%	100%	96,4%	93,6%

Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo

Trong giai đoạn 2014 - 2019, lượng sinh viên trúng tuyển nhập học ngành QTKD có xu hướng tăng. Tỷ lệ sinh viên nhập học so với số lượng thí sinh trúng tuyển đạt tỉ lệ cao, bình quân đạt trên 90%/năm. Nguyên nhân do chuyên ngành đào tạo hấp dẫn, uy tín của Học viện ngày càng được nâng cao.

2. Điểm mạnh

- Học viện có đa dạng hình thức công bố công khai, chính sách tuyển sinh (cổng thông tin, tờ gấp, tờ rơi, báo, fanpage...);

- Phương thức tuyển sinh được đa dạng hơn: tăng tổ hợp tuyển sinh, xét kết hợp.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích dự báo nhu cầu nhân lực chưa chuyên nghiệp, việc phân tích dự báo nhu cầu nhân lực dựa trên nguồn thứ cấp từ các kênh báo chí và các đơn vị ban ngành vì vậy thông tin chưa đáp ứng đầy đủ cho việc phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ năm học 2020 - 2021, Khoa phối hợp với Trung tâm CNTT, Thư viện & TT của Học viện phát triển thêm nhiều kênh thông tin tiếp cận với các đối tượng tuyển sinh của Học viện. Đồng thời nghiên cứu mở rộng thêm nhiều hình thức tuyển sinh đa dạng và phong phú hơn. Khoa phối hợp với Trung tâm thông tin, truyền thông và thư viện của Học viện phát triển thêm nhiều kênh thông tin tiếp cận với các đối tượng tuyển sinh của Học viện. Đồng thời nghiên cứu mở rộng thêm nhiều hình thức tuyển sinh đa dạng và phong phú hơn.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm 2020, Khoa QTKD hàng năm trước mỗi đợt tuyển sinh, phối hợp với phòng QLĐT, Trung tâm TT&ĐBCL để tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực về QTKD ở khu vực Hà Nội, khu vực phía Bắc để lập kế hoạch để dự báo nhu cầu nhân lực về cử nhân QTKD đảm bảo yêu cầu của thị trường lao động làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Học viện có quy định rõ ràng để tuyển chọn người học vào học ngành QTKD. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy ở thời điểm từ năm 2014 trở về trước được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT đó là các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương có tổng điểm 3 môn thi quy định, cộng điểm ưu tiên xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển chung của Học viện sẽ được gọi nhập học. Trước năm 2017, ngành QTKD thực hiện tuyển sinh theo ngành dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, tổ hợp các môn thi của ngành, lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành với 06 tổ hợp A00, A01, C02, D01, với phạm vi tuyển sinh từ Quảng Bình trở ra. Từ năm 2017 trở đi, Học viện xét tuyển theo 2 phương thức: Xét tuyển kết hợp³ và Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia với 06 tổ hợp xét tuyển như sau: A00, A01, C02, D01, với phạm vi tuyển sinh trên cả nước. Như vậy về cơ bản có thể thấy, trong Đề án tuyển sinh của Học viện đã xác định rõ đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến, tổ hợp môn xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển, chính sách ưu tiên xét tuyển, tuyển thẳng, hồ sơ đăng ký, thời gian đăng ký, lệ phí xét tuyển/thi tuyển, học phí. Bên cạnh đó, các thông tin về điểm trúng tuyển các năm gần nhất với năm tuyển sinh, tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được cung cấp để thí sinh có căn cứ lựa chọn ngành học **[H1.08.01.01]**.

Hàng năm, Học viện/Khoa lập kế hoạch tuyển sinh **[H1.08.02.01]** và triển khai thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT

³ *Đối tượng xét tuyển kết hợp: Xét tuyển kết hợp gồm các đối tượng sau:*

- *Thí sinh có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 02 môn bất kỳ đạt từ 18,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên).*

- *Thí sinh có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 4.5 trở lên (hoặc tương đương) và có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 01 môn bất kỳ (trừ môn Tiếng Anh) đạt từ 12,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên).*

và các quy định về tuyển sinh của Học viện. Các chính sách về tuyển sinh của Học viện được xin ý kiến tại các lần họp khoa [H1.08.01.07], sau đó hội đồng tuyển sinh của Học viện được tổ chức để lấy ý kiến góp ý về tiêu chí và xác định các phương thức tuyển chọn người học để thực hiện công khai đề án tuyển sinh đại học chính quy [H1.08.01.08]

Kết thúc kỳ tuyển sinh, Học viện thực hiện tổng kết công tác tuyển sinh nhằm rà soát, đánh giá tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học, nêu rõ kết quả tuyển sinh về số lượng, chất lượng đầu vào, phổ điểm xét tuyển và phân tích các khó khăn, thuận lợi để đưa ra các điều chỉnh cho các năm kế tiếp [H1.08.01.07] [H1.08.02.02], [H1.08.02.03]. Những thông tin về xu hướng chọn ngành, nguồn gốc thí sinh dự thi cũng được phân tích nhằm thu hút thí sinh từ các trường cấp 3 có uy tín. Các bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận. [H1.8.01.07] [H1.8.02.02], [H1.8.02.04]. Với các tiêu chí tuyển sinh được áp dụng từ trước đến nay, Học viện, khoa QTKD luôn duy trì và bảo đảm quy mô đầu vào. Hàng năm Học viện đều thực hiện thống kê về tổng kết công tác tuyển sinh, số lượng sinh viên nhập học.

Bảng 8.2. Thống kê tình hình tuyển sinh giai đoạn của ngành QTKD

Năm học	Thí sinh				
	Số người nộp hồ sơ dự tuyển	Số người trúng tuyển	Số người nhập học/ ghi danh	Tổng số thí sinh theo học	Ghi chú
2014 - 2015	144	52	52	52	
2015 - 2016	126	61	52	52	
2016 - 2017	142	50	50	50	
2017 - 2018	317	139	134	134	
2018 - 2019	352	140	131	131	

Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo

Tính đến thời điểm này, Học viện chưa nhận được bất kỳ ý kiến phản hồi không tốt nào của các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào [H1.08.01.07].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện xác định rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan;

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát.

3. Điểm tồn tại

Phương thức tuyển sinh chưa đa dạng và thời gian tuyển sinh chưa linh hoạt.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Năm học 2020 – 2021 Khoa phối hợp với Phòng QLĐT tiếp tục nghiên cứu các hình thức và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp với tình hình thực tiễn, công bố rộng rãi các hình thức và phương pháp tuyển sinh một cách công khai và minh bạch.

- ***Khắc phục tồn tại:*** Từ năm tuyển sinh 2020, Khoa QTKD sẽ phối hợp đề xuất bổ sung thêm phương thức tuyển sinh và các đợt tuyển sinh trong năm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Khoa QTKD và Học viện có một hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học ngành QTKD một cách chặt chẽ và hiệu quả. Trên cơ sở kế hoạch của Học viện, Khoa QTKD trực tiếp tham gia vào hệ thống quản lý giám sát theo học chế tín chỉ để giám sát, theo dõi và đánh giá sự tiến bộ của người học bao gồm: (1) Giảng viên giảng dạy học phần, (2) Cố vấn học tập,

(3)Trợ lý khoa,(4) Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Phòng Quản lý đào tạo,(5) hệ thống phần mềm quản lý theo học chế tín chỉ tại địa chỉ địa chỉ <http://qldt.apd.edu.vn>; Tin chi.apd.edu.vn **[H1.08.03.01]**, **[H1.02.01.04]** **[H1.08.03.02]**, **[H1.08.03.03]**, **[H1.08.03.04]**. Hiện nay, các cố vấn học tập trong Khoa QTKD đều là các giảng viên có nhiều năm kinh nghiệm, am hiểu về ngành đào tạo và CTĐT để có thể sát sao với các sinh viên, tư vấn một cách hiệu quả về kế hoạch và tiến độ học tập, phương pháp học tập, phương thức kiểm tra, đánh giá học tập theo học chế tín chỉ. Việc tư vấn học tập được tiến hành đều đặn thường kỳ trong các buổi sinh hoạt lớp hay trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm cho sinh viên **[H1.08.03.04]**.

Học viện có quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được hỗ trợ, giám sát bởi các hệ thống quản lý người học theo chương trình đào tạo tín chỉ **[H1.08.03.01]**, **[H1.08.03.02]**. Mỗi người học có 01 tài khoản đăng ký trên hệ thống đào tạo tín chỉ <http://tinchi.apd.edu.vn:82>. Hệ thống thực hiện việc giám sát trên các nội dung về quá trình đăng ký học và học tập, giám sát kết quả rèn luyện. Sau khi đăng ký học thành công, sinh viên có kế hoạch rõ ràng, giảng viên phụ trách môn học đó có danh sách sinh viên tham dự học của lớp mình và được yêu cầu giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên **[H1.08.03.05]**, **[H1.08.03.01]**. Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được thực hiện thường xuyên và định kỳ. Khoa QTKD thường xuyên giám sát kết quả của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những sinh viên không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn **[H1.08.03.06]**.

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học theo chương trình đào tạo, Học viện và Khoa QTKD luôn có kế hoạch và triển khai các hoạt động phù hợp nhằm giám sát kết quả học tập, khuyến khích tinh thần học tập của sinh viên như tổ chức giới thiệu về ngành QTKD, cơ hội việc làm của chuyên ngành

Quản trị doanh nghiệp cho sinh viên trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm; cảnh báo học tập gặp mặt sinh viên có điểm trung bình cuối kỳ dưới 2.0 để đôn đốc và tìm giải pháp tháo gỡ cho sinh viên trong học tập; tổ chức các hội thảo chuyên môn hàng năm về các vấn đề chuyên môn cho ngành QTKD; tổ chức các chương trình Thực chiến bán hàng và marketing... [H1.08.03.07], [H1.08.03.08], [H1.08.03.09].

Bảng 8.3. Tình hình sinh viên ngành QTKD thôi học qua các năm học, giai đoạn 2015 -2019

Năm học	Tổng số sinh viên ngành QTKD thôi học	Số nghỉ học tự nguyện	Số nghỉ học do chất lượng học tập thấp	Số bị buộc thôi học do vi phạm kỉ luật
2015 - 2016	16	12	0	4
2016 - 2017	11	7	0	4
2017 - 2018	6	3	0	3
2018 - 2019	9	9	0	0
Cộng	45	27	0	0

Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo

Đối với điểm rèn luyện, Khoa tổ chức xét điểm rèn luyện theo học kỳ sau khi có kết quả học tập của sinh viên. Quy trình được thực hiện từ việc các lớp sinh viên tổ chức xét điểm rèn luyện, cố vấn học tập kiểm tra lại dựa theo các tiêu chí về học tập, NCKH, hoạt động khác. Khoa sẽ tổ chức xét điểm rèn luyện chung cho cả khoa, thành phần bao gồm đại diện Học viện (Phòng Chính trị và Công tác sinh viên), lãnh đạo khoa, trợ lý khoa và cố vấn học tập các lớp. Điểm rèn luyện cả năm được nhập trên phần mềm quản lý điểm rèn luyện, kết quả xét điểm rèn luyện được Học viện phê duyệt sẽ được gửi lại cho các khoa qua email. Kết quả học tập và điểm rèn luyện là căn cứ để xét khen thưởng các danh hiệu cho cá nhân sinh viên, danh hiệu cho tập thể lớp. Các tiêu chí khen thưởng được quy định rõ ràng trong Sổ tay sinh viên [H1.01.01.11].

Học viện có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp. Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo CMC để quản lý đào tạo. Phần mềm này có 2 hệ thống: (1) Hệ thống tác nghiệp dành cho các phòng/ban chức năng; (2) Hệ thống quản lý đăng ký tín chỉ và quản lý quá trình học của sinh viên. Hệ thống tác nghiệp gồm 09 chức năng chính và 2 modul cài đặt: (1) Quản lý học viên, sinh viên; (2) Quản lý đào tạo; (3) Quản trị hệ thống; (4) Quản trị nhân sự; (5) Đánh giá, phân loại xếp hạng; (6) Hệ thống báo cáo; (7) Phân quyền dữ liệu; (8) Module xếp lịch học; (9) Module xếp lịch thi. Đối với sinh viên, hệ thống quản lý đăng ký tín chỉ và quản lý quá trình học của sinh viên dùng để theo dõi sự tiến bộ, thành tích và khối lượng học tập của sinh viên. Mỗi sinh viên được cung cấp tài khoản cá nhân để truy cập vào hệ thống bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông tin cần biết như: CTĐT, quy trình đăng ký môn học, thông báo, đăng ký các học phần của kỳ hiện tại, thời khoá biểu, lịch học, lịch thi, điểm các học phần và quản lý học phí **[H1.08.03.05]**

Bên cạnh đó, hàng năm Học viện tổ chức các kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy, về những điều kiện đảm bảo chất lượng học phần, mức độ hài lòng của sinh viên đối với nhu cầu tra cứu kết quả học tập. Đến nay Khoa và Học viện chưa nhận được bất cứ phản ánh nào không tốt về hoạt động giảng dạy, điều kiện học tập của sinh viên. Tỷ lệ điều tra cho thấy trên 56% sinh viên được hỏi hoàn toàn đồng ý và tỷ lệ trên 30% đồng ý đánh giá tốt hoạt động giảng dạy và điều kiện học tập của sinh viên, đây là căn cứ để Học viện sử dụng trong việc bổ sung hay điều chỉnh các hoạt động giám sát, hỗ trợ người học **[H1.05.05.02]**.

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ quy chế và cơ sở dữ liệu giám sát kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.

3. Điểm tồn tại

Việc giám sát cũng như nắm thông tin của sinh viên còn chưa đầy đủ nên việc cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Từ học kỳ 2 năm học 2020 – 2021, Học viện giao Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông đề xuất và thực hiện hiện đại hóa hệ thống cơ sở vật chất lưu trữ dữ liệu một cách hệ thống, cập nhật, hiện đại.

- ***Khắc phục tồn tại:*** Từ năm 2020 trở đi, Học viện chỉ đạo phòng QLĐT, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên phối hợp với khoa quản lý sinh viên thông báo kịp thời kết quả học tập và rèn luyện tới từng sinh viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Học viện Chính sách và Phát triển nói chung, Khoa QTKD nói riêng đã huy động toàn hệ thống chính trị vào cuộc đó là Đảng ủy Học viện, Lãnh đạo Học viện, Lãnh đạo Khoa, các phòng ban chức năng, đoàn thanh niên Học viện, liên chi đoàn khoa để tổ chức các hoạt động học tập, tư vấn và các dịch vụ hỗ trợ để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học [H1.08.04.01], [H1.08.04.02],[H1.08.04.03]. Với sinh viên mới nhập học để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học Học viện đã phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho sinh viên trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học [H1.08.03.09]. Bên cạnh đó, hàng năm khoa QTKD còn chủ động tổ chức buổi gặp mặt tân sinh viên của khoa để trao đổi với các tân sinh

viên về nội quy, quy chế học tập, rèn luyện tại Khoa và Học viện, về công tác NCKH sinh viên, công tác đoàn thanh niên. Hàng năm, hội nghị đối thoại sinh viên đều được tổ chức để lắng nghe ý kiến phản hồi của người học về các nội dung như học tập, cơ sở vật chất, NCKH, công tác đoàn thể... Hội nghị Đối thoại sinh viên hàng năm đều mời các đại diện của các bộ phận chức năng để giải đáp các ý kiến của người học [H1.08.03.07].

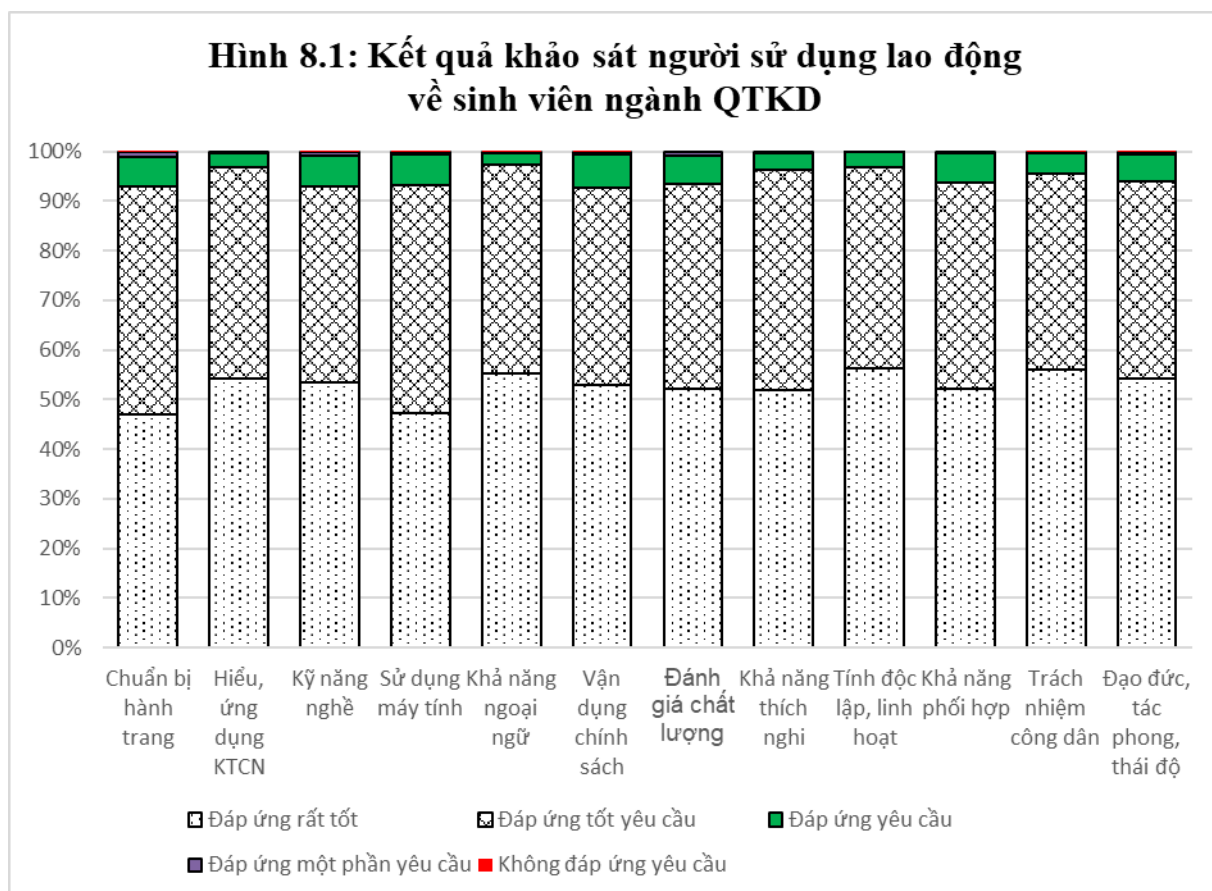
**Bảng 8.4. Thống kê tình hình sinh viên tốt nghiệp
và được hỗ trợ giới thiệu có việc làm trong 5 năm 2015 - 2019**

Năm học	Số sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn/số sinh viên học đủ 4 năm		Số sinh viên được tư vấn, giới thiệu việc làm		Số sinh viên tốt nghiệp và có việc làm sau 1 năm ra trường	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2015-2016	26	100%	26	100%	23	88,5
2016 - 2017	43	88,0%	47	100%	39	90,6%
2017 - 2018	31	64,5%	48	100%	29	93,5
2018 - 2019	12	29,2%	41	100%	10	83,3%

Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo

Học viện có đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn việc làm của người học đó là Phòng Chính trị và Công tác sinh viên [H1.08.04.04]. Đơn vị này phối hợp với Khoa QTKD có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học để: liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng; tăng cường kỹ năng mềm [H1.08.04.05]. Sinh viên được bố trí thời gian đi thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế nên tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành QTKD sau 12 tháng tốt nghiệp 5 năm gần đây đều trên 80%. Kết quả của các hoạt động hỗ trợ học tập hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học thể hiện trực tiếp thông qua tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm hàng năm đều trên

85% và mức độ hài lòng của người sử dụng lao động về sinh viên đã tốt nghiệp (Hình 8.1).[H1.08.03.06]



Học viện có kế hoạch và thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập cho người học. Các hoạt động có thể kể đến là: công tác tư vấn, hỗ trợ học tập của lãnh đạo Khoa, các giảng viên với vai trò cố vấn học tập, NCKH sinh viên, các đợt thăm quan thực tế các doanh nghiệp, tổ chức hội chợ việc làm, trò chuyện thực tế với các chuyên gia (trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, giám đốc các doanh nghiệp, kế toán trưởng các doanh nghiệp...), [H1.08.04.06], [H1.08.04.07].

Để tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao các kỹ năng mềm, giao lưu trong học tập, trao đổi kiến thức cho sinh viên, Đoàn Thanh niên thành lập nhiều các câu lạc bộ trong Học viện, các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ, NCKH SV... Đặc biệt, sinh viên

trong Khoa đã thành lập câu lạc bộ Khởi nghiệp và kinh doanh tạo môi trường học tập và sân chơi hấp dẫn cho các sinh viên trong Khoa. Hưởng ứng hoạt động của các câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa, sinh viên ngành QTKD cũng rất tích cực tham gia, là những sân chơi thú vị, mới mẻ, bổ ích và lành mạnh cho các bạn sinh viên để tăng cường các kỹ năng mềm và cân bằng cuộc sống **[H1.08.04.06], [H1.08.04.08], [H1.08.04.09]**

Người học, người tốt nghiệp hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Khảo sát ý kiến người học cho thấy Học viện chăm lo tốt nhu cầu cho sinh viên về sức khỏe, nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao (tỷ lệ 19% người được hỏi hoàn toàn đồng ý, 57% đồng ý), các hoạt động Đoàn giúp ích và có tác dụng thiết thực đối với sinh viên (tỷ lệ 27% người được hỏi hoàn toàn đồng ý, 66% đồng ý); sinh viên được định hướng nghề nghiệp tốt từ phía Khoa (tỷ lệ 13% người được hỏi hoàn toàn đồng ý, 51% đồng ý) **[H1.08.03.10]**.

2. Điểm mạnh

Học viện, Khoa luôn có kế hoạch chi tiết triển khai định kì các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

Có mạng lưới đa dạng các cơ quan doanh nghiệp hợp tác chặt chẽ hỗ trợ, tư vấn các hoạt động cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

- Sức lan tỏa của các CLB trong Khoa còn chưa rộng.
- Nguồn lực dành cho các hoạt động tư vấn hỗ trợ còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Từ năm học 2020 - 2021, Khoa phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên và các phòng ban chức năng liên quan

tiếp tục tổ chức thêm nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động chuyên môn hỗ trợ SV tăng cường kiến thức thực tiễn. Khoa cũng kết hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên và các đơn vị chức năng của Học viện kết nối và kí thêm nhiều biên bản hợp tác giữa khoa với các doanh nghiệp nhằm tăng cường phối hợp đào tạo và tăng thêm cơ hội việc làm cho SV.

- **Khắc phục điểm yếu:** Từ năm 2020, Khoa QTKD tăng thêm nhân lực hỗ trợ hoạt động CLB trong khoa; bổ sung kinh phí hỗ trợ các hoạt động tư vấn thực tế tại các doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Khuôn viên, diện tích, điều kiện cơ sở vật chất của Học viện tạo môi trường học tập thân thiện tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Học viện đang sử dụng 08 tầng thuộc tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do phòng Quản trị 2 - Văn phòng Bộ có trách nhiệm quản lý chung tòa nhà với cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại. Tại các ở các khu vực giảng đường Học viện đều có các khẩu hiệu nhắc nhở sinh viên về ý thức kỉ luật, giữ vệ sinh tại nơi học tập [H1.08.05.01], [H1.08.05.02]. Học viện và Khoa QTKD cũng luôn tạo điều kiện cho các câu lạc bộ như Câu lạc bộ Starup and Marketing, Câu lạc bộ Kỹ năng sống, Câu lạc bộ Thanh niên Tình nguyện, Câu lạc bộ Nhạc cụ, Câu lạc bộ Tiếng Anh hình thành, phát triển tạo không khí học tập và rèn luyện sôi nổi [H1.08.04.06].

Khuôn viên Học viện thoáng mát và được đầu tư vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt. Các hành lang, sảnh đều có bố trí cây xanh phù hợp. Tính đến 31/12/2017, Học viện đang sử dụng 2.351,8m² sàn xây dựng tại tòa nhà D25 thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư để

triển khai các hoạt động của Học viện **[H1.08.05.01]**. Diện tích sử dụng dùng cho phòng học là 1.471m^2 . Ngoài ra, Học viện có thể sử dụng 3 phòng học loại 30 - 40 chỗ và 1 hội trường loại 80 - 100 chỗ thuộc tòa nhà D25 để làm phòng học khi có nhu cầu. Tổng diện tích phòng học Học viện có thể bố trí cho các lớp là 1.950m^2 . Với số sinh viên là 2.222 người thì trung bình $1,3\text{m}^2/\text{chỗ}$ ngồi **[H1.08.05.01]**. Sinh viên Học viện sử dụng 2 căng-tin chung của tòa nhà D25 để giải quyết nhu cầu ăn uống trong ngày, cả 2 căng-tin đều đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh của Bộ Y tế **[H1.08.05.04]**.

Hệ thống PCCC của Học viện do phòng Quản trị 2 thuộc Văn phòng Bộ quản lý, là hệ thống PCCC chung của cả tòa nhà D25. Quy chế công tác phòng cháy và chữa cháy của tòa nhà D25 đã được Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt; thiết bị PCCC được trang bị đầy đủ ở các tầng và được bảo dưỡng định kỳ. Hằng năm, Học viện đều cử cán bộ đi tập huấn nghiệp vụ công tác PCCC do cơ quan Bộ tổ chức. Phương án chữa cháy cơ sở đã được Cảnh sát PCCC TP. Hà Nội phê duyệt năm 2015 **[H1.08.05.03]**

Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện chuyển về cơ sở mới tại khu đô thị Nam An Khánh đây là cơ sở mới hiện đại đáp ứng đầy đủ các nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học và giải trí phù hợp với tất các đối tượng trong Học viện, có hệ thống giảng đường, ký túc xá, nhà ăn, sân tập... hiện đại tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong sinh hoạt **[H1.08.05.01]**.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Học viện duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học hàng năm **[H1.08.05.04]**. Học viện có bộ phận y tế giám sát học đường, bộ phận y tế của Học viện phối hợp với các đơn vị chức năng tuyên truyền vận động, đôn đốc, kiểm tra vệ sinh môi trường, nơi làm việc, giảng đường để phòng chống dịch bệnh, thông báo về nguy cơ nhiễm bệnh theo mùa. Sinh viên và cán bộ, giảng viên của Học viện đều có bảo hiểm y tế **[H1.08.05.04]**.

Hàng năm, Học viện tiến hành lấy ý kiến tham khảo và phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan. Môi trường và cảnh quan của Học viện được người học đánh giá tốt. Về cảnh quan sạch sẽ, vệ sinh, an toàn, thoải mái người học đánh giá với tỷ lệ đồng ý là trên 30%, hoàn toàn đồng ý hơn 60%. Đối với phòng học có không gian phù hợp, tỷ lệ đồng ý đạt 42%, 49% tỷ lệ trả lời hoàn toàn đồng ý. Điều này đã tạo được hứng thú cho họ để phát huy khả năng học tập, nghiên cứu của người học [H1.08.05.05].

2. Điểm mạnh

Học viện có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội; tạo môi trường học tập và làm việc thân thiện; thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT.

Sinh viên Khoa QTKD luôn có ý thức giữ gìn cơ sở vật chất; tuân thủ các quy định về ứng xử trong cơ sở giáo dục; có ý thức bảo vệ môi trường, PCCC; tuân thủ mọi quy định của Pháp luật.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở học tập có diện tích còn khiêm tốn, khu vận động của sinh viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ học kỳ 2 năm học 2020 – 2021, Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo phối hợp với Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Chính trị Công tác sinh viên tăng cường công tác tuyên truyền, bảo vệ cảnh quan môi trường Học viện tới tất cả các bên liên quan đến cơ sở mới tại Nam An Khánh..

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm học 2020-2021, Học viện chuyển về cơ sở mới tại Nam An Khánh đảm đầy đủ toàn diện các yếu tố về môi trường cảnh quan đáp ứng yêu cầu người học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận tiêu chuẩn 8

(i) Điểm mạnh của tiêu chuẩn

Chính sách, tiêu chí, phương pháp tuyển sinh của Học viện rõ ràng, đúng quy định, cập nhật hàng năm; Phương thức tuyển sinh đa dạng; Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát. Chính sách tuyển sinh luôn được phân tích đánh giá kỹ lưỡng, có sự góp ý của các bên liên quan. Có đầy đủ nhân lực, vật lực, quy trình, quy định về giám sát việc học tập và rèn luyện của người học. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các hoạt động khác đều được chú trọng. Môi trường cảnh quan và môi trường tâm lý đều tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

(ii) Điểm tồn tại của tiêu chuẩn

Mặt bằng điểm trúng tuyển và tỷ lệ nhập học/trúng tuyển tăng lên chưa cao trong những năm gần đây; Việc phân tích và đánh giá tính hợp lý của quá trình tuyển sinh trước và sau kỳ tuyển sinh còn có độ trễ; Việc theo dõi sinh viên nợ môn và thiếu học phí trên website vẫn còn hơi khó do giao diện kém thân thiện, đôi khi làm một vài cố vấn học tập bị lúng túng; Cơ sở học tập tại trụ sở D25 có diện tích còn khiêm tốn, khu vận động của SV còn hạn chế.

(iii) Kế hoạch hành động khắc phục tồn tại

Từ năm 2020, Khoa QTKD phối hợp với phòng QLĐT, Trung tâm TT&ĐBCL để tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực về QTKD ở khu vực Hà Nội, khu vực phía Bắc để lập kế hoạch để dự báo nhu cầu nhân lực về cử nhân QTKD đảm bảo yêu cầu của thị trường lao động làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh. Đồng thời phối hợp đề xuất bổ sung thêm phương thức tuyển sinh và các đợt tuyển sinh trong năm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; Thông báo kịp thời kết quả học tập và rèn luyện tới từng sinh viên. Tăng thêm nhân lực hỗ trợ hoạt

động CLB trong khoa; bổ sung kinh phí hỗ trợ các hoạt động tư vấn thực tế tại các doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn 8 có 05/05 tiêu chí đạt yêu cầu; trong đó, có 04/05 tiêu chí đạt mức 5/7, có 01/05 tiêu chí đạt mức 4/7.

TIÊU CHUẨN 9

Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Học viện Chính sách và Phát triển luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học vì đây chính là một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo cho việc triển khai và thực hiện được CTĐT; đảm bảo cho việc đạt được các mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT. Học viện đã thực hiện điều này qua việc đầu tư hệ thống cơ sở vật chất gồm có hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng máy với trang thiết bị phù hợp; thư viện với các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên; hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật. Nhờ đó, Học viện đã đảm bảo được các điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các CTĐT thuộc hệ đại học và sau đại học, trong đó có CTĐT cử nhân ngành QTKD.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Học viện Chính sách và Phát triển có hệ thống phòng làm việc và phòng học đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Từ năm 2015-2019, Học viện tổ chức đào tạo tại cơ sở D25. Ở đây Học viện hiện có 27 phòng làm việc, trong đó khoa Quản trị kinh doanh được bố trí 01 phòng làm việc, với diện tích 20m²; Học viện có 26 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 2.351,8 m². Cơ sở của Học viện tại Nam An Khánh được đưa vào sử dụng từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, có tổng diện tích sử dụng là 50.876 m² với 93 phòng làm việc, 95 phòng học. Số chỗ ở ký túc xá sinh viên là 1.581 m² [H1.08.05.01]. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng ở đây đảm bảo đạt đúng quy định tại Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục [H1.09.01.01]. Tuy nhiên, tính đến tháng 2/2020, hệ thống phòng làm việc chưa hoàn thiện, các khoa và các phòng còn phải ngồi chung nhau trên các phòng giảng đường. Khoa QTKD sử dụng phòng học chung với các khoa khác trong Học viện [H1.08.05.01]. Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập) là 24.874 m². Diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp đào tạo tính trên 01 sinh viên đại học hệ chính quy là 7,05 m²/sinh viên [H1.09.01.02].

Trước học kỳ 1 năm học 2019 - 2020, các học phần giáo dục thể chất Học viện tổ chức học tại nhà thi đấu của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [H1.09.01.03]. Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện có khu liên hiệp thể thao phục vụ cho việc học Giáo dục thể chất và hoạt động ngoài giờ, đảm bảo thiết kế theo đúng tiêu chuẩn [H1.08.05.01]. Đối với học phần giáo dục quốc phòng, Học viện tổ chức cho sinh viên học tập tại Trung tâm giáo dục quốc phòng - Trường đại học sư phạm Hà Nội 2 [H1.09.01.04].

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Học viện được trang bị đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, máy chiếu, loa mic...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H1.09.01.05]. Tại cơ sở D25, các phòng làm việc được thiết kế đạt tiêu chuẩn, đều có hệ thống ánh sáng, điều hòa với đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photo đảm ứng yêu cầu của các phòng, ban, khoa. Để phục vụ cho hoạt động của Khoa QTKD, văn phòng khoa được trang bị 03 máy tính (02 bộ máy tính mới), 03 bộ kết nối mạng, 01 máy in, 01 tủ kê máy in, bàn làm việc, ghế, 01 tủ sắt 8 ngăn, 01 tủ sắt 6 ngăn, tủ đựng tài liệu,... TP Link, ...phục vụ sinh hoạt khoa [H1.09.01.05] [H1.09.01.06]. Tất cả các phòng học được trang bị máy chiếu, bảng, máy tính và hệ thống âm thanh để hỗ trợ hoạt động giảng dạy.

Học viện đã có quy định về trang bị, quản lý và sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất một cách chặt chẽ [H1.09.01.06].

Định kỳ, hàng năm Học viện luôn tổ chức kiểm kê tài sản theo đúng chế độ quy định [H1.09.01.07]. Phần lớn các trang thiết bị được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị trong Học viện nên tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị cao, linh hoạt trong giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, học tập hiệu quả ở sinh viên [H1.09.01.06]. Hiện nay, tại cơ sở Nam An Khánh, Học viện đã có kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị. Cụ thể, tại các giảng đường, các trang thiết bị sẽ được nâng cấp bao gồm hệ thống bóng đèn chiếu sáng, màn chiếu, máy chiếu projector, hệ thống âm thanh, micro, hệ thống điều hòa, phương tiện dạy học trực tuyến, phòng học trực tuyến ... [H1.09.01.08].

2. Điểm mạnh

Tại trụ sở D25, với hệ thống giảng đường và các trang thiết bị đồng bộ, hiện đại, Học viện đã có khả năng đáp ứng các yêu cầu cơ bản của công tác đào tạo, nghiên cứu, cũng như quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên. Bắt đầu từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện chuyển sang làm việc tại trụ sở Nam An Khánh. Đây là trụ sở mới được đầu tư và trang bị đồng bộ, hiện đại cả về số lượng các giảng đường, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ tốt nhất công tác đào tạo của Học viện trong thời gian tới.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, Học viện đã chuyển về trụ sở mới ở Nam An Khánh. Tại đây, một số phòng hiện chưa hoàn thiện nên các phòng làm việc, văn phòng các khoa, và phòng chức năng đang được phân chia bằng vách ngăn trong các phòng học lớn, không gian làm việc khó tránh được ồn ào và phân tán.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ năm học 2020-2021, Học viện giao Ban Quản lý Đầu tư phối hợp với Phòng Kế hoạch Tài chính tiếp tục thực hiện kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2020-2021, Học viện giao Ban Quản lý Đầu tư tiếp tục hoàn thiện các phòng làm việc, văn phòng khoa, và phòng chức năng để đưa vào hoạt động, chấm dứt tình trạng các bộ phận này phải ngồi chung tại các phòng giảng đường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Học viện có hệ thống Thư viện truyền thống cũng như Thư viện điện tử. Thư viện truyền thống có phòng đọc với sắp xếp, bố trí hợp lý để phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tổng diện tích sử dụng của Thư viện tại cơ sở D25 là 146 m² bao gồm các gian liên thông với nhau trên cùng một mặt bằng để tiện thủ tục mượn trả, tìm tài liệu, đọc sách, tự học, gồm: khu vực bàn làm việc của cán bộ, kho sách, kho báo tạp chí, kho tài liệu nội sinh và phòng đọc sách có sức chứa khoảng 60 chỗ ngồi [H1.08.05.01]. Diện tích thư viện ở D25 không lớn nên số lượng chỗ ngồi cho người đọc còn hạn chế. Tổng diện tích sử dụng của Thư viện tại cơ sở Nam An Khánh trong học kỳ II – năm học 2019 – 2020 là 168m², phòng đọc 60 chỗ ngồi. Trong học kỳ I năm học 2020 – 2021, Thư viện chính thức tại cơ sở này sẽ được hoàn thiện với 04 tầng sử dụng và đầy đủ trang thiết bị hiện đại [H1.08.05.01]. Nhằm quản lý thư viện hiệu quả, bên cạnh các qui định về cơ sở vật chất, Học viện cũng đã ban hành Nội quy thư viện [H1.09.02.01]

Bên cạnh thư viện truyền thống, Học viện có xây dựng thư viện số với nguồn tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài phong phú, đa dạng, được cập nhật thường xuyên. Học viện đã ký hợp đồng sử dụng tài liệu với Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VDOC để xây dựng thư viện số của Học viện tại địa chỉ: <http://thuvienso.apd.edu.vn/> và có liên kết tới thư viện số của khoảng 81 trường (thể hiện trong website thư viện số) **[H1.09.02.02]**.

Thư viện tại Học viện được trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ việc tra cứu, tìm kiếm tài liệu và ngồi đọc của người đọc. Các trang thiết bị này gồm có 03 máy tính phục vụ việc tra cứu tại thư viện, 03 bàn làm việc, 06 bàn họp, 84 ghế ngồi, 50 giá sách, 03 tủ làm việc, 09 quạt trần, 01 điều hòa và 02 ổ cắm nối **[H1.09.01.05]**.

Thư viện có 110 đầu sách phục vụ cho các học phần của chương trình đào tạo QTKD gồm khoảng 50 đầu giáo trình, 60 đầu tài liệu tham khảo, số tạp chí chuyên ngành là 15 (năm 2014), 18 (năm 2015), 20 (năm 2016), 26 (năm 2017). Có 120 khóa luận, cùng nhiều luận văn thạc sĩ và tiến sĩ. Bên cạnh đó, thư viện còn có khoảng 150 đầu sách là các tài liệu phục vụ cho việc giải trí, mở rộng kiến thức cho giảng viên và sinh viên của chuyên ngành như các sách kỹ năng về giao tiếp, đàm phán, chiến lược học tập, phương pháp giảng dạy bậc đại học **[H1.09.02.03]**.

Hàng năm, các khoa tại Học viện có thể gửi các văn bản đề xuất nhu cầu mua giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo chuyên ngành QTKD **[H1.09.02.04]**. Theo đó, Học viện sẽ bố trí nguồn ngân sách để bổ sung tài liệu cho thư viện phục vụ công tác đào tạo và NCKH **[H1.09.02.04]**. Ngoài ra, Học viện theo dõi hoạt động của thư viện để cập nhật hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu một cách kịp thời **[H1.09.02.05]**. Nhờ vậy, phần lớn các tài liệu khoa QTKD đề xuất đều được Học viện mua bổ sung vào thư viện. Một số tài liệu có thể kể đến gồm có “Giáo trình thống kê trong nghiên cứu thị trường”, sách “Khởi nghiệp đổi mới và sáng tạo” hay sách “Cuộc chơi khởi nghiệp” tập 1 và 2 **[H1.09.02.03]**.

2. Điểm mạnh

Thư viện có đầy đủ cơ sở, vật chất, trang thiết bị và nguồn học liệu đáp ứng yêu cầu của người học. Các nguồn học liệu, tài liệu, thông tin đầy đủ, phù hợp và có tính cập nhật. Quy trình phục vụ của thư viện dễ hiểu, thuận tiện, cán bộ thư viện nghiêm túc và nhiệt tình.

3. Điểm tồn tại

Số lượng máy tính và diện tích phòng đọc phục vụ tại thư viện còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong học kỳ 1 năm học 2020 - 2021, Trung tâm Công nghệ thông tin - Thư viện và Truyền thông tiếp tục mở rộng liên kết thư viện điện tử, bố trí cán bộ liên kết với các thư viện quốc tế và cơ sở dữ liệu quốc tế, ít nhất tại các thời điểm các thư viện đó mở miễn phí cho các trường đại học ở các nước đang phát triển, để hướng dẫn giảng viên, sinh viên, nghiên cứu viên của Học viện tiếp cận và sử dụng dữ liệu từ các kho tàng quốc tế. Việc làm này sẽ giúp bổ sung kho tàng học liệu, tài liệu của thư viện, đồng thời tiện lợi cho việc tìm kiếm và sử dụng tài liệu của sinh viên và giảng viên.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong học kỳ I năm học 2020 - 2021, Phòng Kế hoạch Tài chính và Phòng Quản lý thiết bị bố trí kinh phí bổ sung thêm hai máy tính để tra cứu tài liệu trong thư viện. Ban Quản lý Dự án bố trí thêm một phòng tự học, tự đọc sách cho sinh viên, giảng viên, người nghiên cứu để nâng cao khả năng tự học của người học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Các chuyên ngành đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Do đó, trong thiết kế các khu vực giảng dạy của Học viện không bố trí phòng thí nghiệm tại cơ sở ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết. Học viện có 01 phòng thực hành tin học và 01 phòng thực hành ngoại ngữ. Từ năm 2013 đến năm 2016, phòng thực hành tin học được bố trí tại giảng đường 503, được trang bị 40 máy tính kết nối internet. Từ năm 2017, Học viện tiếp nhận bàn giao tầng 17 để bố trí thành phòng thực hành tin học với diện tích 267,9 m² được Học viện trang bị 57 máy tính có kết nối internet tốc độ cao, các phòng thực hành Ngoại ngữ được bố trí tại tầng 8 của toà nhà **[H1.08.05.01]**. Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, tại Trụ sở Nam An Khánh, Học viện bố trí các phòng thực hành Tin học, Ngoại ngữ với đầy đủ các trang thiết bị loa, mic, tai nghe, hệ thống máy tính kết nối internet **[H1.09.01.05]**. Các máy tính trong phòng thực hành được cài đặt phần mềm như Eviews, Stata, SPSS để phục vụ các học phần như Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô, Nghiên cứu thị trường **[H1.09.03.01]**.

Hàng năm, Học viện có bố trí ngân sách và có kế hoạch mua sắm để cập nhật, nâng cấp, đồng thời cũng có kế hoạch và ngân sách cho việc duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị trong các phòng thực hành để phục vụ công tác đào tạo của Học viện **[H1.09.01.08]**.

Hiện nay, Học viện giao Phòng Tổ chức – Hành chính bố trí cán bộ theo dõi, quản lý trang thiết bị tại các phòng thực hành; xây dựng và ban hành các quy định sử dụng trang thiết bị và lập sổ theo dõi tần suất sử dụng trang thiết bị tại các giảng đường, phòng thực hành. Việc kiểm kê tài sản tại phòng thực hành được diễn ra định kỳ theo quy định **[H1.09.01.07]**.

2. Điểm mạnh

Các phòng thực hành của Học viện được quan tâm đầu tư, các thiết bị mới, đồng bộ, hiện đại, có kết nối Internet, phần mềm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Số máy tính trong một phòng thực hành còn ít. Một số học phần như Nghiên cứu thị trường, Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... có số lượng sinh viên mỗi lớp học phần khá đông, nên đôi khi nếu một máy nào đó gặp trục trặc trong giờ học, việc đổi máy cho sinh viên sẽ gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng Quản lý đào tạo dựa trên đề xuất của các khoa để cập nhật và cài đặt thêm các phần mềm hiện đại để sử dụng trong các môn học của chương trình đào tạo.

- **Khắc phục tồn tại:** Học viện giao Ban Quản lý dự án đầu tư phối hợp với Phòng Tổ chức hành chính trong học kỳ I năm học 2020 – 2021 mua thêm máy tính cho phòng thực hành tin và ngoại ngữ để phục vụ hoạt động giảng dạy của các môn học tại phòng học này.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Học viện đã đầu tư trang bị hệ thống CNTT như máy tính, mạng internet, hệ thống phần mềm, máy in... đảm bảo phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tại trụ sở D25, số lượng máy tính được trang bị là 180 máy. Cán bộ quản lý, chuyên viên các phòng ban, khoa đều được trang bị máy vi tính, máy in cố định. Máy vi tính dành cho giảng dạy, học tập được lắp đặt tại phòng thực hành máy tính, thư viện, văn phòng Khoa, tại các giảng đường [H1.09.01.05]. Học viện được trang bị hệ thống internet cáp quang với 03 đường truyền tốc độ 45mb/s và tất cả các khu vực trong Học viện

đều được trang bị wifi dành cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Học viện. Tất cả máy tính của Học viện đều được kết nối internet. Tất cả các địa điểm của Học viện đều có thể bắt được wifi phục vụ cho việc giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác. Tuy nhiên đôi lúc cơ sở hạ tầng thông tin của Học viện còn hạn chế khi số lượng người truy cập nhiều cùng một thời điểm [H1.09.04.01]. Hệ thống máy tính được cài đặt các phần mềm có bản quyền để phục vụ theo các chức năng hoạt động phục vụ cho công tác đào tạo và học tập trong đó có phần mềm quản lý đào tạo và hướng dẫn sử dụng [H1.09.03.01], [H1.09.04.02], [H1.09.04.3]. Theo kế hoạch, từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, Học viện sẽ trang bị một số lượng lớn máy tính phục vụ cho hoạt động giảng dạy [H1.09.01.08]. Hiện nay, Học viện có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ www.apd.edu.vn; trong đó có thông tin khoa QTKD tại địa chỉ <http://apd.edu.vn/khoa-quan-tri-kinh-doanh>, fanpage cấp Học viện tại địa chỉ <https://www.facebook.com/tvtsapd/>, kênh truyền thông trên Youtube (APD TV Channel). Khoa QTKD có fanpage riêng tại địa chỉ <https://www.facebook.com/quantrikinhdoanhhocvienCSPT> [H1.09.04.04]. Cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện đều được cung cấp email có tên miền apd.edu.vn không giới hạn dung lượng và rất tiện lợi cho việc đăng ký sử dụng nhiều tiện ích về tài liệu và nghiên cứu quốc tế [H1.09.04.05].

Hàng năm, Học viện có bố trí ngân sách và có kế hoạch cho việc duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị công nghệ thông tin để phục vụ công tác đào tạo của Học viện [H1.09.01.08].

Theo kết quả khảo sát trung bình trung trong năm năm học vừa qua, 86,8% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý hệ thống mạng máy tính trong trường đáp ứng được nhu cầu trong tra cứu, học tập và 94,2% giảng viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý trang thiết bị tin học, mạng máy tính đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng [H1.05.05.02].

2. Điểm mạnh

Hệ thống wifi ổn định, có đầy đủ các website và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý đào tạo tại lớp và giảng dạy trực tuyến, được cung cấp miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống mạng máy tính chưa đủ ổn định nên đôi khi còn dẫn tới việc nghẽn mạng khi số lượng truy cập quá lớn.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong học kỳ I năm học 2020 – 2021, Học viện giao Trung tâm Công nghệ thông tin thư viện và Truyền thông đăng ký và phổ biến việc sử dụng các phần mềm tiện ích khác để hỗ trợ việc đào tạo trực tuyến; giao Phòng Chính trị Công tác Sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin và chế độ một cửa trong quản lý sinh viên.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Học viện giao cho Trung tâm CNTT thư viện và truyền thông lên phương án nâng cấp website, khắc phục những trục trặc của hoạt động đăng ký tín chỉ; đồng thời nghiên cứu các ứng dụng giảng dạy trực tuyến phục vụ công tác đào tạo và NCKH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Học viện làm việc trong tòa nhà Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tại ngõ 7 phố Tôn Thất Thuyết nên việc thiết kế xây dựng tòa nhà không hướng đến nhu cầu của sinh viên khuyết tật. Học viện có quy định và hướng về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn. Các tiêu chuẩn này hoặc tuân theo quy định chung của Nhà nước, hoặc tuân theo những quy định riêng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tuy nhiên, Học viện luôn có bản hướng dẫn riêng về các tiêu chuẩn cụ thể này [H1.09.05.01].

Các quy định về an toàn bao gồm: Thứ nhất là các quy định liên quan đến phòng cháy, chữa cháy nằm trong Quy chế công tác phòng cháy và chữa cháy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Thứ hai, Học viện có văn bản quy định về an toàn trong Quy chế làm việc của Học viện chính sách và phát triển [H1.09.05.01].

Các quy định này đã được Học viện áp dụng trong quá trình vận hành, sử dụng trụ sở D25 như: Thành lập Hội đồng an ninh trật tự Học viện Chính sách và Phát triển; Thành lập Trung đội Tự vệ và tổ chức luyện tập Quân sự hàng năm. Ngoài ra Học viện có đội ngũ nhân viên vệ sinh chuyên trách làm công tác dọn vệ sinh chung tại khuôn viên Học viện [H1.09.05.02].

Học viện có phòng Y tế riêng, đáp ứng được nhu cầu trợ giúp kịp thời của SV khi gặp vấn đề về sức khỏe. Định kỳ hàng năm, Học viện có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho Sinh viên, Cán bộ, Giảng viên. Sinh viên được tham gia 100% bảo hiểm y tế [H1.09.05.02].

Theo kết quả khảo sát trung bình trung trong năm học vừa qua, 85,7% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý Cảnh quan sạch sẽ, vệ sinh, an toàn, thoải mái và 100% giảng viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý Học viện có môi trường cảnh quan làm việc thân thiện thoải mái tạo thuận lợi cho hoạt động giảng dạy và NCKH [H1.05.05.02].

2. Điểm mạnh

Ở cả hai cơ sở, Học viện đều tuân theo quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoặc có quy định chi tiết về các tiêu chuẩn an toàn, môi trường và sức khỏe, có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Học viện luôn chú trọng triển khai, hướng dẫn và diễn tập thực hiện các quy định để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho người học và người làm việc tại Học viện. Các tiêu chuẩn dần đi vào nề nếp và trở thành văn hóa của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa tổ chức được những buổi diễn tập quy mô lớn cho toàn bộ sinh viên Học viện về các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn khác.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong kỳ 1 năm học 2020-2021, Học viện giao Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo phối hợp Phòng Chính trị và Công tác sinh viên tiếp tục triển khai các buổi phổ biến các tiêu chuẩn về an toàn, môi trường và sức khỏe tới cán bộ, giảng viên, và sinh viên, tạo thành nếp văn hóa phổ biến trong toàn Học viện.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong kỳ 2 năm học 2020-2021, Học viện giao Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo xây dựng chương trình để phổ biến hoặc diễn tập cho sinh viên về các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm, và các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn khác.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 9

(i) Điểm mạnh của tiêu chuẩn

Có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng, phòng thực hành với trang thiết bị hiện đại. Thư viện hiện đại, đầy đủ nguồn học liệu. Hạ tầng mạng và thiết bị của hệ thống công nghệ thông tin được sử dụng phổ biến trong cả giảng dạy, quản lý đào tạo, công việc hành chính. Các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật và được triển khai thực hiện đầy đủ, phổ biến, nhận được sự hài lòng từ người học, cán bộ và giảng viên Học viện.

(ii) Những tồn tại của tiêu chuẩn

Hiện nay các phòng làm việc và văn phòng khoa tại cơ sở Nam An Khánh chưa được về văn phòng riêng và vẫn đang ngồi chung phòng trong các giảng đường. Một số phòng thực hành chưa có máy tính dự phòng cho các lớp học đông sinh viên. Số lượng máy tính phục vụ tra cứu tài liệu ở thư viện còn khiêm tốn. Website phục vụ đăng ký tín chỉ đôi khi bị quá tải vào giờ cao điểm đăng ký tín chỉ. Chưa có diễn tập quy mô lớn đối với các tình huống liên quan đến môi trường, an toàn và sức khỏe cho toàn bộ sinh viên Học viện.

(iii) Kế hoạch hành động khắc phục tồn tại

Từ năm học 2020-2021, Học viện giao Ban Quản lý Đầu tư tiếp tục hoàn thiện các phòng làm việc, văn phòng khoa, và phòng chức năng để đưa vào hoạt động, chấm dứt tình trạng các bộ phận này phải ngồi chung tại các phòng giảng đường. Phối hợp với các đơn vị bố trí kinh phí bổ sung thêm máy tính để tra cứu tài liệu trong thư viện. Ban Quản lý Dự án bố trí thêm một phòng tự học, tự đọc sách cho sinh viên, giảng viên, người nghiên cứu để nâng cao khả năng tự học của người học. Đồng thời Học viện giao cho Trung tâm CNTT thư viện và truyền thông lên phương án nâng cấp website, khắc phục những trục trặc của hoạt động đăng ký tín chỉ; đồng thời nghiên cứu các ứng dụng giảng dạy trực tuyến phục vụ công tác đào tạo và NCKH; Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo xây dựng chương trình để phổ biến hoặc diễn tập cho sinh viên về các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm, và các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn khác.

Tiêu chuẩn 9 có 05/05 tiêu chí đạt yêu cầu; trong đó, có 05/05 tiêu chí đạt mức 5/7.

TIÊU CHUẨN 10

Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Học viện và Khoa QTKD đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đối với ngành QTKD. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng) giúp Khoa có cơ sở thiết kế và phát triển CTDH hiệu quả. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, các kết quả từ việc dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan thúc đẩy việc cải tiến chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Học viện và Khoa QTKD có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực đối với cử nhân tốt nghiệp ngành QTKD và thu thập ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và các chuyên gia, nhà quản lý trong quá trình phát triển chương trình dạy học giai đoạn 2015-2019. Thông tin thu thập đa dạng và mang tính hệ thống được nêu trong Quy định về đảm bảo chất lượng của Học viện ban hành theo quyết định số 969 ngày 27/12/ 2017. Theo đó, Học viện có các kênh thu thập thông tin phản hồi của các bên qua các hòm thư đặt tại Học viện, Website, phòng tiếp công dân và các kênh riêng từ các khoa và phòng, ban chức năng, từ các buổi tọa đàm cấp khoa, cấp Học viện; Đồng thời thu thập dữ liệu sơ cấp phản hồi theo hình thức bảng hỏi

trực tuyến trên nền tảng Google Form, trong nhiều trường hợp có thể khảo sát bằng bản giấy[H1.10.01.01].

Để thu thập dữ liệu khảo sát một cách hiệu quả, hệ thống, Học viện đã ban hành các quy định về công tác khảo sát thu thập dữ liệu sơ cấp lấy ý kiến của các bên liên quan đảm bảo chất lượng đào tạo từ năm 2014, sửa đổi vào năm 2017[H1.10.01.02]. Ở quy định năm 2018, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đầu mối thu thập dữ liệu phối hợp với các bộ phận có liên quan theo chức năng thực hiện [H1.10.01.03].

Trong giai đoạn 2015-2019, khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT vào năm 2015, 2018. Mỗi lần thay đổi, nhóm rà soát chương trình dựa trên thông tin phản hồi thu thập được: từ tọa đàm đóng góp ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên và một số khách mời, doanh nghiệp [H1.10.01.04]; đồng thời từ kết quả phân tích dữ liệu thu thập qua việc khảo sát nhu cầu nhân lực ngành QTKD [H1.10.01.05]. Khoa QTKD đã có tiếp thu chỉnh sửa chương trình qua các ý kiến góp ý từ các bên [H1.10.01.06] và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện thông qua [H1.10.01.07].

Chương trình QTDN năm 2018 so với năm 2015 đã được điều chỉnh là: Bổ sung học phần Thương mại điện tử, Quản trị công nghệ; Bên cạnh đó, học phần Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được thiết kế thay đổi so với học phần Khởi nghiệp kinh doanh và tái lập doanh nghiệp; Thời lượng đối với học phần Toán cao cấp, Giáo dục thể chất được điều chỉnh phù hợp để đảm bảo người học đạt được CDR theo đúng chuyên ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của các thị trường lao động [H1.10.01.02]

2. Điểm mạnh

Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống, phân công rõ ràng giữa các đơn vị thực hiện giúp việc thu thập và phân tích dữ liệu từ các bên liên quan trong việc điều chỉnh CTĐT khá hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa trang bị phần mềm riêng trong thực hiện khảo sát các bên liên quan để thu thập dữ liệu sơ cấp, các hình thức, công cụ triển khai hiện tại còn nặng về thu thập trực tiếp hoặc các ứng dụng miễn phí (Google) nên còn mất khá nhiều thời gian và công sức của các đơn vị thực hiện khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thực hiện khảo sát các bên liên quan về CTDH theo kế hoạch hằng năm của Khoa, dựa trên bảng khảo sát các bên liên quan đã được kiểm định; Khoa QTKD tiếp tục sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng phát triển của nền kinh tế.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Học viện chỉ đạo Trung tâm KT&ĐBCL đặt mua phần mềm khảo sát phù hợp trong việc thu thập ý kiến sinh viên, và cựu sinh viên vì với số lượng thu thập và xử lý cơ sở dữ liệu ngày càng tăng, thì việc ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa công việc là tất yếu, giảm thiểu thời gian, công sức, sai sót trong khâu thu thập và phân tích dữ liệu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Học viện đã ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH, trong đó hướng dẫn tổ soạn thảo xây dựng CTĐT với 8 bước và điều chỉnh chương trình với 4 bước được quy định tại Quyết định số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017, và trước đó là quyết định 833/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2014. [H1.01.01.01]. Quy trình được xác định gồm các bước: (1) Khảo sát, xác định nhu cầu và yêu cầu nhân lực theo trình độ và ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành đào tạo; (2) Xây dựng mục tiêu chung;

mục tiêu cụ thể và CDR của CTĐT; (3) Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và CDR; (4) Đối chiếu, so sánh với các CTĐT cùng trình độ, cùng ngành của các cơ sở đào tạo khác để hoàn thiện CTĐT; (5) Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định; (6) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp về CTĐT; (7) Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo các cấp xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng; (8) Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các yêu cầu sử dụng lao động và các tiến bộ của lĩnh vực chuyên ngành.

Sau khi nhận thấy văn bản hướng dẫn được ban hành năm 2014 chưa thực sự rõ ràng khi các nhóm phát triển, điều chỉnh chương trình gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, Học viện đã giao Phòng quản lý đào tạo thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Các ý kiến thu thập được qua lần rà soát là: “Chưa có hướng dẫn đồng thời về việc xây dựng các CDR tương ứng với mục tiêu đào tạo”; hay là: “các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành còn chưa được hướng dẫn để phân định rõ”... [**H1.10.02.01**]. Ngày 25/11/2017, Học viện tổ chức cuộc họp với lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng QLĐT, các chuyên gia, nhà quản lý giáo dục có kinh nghiệm nhằm thảo luận thay đổi quy trình thiết kế CTDH [**H1.10.02.02**].

Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đề xuất điều chỉnh từ bản tổng hợp, Học viện đã ban hành quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, trong đó làm rõ các khái niệm CTĐT, CTDH, bản mô tả CTĐT. Đồng thời hướng dẫn các nhóm xây dựng, rà soát CTĐT tuân thủ các yêu cầu tối thiểu và tối đa đối với các khối kiến thức trong chương trình; số lượng tín chỉ mỗi học phần; số lượng các học phần tự chọn trong chương trình. Quy trình mới đã cải tiến theo góp ý của các bên liên quan và khi đưa vào triển khai tại Học viện đã khá thuận

lợi cho các CTĐT được rà soát năm 2018. CTĐTQTKD năm 2018 được rà soát, điều chỉnh cũng dựa theo quy định này [H1.01.01.03].

2. Điểm mạnh

Quy trình năm 2017 của Học viện được xây dựng khá rõ ràng, hướng dẫn chi tiết, thuận lợi cho các nhóm rà soát CTĐT. Quy trình được xây dựng có sự góp ý của các chuyên gia có kinh nghiệm từ các trường đại học uy tín và chuyên gia quản lý giáo dục đại học.

3. Điểm tồn tại

Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH chưa được cải tiến theo hướng ứng dụng công nghệ (phần mềm và mạng internet).

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Học viện và Khoa tiếp tục duy trì các mối quan hệ tốt với chuyên gia, nhà quản lý có kinh nghiệm và thường xuyên lắng nghe, xin ý kiến của họ, ngày càng hoàn thiện quy trình xây dựng CTĐT.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng QLĐT phối hợp với Khoa QTKD rà soát, xin ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý để điều chỉnh quy trình thiết kế và phát triển CTDH theo hướng ứng dụng công nghệ hiệu quả giúp thuận tiện tiếp cận với các chuyên gia, nhà quản lý từ các địa phương khác nhau.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Học viện có ban hành văn bản quy định hướng dẫn các khoa, các đơn vị phòng, ban thực hiện việc rà soát đánh giá quá trình dạy và học [H1.10.03.01]. Theo đó đánh giá giảng dạy của giảng viên từ (ii) Khoa/bộ môn quản lý giảng viên, (ii) Trung tâm Khảo thí và ĐBCL thực hiện lấy ý kiến của sinh viên theo các tiêu chí được nêu trong Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.10.01.02].

Đánh giá kết quả học tập của người học được nêu tại Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.02.01.04] , Quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.05.01.03]. Các quy định này đã hướng dẫn cụ thể hoạt động đánh giá kết quả học tập của SVbao gồm: kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần, xếp loại và xét công nhận tốt nghiệp... Ngoài ra, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học còn được quy định rõ trong đề cương ngành QTKD đã được Khoa và Học viện công bố công khai [H1.02.01.03]: Hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần.

Việc đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của sinh viên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR được thực hiện thường xuyên. Cụ thể, trong giai đoạn 2015-2019, Khoa QTKD đã thực hiện rà soát và điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết các học phần 2 lần vào năm 2015 và năm 2018 [H1.01.01.02], [H1.01.01.02]

Học viện và Khoa QTKD thực hiện rà soát đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên một cách thường xuyên. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá từ sinh viên vào dịp thi của sinh viên trong kỳ. Kết quả khảo sát được phân tích gửi tới lãnh đạo khoa để phản hồi tới giảng viên [H1.10.03.02]. Giảng viên Khoa QTKD được sinh viên đánh giá cao

về việc giảng dạy đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, điểm đánh giá trung bình các năm của giảng viên trong khoa từ 4-4,5/5 điểm. Hàng kỳ, sau khi dự giờ một số giảng viên giảng dạy, và từ thông báo của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Khoa QTKD và các khoa/bộ môn giảng dạy liên quan đến chương trình QTKD đều họp góp ý về việc giảng dạy của giảng viên theo các tiêu chí như chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy ...[H1.10.03.03].

Hàng năm Khoa QTKD đều tổ chức Tọa đàm giữa giảng viên, sinh viên, khách mời là lãnh đạo doanh nghiệp về phương pháp giảng dạy và học tập theo định hướng nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn đầu ra. Các ý kiến đóng góp của giảng viên và sinh viên rất cởi mở, thẳng thắn sao cho việc dạy và học đạt hiệu quả tốt nhất [H1.10.03.04].

2. Điểm mạnh

Đánh giá quá trình giảng dạy và học tập, kết quả học tập của sinh viên được Học viện, Khoa QTKD rà soát và đánh giá thường xuyên, có kế hoạch rõ ràng, được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc đảm bảo tính tương thích và phù hợp với CDR đã công bố. Khoa QTKD với mạng lưới khá lớn cộng tác viên, cố vấn là lãnh đạo các doanh nghiệp đã tới dự và đóng góp rất thấu đáo về quá trình dạy - học, đánh giá kết quả của người học tại các buổi tọa đàm, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát giảng viên từ phía sinh viên được thực hiện sát kỳ thi, lúc đó sinh viên tập trung ôn thi và không dành nhiều thời gian cho việc trả lời ý kiến, có thể cho những phản hồi chưa thực sự chính xác.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hoạt động đánh giá KQHT của sinh viên đa dạng và linh hoạt hơn nữa nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2020 -2021, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện việc khảo sát giảng viên trước khi kết thúc kỳ học 1, 2 tuần và giám sát việc thực hiện đảm bảo trả lời nghiêm túc, khách quan.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy học

1. Mô tả

Từ tháng 1/2015 đến tháng 12/2019, giảng viên Khoa đã thực hiện 25 đề án, đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện gắn chặt chẽ với việc dạy và học [**H1.10.04.01**]. Đối với đề tài cấp cơ sở, ngay từ khi đề xuất các đề tài NCKH, Học viện đã có hội đồng thẩm định, phê duyệt đề cương nhằm đảm bảo các đề tài sát với việc đào tạo cho sinh viên – các đề tài liên quan đến kinh doanh, doanh nghiệp. Đồng thời khi tham gia viết bài tại các cuộc hội thảo trong và ngoài Học viện, hoặc tham gia đề tài cấp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các giảng viên đều thực hiện theo hướng ứng dụng chặt chẽ trong dạy các môn học. Một số đề tài tiêu biểu như: “Ứng dụng phương thức sản xuất tinh gọn LEAN đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (đề tài cấp Học viện năm 2016)”, Đề tài: Giải pháp phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố HN, giai đoạn đến 2020, tầm nhìn 2030 (đề tài cấp Thành phố 2015), “Giải pháp thúc đẩy hỗ trợ doanh nghiệp Đổi mới sáng tạo” (Đề tài cấp Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2018... Các nghiên cứu đó đã góp phần nâng cao trình độ giảng viên và chất lượng bài giảng.

Trong số các đề tài mà giảng viên thực hiện đã có 4 đề tài được chuyển tải vào giảng dạy cho sinh viên. Các đề tài đó là: “Nâng cao hiệu quả thu hút và quản lý nhà nước các dự án FDI tại Hà Nội”, “Giải pháp phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố HN, giai đoạn đến 2020, tầm nhìn 2030, “Giải pháp thúc đẩy hỗ trợ doanh nghiệp Đổi mới sáng tạo. Các học phần

được bổ sung nội dung liên quan được đề cập trong đề cương, các tình huống thảo luận một số học phần như Quản trị học, Quản trị chiến lược, Nghiên cứu thị trường, Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoặc mời chuyên gia thực tế chia sẻ về các chủ đề liên quan cho sinh viên [**H1.02.01.03**].

Trong số các công bố nghiên cứu của giảng viên đã có 2 nghiên cứu sử dụng để cải tiến việc giảng dạy và học tập. Chẳng hạn đề tài “Ứng dụng phương thức sản xuất tinh gọn LEAN đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa” được sử dụng để cải tiến ngay việc thực hành tư duy LEAN đối với sinh viên. Khoa đã tổ chức đi tham quan một doanh nghiệp áp dụng LEAN và từ đó giúp sinh viên hiểu hơn về việc có thể ứng dụng phương thức này cho sinh viên khi học làm việc tại doanh nghiệp trong tương lai. Đồng thời, sau khi sinh viên hiểu rõ về tư duy LEAN đã có nhóm sinh viên dự thi NCKH sinh viên về chủ đề này và đạt giải nhất cấp Học viện năm 2015 [**H1.10.04.03**]. Hoặc từ cuốn sách “Mô hình định lượng nghiên cứu hành vi người tiêu dùng đối với thị trường thực phẩm sạch Việt Nam” do giảng viên khoa thực hiện đã được ứng dụng cho môn học Nghiên cứu thị trường, và theo ý kiến của giảng viên Khoa, đó là trường hợp ứng dụng khá hiệu quả trong giảng dạy và học tập đối với học phần Nghiên cứu thị trường [**H1.10.04.05**].

2. Điểm mạnh

Các đề tài NCKH của giảng viên gắn kết với nội dung các học phần giảng dạy cho sinh viên, vì thế phát huy tốt tốt hiệu quả về mối quan hệ giữa giảng dạy và nghiên cứu và giữa giảng dạy và học tập.

3. Điểm tồn tại

Khoa QTKD sử dụng các NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của sinh viên với số lượng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh***: Từ năm 2020 Khoa sẽ chủ động hơn nữa trong việc định hướng nghiên cứu cho cả giảng viên và sinh viên đối với các hướng

nghiên cứu mới phù hợp với xu thế phát triển của ngành QTKD và mang tính ứng dụng cao và sẽ gắn kết chặt chẽ giữa giảng dạy và học tập.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm 2020-2021 Khoa QTKD lựa chọn một số đề tài ứng dụng cao, gắn chặt với các học phần ngành QTKD để chuyển tải thành các nội dung giảng dạy cho sinh viên, dưới dạng sách hoặc bài giảng điện tử.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống, công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Học viện được thực hiện theo Quy định về công tác khảo sát ý kiến của các bên liên quan đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.10.01.02], trong đó có quy định về sinh viên đánh giá và giảng viên, nhân viên đánh giá.

Sinh viên đánh giá nhiều mặt hoạt động của Học viện, trong đó có nội dung về đánh giá mức độ đáp ứng về chất lượng của các dịch vụ tiện ích, được khảo sát trong mẫu phiếu “Đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện học tập và chất lượng chương trình đào tạo tại Học viện chính sách và phát triển”. [H1.10.05.01]. Giảng viên, nhân viên được đánh giá qua phiếu: “Đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.10.05.02].

Hàng năm vào tháng 6, Học viện đều thực hiện đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ trên qua việc khảo sát. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất

lượng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan phát phiếu khảo sát, thu thập và xử lý dữ liệu.

Kết quả điều tra trung bình trong 5 năm gần đây từ việc đánh giá của giảng viên, nhân viên về dịch vụ này được tóm tắt như sau:

Yếu tố	Đánh giá năm 2017	Đánh giá năm 2019
Chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện	3.8/5 điểm	3.8/5 điểm
Chất lượng dịch vụ hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin	4.0/5 điểm	4.2/5 điểm
Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ khác	3.5/5 điểm	4/5 điểm

Nguồn: Trích từ [H1.10.05.01].

Ngoài ra, có khá nhiều ý kiến được trả lời trong nhận xét năm 2017 là hệ thống máy chiếu của Học viện có nhiều trục trặc khi giảng viên bắt đầu thao tác vào lớp.

Kết quả đánh giá của sinh viên về các dịch vụ trên cụ thể mức điểm đối với giai đoạn (2015- 2019 là:

Yếu tố	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện	3.8	3.9	3.9	4.0	3.9
Chất lượng dịch vụ hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin	3.8	3.8	4.1	4.2	4.3
Hỗ trợ của cố vấn học tập	4.1	4.2	4.5	4.6	4.6
Hoạt động của các câu lạc bộ	3.5	3.8	4.2	4.3	4.5
Hoạt động ngoại khóa	3.8	3.8	4.2	4.3	4.5

Nguồn: Trích từ [H1.10.05.02].

Ngoài ra, trong những năm 2015, 2016, sinh viên đều có thêm các ý kiến nhận xét riêng là hệ thống công nghệ thông tin không đáp ứng tốt cho việc đăng ký tín chỉ của sinh viên.

Các ý kiến góp ý của sinh viên, giảng viên, nhân viên về chất lượng phục vụ đều được Học viện xem xét kỹ càng để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Hằng năm, trong cuộc họp tổng kết năm học của toàn Học viện, Ban Giám đốc Học viện chỉ đạo các phòng ban liên quan khắc phục các yếu tố phục vụ được đánh giá chưa tốt về chất lượng phục vụ. Hệ thống đăng ký học tín chỉ của sinh viên đã được hỗ trợ kịp thời thông qua các nhóm cố vấn học tập trực tuyến, phần mềm cũng được nâng cấp và cải tiến thường xuyên qua đó đã dần tăng mức độ đáp ứng cho sinh viên.

Kết quả đánh giá của sinh viên cũng cho thấy các năm sau mức độ đáp ứng của các dịch vụ tốt hơn qua việc điểm số đánh giá được cải thiện qua các năm, đặc biệt ở năm 2018, 2019 điểm số ở mức khá cao đối với chất lượng dịch vụ hệ thống công nghệ thông tin.

Đối với giảng viên, hệ thống máy chiếu, âm thanh được hỗ trợ kịp thời tại các phòng học bởi bộ phận kỹ thuật trực toàn bộ thời gian khi giảng viên giảng bài. So sánh năm 2017 và năm 2019, điểm đánh giá đã cải thiện đáng kể.

Về việc hỗ trợ cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa, Khoa QTKD cũng tăng cường cải tiến các dịch vụ hỗ trợ cho sinh viên, hỗ trợ tham gia các cuộc thi khởi nghiệp, thi NCKH, dự hội thảo, hợp tác, thực tế với doanh nghiệp [H1.10.05.03]

2. Điểm mạnh

Học viện và Khoa QTKD rất sát sao và cải tiến việc nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng cho sinh viên và giảng viên và nhân viên từ những góp ý, đánh giá của họ. Đặc biệt việc cải tiến trong việc hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ và ngoại khóa.

3. Điểm tồn tại

Đối với giảng viên, nhân viên hay sinh viên, đánh giá về chất lượng dịch vụ của thư viện trong những năm qua còn hạn chế. Luôn luôn đạt mức điểm đánh giá thấp nhất trong tất cả các dịch vụ hỗ trợ của Học viện.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và các tiện ích, đặc biệt đối với sinh viên là các hoạt động câu lạc bộ và ngoại khóa.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm 2020 khi Học viện chuyển sang cơ sở mới tại khu đô thị Nam An Khánh với không gian rộng rãi sẽ bố trí không gian thư viện dành cho giảng viên và sinh viên đảm bảo tiêu chuẩn ở mức cao so với các khu vực riêng biệt đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập của sinh viên, và sử dụng cho giảng viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống từ cấp Học viện đến các Khoa, được thể hiện cụ thể trong Quy định về đảm bảo chất lượng của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.10.01.01] và Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng đào tạo tại Học viện [H1.10.01.02]. Trong quy định 970 ban hành năm 2017 nêu rõ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/bộ phận thu thập thông tin, quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan đảm bảo không chồng chéo, mang tính hệ thống. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối phụ trách hoạt động, phối hợp với các Khoa, Phòng, Trung tâm trong Học viện trong thực hiện đối với từng nội dung nhận

phản hồi. Việc thu thập, xử lý, phân tích thông tin khảo sát dữ liệu sơ cấp được quy định công cụ thực hiện, thời gian thực hiện, các phương pháp triển khai.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định năm 2014 ở lần ban hành theo quyết định số 688, Khi Học viện chưa có bộ phận đảm bảo chất lượng thì việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên là rất tản mạn và kế hoạch thu thập dữ liệu không rõ ràng [H1.10.05.01]. Sau khi Học viện tiến hành mời đánh giá ngoài cơ sở đào tạo thì các chuyên gia khuyến nghị cần có bộ phận đảm bảo chất lượng, trong đó có vấn đề chất lượng thông tin và cơ chế phản hồi cần được chú trọng hơn nữa. Học viện cũng đã có các cuộc họp giữa các đơn vị liên quan để đánh giá thêm vấn đề đó từ đề xuất của chuyên gia [H1.10.06.01].

Ngày 29/12/2018, Học viện đã ban hành quyết định 969/QĐ-HVCSPT thay thế cho quyết định 688 được ban hành năm 2014 từ việc tiếp thu ý kiến của các chuyên gia. Trong đó cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được cải tiến. Bằng việc quy định rõ Trung tâm Khảo thí là đầu mối thu thập dữ liệu phản hồi của các bên liên quan, bao gồm từ sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, nhân viên. Các ý kiến được thu thập từ mỗi đối tượng trên cũng đều rõ ràng và tiêu chí, có hướng dẫn rõ ràng để các bên phối hợp thực hiện [H1.10.05.01]. Tuy vậy, Học viện chưa có quy định riêng về Hệ thống thông tin phản hồi, không những chỉ là thu thập từ dữ liệu khảo sát, mà cần quy định rõ hơn về việc tiếp nhận thông tin từ các nguồn khác nhau.

Đồng thời, năm 2019, Học viện đã tiếp thu ý kiến của giảng viên và sinh viên ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện [H1.10.06.01] để nâng cao hiệu quả cho việc tiếp thu ý kiến của sinh viên và giải quyết thủ tục hành chính.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã được cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa có quy định riêng về Hệ thống thông tin quản lý, trong đó nêu rõ cơ chế phản hồi của các bên để Học viện có thể thu thập được nhiều thông tin hơn từ các nguồn khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Học viện tiếp tục thiết lập cơ chế phản hồi hiệu quả, có tính hệ thống.

- ***Khắc phục tồn tại:*** Từ năm 2020, Học viện giao Trung tâm Khảo thí đảm bảo chất lượng soạn thảo quy định về hệ thống thông tin quản lý trong đó có yêu cầu đầy đủ hơn về cơ chế phản hồi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về tiêu chuẩn 10

(i) Điểm mạnh của tiêu chuẩn

Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống, phân công rõ ràng giữa các đơn vị thực hiện giúp việc thu thập, đảm bảo những ý kiến/góp ý được phản ánh trong những điều chỉnh của CTDH. Quy trình xây dựng CTDH năm 2017 của Học viện được xây dựng khá rõ ràng, hướng dẫn chi tiết, thuận lợi cho các nhóm rà soát CTĐT. Quy trình rõ ràng, minh bạch trong việc đánh giá quá trình dạy và học. Hoạt động đánh giá được triển khai định kỳ. Hoạt động NCKH được triển khai bài bản, có hiệu quả. Nhiều kết quả nghiên cứu được chuyển hóa thành nội dung giảng dạy trong CTDH. Chất lượng dịch vụ hỗ trợ cho người học được đánh giá tốt, liên tục được cải tiến. Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện.

(ii) Những tồn tại của tiêu chuẩn

Học viện chưa trang bị phần mềm riêng trong thực hiện khảo sát các bên liên quan, các hình thức triển khai thu thập hiện tại còn nặng về thu thập trực tiếp hoặc các ứng dụng miễn phí (Google). Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH chưa được cải tiến theo hướng ứng dụng công nghệ. Cơ sở dữ liệu về các bên liên quan chưa nhiều và cập nhật thường xuyên để có thể tiến hành khảo sát nhanh hơn và hiệu quả hơn.

(iii) Kế hoạch hành động khắc phục tồn tại

Trong năm học 2020-2021, Học viện chỉ đạo Trung tâm KT& ĐBCL đặt mua phần mềm khảo sát phù hợp. Học viện giao Phòng QLĐT phối hợp với Khoa QTKD rà soát, xin ý kiến điều chỉnh quy trình thiết kế và phát triển CTDH theo hướng ứng dụng công nghệ. Thực hiện việc giám sát việc thực hiện đảm bảo trả lời nghiêm túc, khách quan. Khoa QTKD lựa chọn một số đề để chuyển tải thành các nội dung giảng dạy cho sinh viên, dưới dạng sách hoặc bài giảng điện tử cho sinh viên ngành QTKD.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó có 05 tiêu chí đạt 5/7, có 01 tiêu chí đạt 4/7.

TIÊU CHUẨN 11

Kết quả đầu ra

Mở đầu

Một trong những yếu tố quan trọng đánh giá sự bền vững của một chương trình đào tạo là chất lượng đầu ra. Chất lượng đầu ra thường được thể hiện thông qua tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp, loại hình và số lượng nghiên cứu của người học, và mức độ hài lòng của các bên liên quan (bao gồm đánh giá của người học, cựu học viên, nhà tuyển dụng và giảng viên). Những tiêu chí đó được sử dụng để xem xét, giám sát đối chiếu nhằm quản lý chất lượng đầu ra của quá trình đào tạo. Ngành QTKD của Học viện Chính sách và Phát triển được bắt đầu đào tạo từ năm 2012, nguồn sinh viên đầu vào của ngành QTKD đã được chọn lọc từ các sinh viên có điểm đầu vào tương đối cao của Học viện trong kỳ thi THPT quốc gia. Cùng với đó, các sinh viên ngành QTKD được đào tạo bài bản và có sự đánh giá, giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tập. Do đó, sinh viên ngành QTKD ra trường đã được các doanh nghiệp và xã hội thừa nhận, qua đó khẳng định chất lượng đầu ra của chương trình đào tạo luôn được đảm bảo.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Số lượng sinh viên và thông tin của sinh viên thôi học, tốt nghiệp được cập nhật, theo dõi, giám sát thông qua phần mềm QLĐT CMC Soft IU. Phần mềm này có 2 hệ thống: (1) Hệ thống tác nghiệp dành cho các phòng/ban chức năng; và (2) Hệ thống quản lý đăng ký tín chỉ và quản lý quá trình học của sinh viên. Nhờ có phần mềm này, số liệu thống kê về danh sách, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp của năm học có thể được tìm kiếm dễ dàng. Trên cơ sở dữ liệu

về sinh viên của ngành QTKD, Phòng QLĐT được giao nhiệm vụ đầu mối quản lý học tập của sinh viên, theo dõi và cập nhật tình hình sinh viên. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập, danh sách thi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Các phòng chức năng phối hợp với Khoa, cùng đội ngũ CVHT, theo từng lớp, từng ngành học để hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình học tập. Hằng năm, trong báo cáo tổng kết năm học của khoa và Học viện đều có thống kê số lượng sinh viên thi học, tốt nghiệp và tỷ lệ thi học, tốt nghiệp đúng hạn.

Kết quả thống kê giai đoạn 2015 - 2019 cho thấy sinh viên ngành QTKD tốt nghiệp đúng hạn 4 năm trung bình là 62.7%. [H1.11.01.01]

Bảng 11.1a: Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành QTKD với ngành Kinh tế giai đoạn 2014 – 2019

Đơn vị: %

Ngành học	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Ngành Kinh tế	92,9	90,5	89,6	47,2	30,5
Ngành QTKD	-	100	87,8	52,5	31,4

Nguồn: Thống kê sinh viên tốt nghiệp hàng năm của Học viện

Kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành QTKD với ngành Kinh tế (Bảng 11.1.1) cho thấy: Nhìn chung, tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành QTKD hằng năm cao hơn tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành Kinh tế và sự chênh lệch này đang có xu hướng giảm (Bảng 11.1.1)

Tỷ lệ thi học của sinh viên chuyên ngành QTKD trung bình là 6.78% trong giai đoạn kiểm định [H1.11.01.02]. Số sinh viên ngành QTKD thi học đa phần là tự nguyện và bị buộc thi học theo quy định của Học viện, nguyên nhân là do kết quả học tập kém [H1.05.01.01] Trong các báo cáo tổng kết năm học

của khoa và Học viện đều có phân tích, đánh giá và giám sát tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Các nguyên nhân thôi học thường thấy là: sinh viên đi du học nên xin thôi học tại Học viện, sinh viên cảm thấy không phù hợp với việc học tập tại Học viện nên muốn chuyển sang ngành học khác phù hợp hơn, vì lý do gia đình nên sinh viên không thể tiếp tục theo học tại Học viện... Nguyên nhân chính khiến tỷ lệ tốt nghiệp của Học viện nói chung và Khoa QTKD nói riêng giảm mạnh là do từ năm 2017 khi Học viện thực hiện áp dụng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (TOEIC 450 điểm) và tin học (chứng chỉ IC3 hoặc MOS) **[H1.01.02.03] [H1.01.02.04] [H1.01.02.02]**. Trong đó, nguyên nhân chính khiến tỷ lệ tốt nghiệp của Học viện nói chung và Khoa QTKD nói riêng giảm đáng kể là do sinh viên chưa đáp ứng được chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ. Ngoài ra, sau khi nắm được danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo về kết quả học tập **[H1.08.03.03]** các cố vấn học tập đôn đốc, nhắc nhở, động viên sinh viên tự học tiếng Anh để đáp ứng chuẩn đầu ra, đồng thời chấn chỉnh lại tác phong và thái độ học tập. Trong năm 2019, từ ngày 20/06/2019 đến 01/07/2019 Học viện đã mở 03 lớp ôn tập và giới thiệu định dạng bài thi Redesigned TOEIC Bridge để sinh viên có thể tham gia học và thi lấy chứng chỉ Tiếng Anh. **[H1.11.01.04]**. Ngoài ra, từ tháng 5 năm 2018, Bộ môn Ngoại ngữ phối hợp với IIG tổ chức hỗ trợ cho sinh viên đăng ký thi TOEIC tại Học viện và tổ chức thi TOEIC ngay tại Học viện. Từ tháng 5/2018 - 06/2019 có 675 sinh viên đăng ký thi tại Học viện **[H1.11.01.05]**.

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp/thôi học cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp chuyên môn của Khoa, trong Hội nghị tổng kết năm học của Học viện, Hội nghị sơ kết học kỳ và tổng kết năm học của Khoa QTKD **[H1.05.04.01], [H1.05.04.02], [H1.11.01.03]**. Qua đó, thực hiện đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp/thôi học qua các năm và với các ngành đào tạo khác trong Học viện để từ đó đưa ra các biện pháp phù hợp nhằm cải tiến chất lượng đào tạo **[H1.05.04.01]**.

Bảng 11.1b: Đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học của sinh viên ngành QTKD với ngành Kinh tế giai đoạn 2014 – 2019

Đơn vị: %

Ngành học	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Ngành Kinh tế	0,73	0,51	4,61	3,45	1,87
Ngành QTKD	0	0	8,91	2,1	2,54

Nguồn: Thống kê sinh viên thôi học hàng năm của Học viện

Kết quả đối sánh tỷ lệ thôi học của SV ngành QTKD với ngành Kinh tế (Bảng 11.1b) cho thấy: Nhìn chung, tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành QTKD hàng năm tương đương tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành Kinh tế, đạt đỉnh vào giai đoạn 2016-2017 và có xu hướng giảm (Bảng 11.1b)

2. Điểm mạnh

Học viện thực hiện hệ thống theo dõi, cảnh báo và giám sát, thực hiện quản lý, thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp bằng phần mềm QLĐT, nhờ đó có thể đối sánh được giữa các năm với độ chuẩn xác cao; kịp thời đưa ra danh sách cảnh báo đối với sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, theo sát sinh viên để hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập, giảm tỷ lệ sinh viên thôi học.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn nhiều sinh viên chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ nên tỷ lệ tốt nghiệp bị giảm trong hai năm trở lại đây. Khoa QTKD vẫn còn tỉ lệ sinh viên thôi học mặc dù tỉ lệ này không lớn.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Trong năm học 2020 – 2021, phòng Quản lý đào tạo đề xuất nâng cấp phần mềm Quản lý đào tạo để phục vụ tốt hơn việc theo dõi, giám sát sinh viên thôi học và tốt nghiệp.

- ***Khắc phục điểm tồn tại:*** Trong học kỳ 2 năm 2019-2020, Học viện giao bộ môn Ngoại ngữ bổ sung thêm các chuẩn tương đương, đặc biệt với các sinh viên đến hạn ra trường (năm thứ 6) mà chưa đạt chuẩn để nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp. Bên cạnh đó đội ngũ Cố vấn học tập vẫn tiếp tục theo sát để tư vấn hỗ trợ kịp thời để giảm tỉ lệ thôi học của sinh viên.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.1: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho một sinh viên bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Theo quy định của quy chế đào tạo, thời gian tốt nghiệp của cử nhân ngành QTKD là 4 năm, tối đa là 6 năm theo hình thức đào tạo tín chỉ được Học viện triển khai từ năm 2012. Từ năm 2018, Chương trình đào tạo ngành QTKD có sự điều chỉnh, theo đó thời gian đào tạo của cử nhân ngành QTKD là 3,5 – 4 năm (tức là sinh viên có thể tốt nghiệp sớm nửa năm so với trước đây) [H1.02.01.04]. Học viện có thống kê đầy đủ về kết quả tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành QTKD [H1.11.01.01]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành QTKD trong cả giai đoạn 2015-2019 là 4,05 năm. Cụ thể, Khóa 4 có 3 SV tốt nghiệp chậm; Khóa 5 có 2 SV tốt nghiệp chậm. Về cơ bản thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD giữa các khóa đã tốt nghiệp xấp xỉ với thời gian tốt nghiệp trung bình đã được xác lập.

Khi đối sánh với ngành Kinh tế và Kinh tế quốc tế, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QTKD là 4,05 không khác so với 2 ngành còn lại (ngành Kinh tế: 4,03 năm, ngành KTQT: 4,03 năm).

Thời gian tốt nghiệp của sinh viên cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp của Khoa QTKD **[H1.05.04.01]**. Trước năm 2018, tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn 4 năm khoảng 86,7%. Tuy nhiên, từ năm 2018 trở lại đây, tỷ lệ người học kéo dài thời gian tốt nghiệp lớn hơn 4 năm là do Học viện quy định thêm CĐR tiếng Anh (TOEIC, IELTS) và tin học (IC3, MOS) **[H1.01.02.03] [H1.01.02.04]**. Khoa thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp của sinh viên qua các năm, giữa các ngành đào tạo của Học viện **[H1.05.04.01]**. Kết quả thống kê cho thấy: so với 02 CTĐT Kế hoạch phát triển và Kinh tế đối ngoại tại Học viện Chính sách và Phát triển, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành QTKD không có sự khác biệt. Từ đó, Khoa đề xuất một số giải pháp thúc đẩy sinh viên học tiếng Anh để có thể đạt chứng chỉ CĐR tiếng Anh như: cố vấn học tập liên tục đôn đốc, nhắc nhở sinh viên thi chứng chỉ; tổ chức mời trung tâm Tiếng Anh Havina về nói chuyện chuyên đề về thi TOEIC; đề xuất với Học viện mở các lớp ôn tập thi TOEIC miễn phí cho sinh viên... **[H1.05.04.01]**.

Tại các Hội nghị tổng kết năm học của Học viện, Lãnh đạo Học viện đã tổ chức đối thoại với sinh viên để tìm nguyên nhân và giải pháp khắc phục tình trạng sinh viên tốt nghiệp muộn và không đáp ứng đủ CĐR Tiếng Anh, Tin học **[H1.05.03.02]**.

Tại các cuộc họp của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp đều có các phân tích nguyên nhân sinh viên chưa rút ngắn được thời gian tốt nghiệp **[H1.11.02.02]**.

Để khắc phục tình trạng chậm tốt nghiệp, Học viện đã tổ chức các hoạt động tư vấn, các lớp ôn tập tiếng anh miễn phí cho sinh viên năm cuối trước khi tốt nghiệp để sinh viên cải thiện kết quả tiếng Anh của mình. **[H1.11.01.04]** Học

viện cũng hỗ trợ sinh viên làm thủ tục đăng ký thi TOEIC ngay tại Học viện.[H1.11.01.05] Ngoài ra, hằng năm, Học viện tổ chức nhiều đợt xét tốt nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên ra trường đúng hạn [H1.11.02.03].

Trong các Báo cáo tổng kết năm học của Khoa QTKD đều có nội dung phân tích đánh giá hiệu quả của các biện pháp giúp người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp, giảm tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp muộn [H1.05.04.01]. Mặc dù Học viện và Khoa đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng hạn nhưng kết quả vẫn chưa khả quan nên thời gian tốt nghiệp của sinh viên vẫn bị kéo dài. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, Phòng QLĐT cũng thực hiện đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp đã triển khai thực hiện, để phát huy những ưu điểm và hạn chế những nhược điểm của các biện pháp đó [H1.11.02.01].

2. Điểm mạnh

Học viện và Khoa kịp thời phân tích, đánh giá và tìm ra nguyên nhân tình trạng người học tốt nghiệp muộn. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tư vấn học tập của đội ngũ cố vấn học tập để giúp người học đạt hiệu quả học tập tốt nhất và có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Từ năm 2018 tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn còn ít do nhiều sinh viên chưa đạt CĐRN ngoại ngữ. Các biện pháp hỗ trợ người học đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ còn chưa phát huy hiệu quả thực sự.

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Trong năm học 2020 – 2021, Khoa và phòng Quản lý đào tạo tiến hành khảo sát người học để tìm hiểu sâu hơn về nguyên nhân người học khó đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Học viện giao Bộ môn ngoại ngữ và Phòng QLĐT xây dựng các biện pháp nhằm đào tạo ngoại ngữ hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.2: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Học viện giao Phòng Chính trị và Công tác sinh viên chủ trì phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Khoa phụ trách thực hiện thống kê, khảo sát và lưu trữ danh sách sinh viên có việc làm, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác [H1.11.03.01]. Đồng thời, Học viện thành lập Ban liên lạc Hội Cựu sinh viên [H1.11.03.02] để giúp các khoa tổng hợp kết quả sinh viên có việc làm hằng năm. Ngoài ra, Khoa QTKD cũng thành lập Ban liên lạc Hội cựu sinh viên [H1.11.03.02].

Hằng năm, Học viện xây dựng kế hoạch khảo sát việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.09]. Trên cơ sở đó, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên cùng với Khoa QTKD tổ chức khảo sát tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp. Các đợt khảo sát đều nhận được phản hồi tích cực từ các cựu sinh viên, do đó số liệu về tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp thu được từ khảo sát đều đáng tin cậy. Các số liệu này được lưu trữ để phục vụ cho việc phân tích, đánh giá và các báo cáo kết quả. Kết quả thống kê cho thấy tỷ lệ sinh viên chuyên ngành QTKD có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt mức cao (trên 90%) [H1.01.01.09]

Kết quả đối sánh tỷ lệ có việc làm của sinh viên ngành QTKD qua các năm và CTĐT Kinh tế và Kinh tế quốc tế cho thấy: tỷ lệ sinh viên chuyên ngành QTKD có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp của Học viện Chính sách và Phát triển đạt mức cao nhất và tuyệt đối trong năm 2016 và đang ở mức giữa so với 2

ngành khác trong năm 2018 và 2019 (cao hơn CTĐT Kinh tế quốc tế và thấp hơn CTĐT Kinh tế) trong Học viện.

Bảng 11.3: Đối sánh tỷ lệ % sinh viên có việc làm sau 6 tháng và 12 tháng tốt nghiệp của Ngành QTKD, ngành Kinh tế và Ngành Kinh tế quốc tế

Ngành	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	6	12	6	12	6	12	6	12	6	12
Kinh tế	46,3	92,3	44,6	92,7	53,0	94,0	45,6	93,9	45,8	94,2
QTKD	-	-	-	-	88,5	100	60,5	90,7	55,3	91,5
KTQT	40,0	83,8	38,5	92,7	31,9	91,7	42,6	85,5	8,8	91,2

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát việc làm của ngành QTKD, Kinh tế và KTQT)

Tỷ lệ sinh viên có việc làm cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp của Khoa QTKD [H1.05.04.01]. Trong đó, tỉ lệ sinh viên có việc làm ngay khi ra trường của khoa QTKD đạt tỉ lệ lên cao, (100%) một số bạn có việc làm nhưng lại nghỉ việc và chuyển công việc khác sau một thời gian. Nguyên nhân chính khiến sinh viên chưa nhảy việc hay nghỉ việc sau một thời gian đi làm là do thiếu kinh nghiệm tìm kiếm việc làm, thiếu định hướng nghề nghiệp hoặc không tìm được công việc có thu nhập mong muốn, thiếu kỹ năng mềm... Trên cơ sở đó, Khoa có những định hướng cải tiến trong công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng sinh viên chuyên ngành QTKD sau khi ra trường, đáp ứng tốt nhu cầu xã hội [H1.01.01.10]. Hằng năm, Học viện thường xuyên có những hoạt động nhằm giúp đỡ sinh viên định hướng nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm cho bản thân như tổ chức hội trợ việc làm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, ký kết thỏa thuận hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động để tăng cơ hội việc làm cho sinh viên, thường xuyên gửi thông tin tuyển dụng của các đơn vị đến sinh viên... [H1.11.03.03], [H1.11.03.05]. Ngoài ra,

Học viện thông qua Ban liên lạc cựu sinh viên để hỗ trợ công tác định hướng nghề nghiệp cho các sinh viên đang theo học bằng cách mời các cựu sinh viên về nói chuyện hướng nghiệp tại các tuần sinh hoạt chính trị cuối khóa [H1.11.03.04]. Tuy nhiên, hiện nay Ban liên lạc cựu sinh viên chỉ duy trì thường xuyên hoạt động này, các hình thức hoạt động khác còn chưa được thực hiện.

2. Điểm mạnh

Thông tin liên hệ với người học sau khi tốt nghiệp được Khoa QTKD và Học viện duy trì thường xuyên, chặt chẽ, nhờ đó tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của người học thuộc chuyên ngành QTKD nói riêng và các chuyên ngành khác của Học viện nói chung có thể được thống kê nhanh chóng, giám sát chặt chẽ, đảm bảo sự chính xác, đối sánh để cải tiến CTĐT. Công tác tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp bước đầu đạt kết quả nhất định nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện còn chưa mạnh.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm 2020 – 2021, Khoa mời một số doanh nghiệp hoặc ngân hàng tổ chức riêng hội thảo tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên chuyên ngành QTKD.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2019 - 2020, Khoa QTKD, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên và Ban liên lạc cựu sinh viên tổ chức thêm các hoạt động hướng nghiệp với các sinh viên đang học tại Học viện như lập các trang fanpage giới thiệu địa điểm thực tập, thông tin tuyển dụng từ các cựu sinh viên.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.3: Đạt (mức 6/7).

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Quyết định 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/7/2018 ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển quy định loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên. Điều 40 quy định nội dung hoạt động NCKH của sinh viên bao gồm: 1. Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của sinh viên; 2. Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo khoa học công nghệ, câu lạc bộ khoa học sinh viên,...3. Thực hiện các công trình NCKH để tham dự cuộc thi “Sinh viên NCKH” thường niên của Học viện, tham dự cuộc thi “Tài năng khoa học trẻ” của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các giải thưởng khoa học và công nghệ ở trong và ngoài nước; 4. Tham gia các đội tuyển trong các cuộc thi có nội dung khoa học nói chung và các đội tuyển Olympic chuyên ngành nói riêng; 5. Tham gia dịch thuật tài liệu, thu thập, xử lý dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập (nếu được giao) cùng các giảng viên; 6. Tham gia các đề tài cấp Học viện hoặc cấp Bộ cùng giảng viên phù hợp với khả năng và nguyện vọng của sinh viên; 7. Tham gia các hoạt động sinh hoạt khoa học thường kỳ dành cho sinh viên do phòng Khoa học và Hợp tác, Đoàn thanh niên hoặc các khoa/bộ môn tổ chức; 8. Tham gia một số hoạt động sinh hoạt khoa học khác của Học viện như Hội thảo khoa học, Tọa đàm khoa học về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu của Học viện. 9. Ngoài việc phải hoàn thành thực hiện môn học Phương pháp NCKH theo quy định của Học viện, sinh viên NCKH có thể thực hiện nhiệm vụ NCKH thông qua việc hoàn thành các bài tiểu luận của môn Phương pháp NCKH. Học viện không quy định về số lượng hoạt động NCKH bắt buộc đối với sinh viên **[H1.06.04.02]**.

Trên cơ sở kế hoạch NCKH của SV Học viện, Khoa QTKD đã xây dựng kế hoạch NCKH cho SV của Khoa. Hằng năm, SV ngành QTKD đăng ký và

thực hiện từ 5 – 17 đề tài NCKH. Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của sinh viên được giám sát. Các hoạt động NCKH của sinh viên được lên kế hoạch hằng năm dựa trên Chiến lược phát triển Học viện và Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.01.01.03], [H1.06.04.02]. Hàng năm, dựa trên thông báo của Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác, các Khoa, trong đó có Khoa QTKD sẽ lập kế hoạch NCKH sinh viên cho cả năm học, dự trù nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của sinh viên của Khoa trình Lãnh đạo Khoa thông qua [H1.11.04.01]. Sau đó, Hội đồng Khoa sẽ họp để xác định tên đề tài và phân công giảng viên hướng dẫn [H1.11.04.02]. Trên cơ sở đó, Giám đốc Học viện quyết định tên đề tài và phê duyệt kinh phí triển khai thực hiện [H1.11.04.03]. Trong quá trình thực hiện, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác cũng thực hiện theo dõi tiến độ thực hiện các đề tài NCKH và ra thông báo về việc tổ chức Hội nghị NCKH sinh viên cấp Khoa/Học viện để đánh giá các đề tài sau khi hoàn thành và công bố các kết quả đạt được của hoạt động NCKH của sinh viên trên website của Học viện [H1.11.04.04]. Nội dung các đề tài NCKH sinh viên ngành QTDN đều tương thích với mục tiêu, sứ mạng của Học viện và CDR của ngành QTKD [H1.11.04.03]. Các nhóm NCKH sinh viên đều được phân công 1 giảng viên có chuyên môn sát với đề tài nghiên cứu [H1.11.04.02].

Bảng 11.4: Đối sánh hoạt động NCKH của sinh viên ngành QTKD và ngành Kinh tế tại Học viện Chính sách và Phát triển

Ngành	SL	SV	2014-2015		2015-2016		2016-2017		2017-2018		2018-2019	
			SL	SV	SL	SV	SL	SV	SL	SV	SL	SV
QTKD	50	179	10	26	8	36	17	57	5	24	10	46
Kinh tế	52	190	7	39	7	35	9	17	6	6	23	93

Nguồn: Thống kê sinh viên tham gia NCKH hàng năm của Học viện

Kết quả đối sánh với hoạt động NCKH của sinh viên ngành Kinh tế cho thấy: số lượng đề tài của sinh viên ngành QTKD tương đồng với ngành Kinh tế về số lượng đề tài và số lượng sinh viên tham gia (Bảng 11.4.1)

Năm học 2017-2018, hoạt động NCKH của sinh viên được lồng ghép vào nội dung môn học Phương pháp NCKH [H1.11.04.05]. Trong đó, sinh viên được chia thành 18 nhóm với 18 đề tài khoa học, sinh viên tiến hành các bước nghiên cứu đề tài khoa học dưới sự hướng dẫn của các giảng viên trong Khoa [H1.11.04.06]. Kết quả đánh giá đề tài được dùng làm điểm đánh giá môn học Phương pháp NCKH [H1.11.04.06]. Hằng năm, Học viện tổ chức hội nghị NCKH sinh viên cấp học viện nhằm đánh giá chất lượng các đề tài NCKH sinh viên các khoa và tổng kết, đánh giá các kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, từ đó có các đề xuất những cải tiến trong hoạt động NCKH sinh viên phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Học viện; cũng như phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và khả năng của sinh viên [H1.11.04.04]. Hàng năm khoa QTKD đều có 1-3 đề tài tham gia hội nghị sinh viên NCKH cấp Học viện và đều đạt giải. Năm học 2018 – 2019, Học viện không sắp xếp môn học Phương pháp NCKH nên Khoa không có các đề tài NCKH sinh viên. Thay vào đó, Khoa tổ chức 01 buổi tọa đàm sinh viên NCKH [H1.11.04.07].

Ngoài ra, hằng năm, sinh viên khoa QTKD được tham gia nhiều các hội thảo khoa học các cấp do Học viện và Bộ Kế hoạch – Đầu tư tổ chức [H01.11.04.09]

Hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của sinh viên được quy định tại Quyết định 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/7/2018 ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển từ điều 40 đến điều 53 [H1.06.04.02].

Hằng năm, Khoa QTKD thực hiện đối sánh loại hình và số lượng, chất lượng các đề tài NCKH của sinh viên qua các năm và giữa các chuyên ngành

đào tạo trong Học viện để có những điều chỉnh kịp thời sao cho đảm bảo tất cả sinh viên đều được tham gia NCKH [H1.11.04.04].

Các hoạt động NCKH của sinh viên được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của CTĐT, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Học viện tại Điều 38, Quyết định 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/7/2018 ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.06.04.02].

Hằng năm, Khoa đều tổ chức các hội nghị NCKH sinh viên cấp khoa hoặc tọa đàm sinh viên NCKH cấp khoa [H1.11.04.07], [H1.11.04.08]. Học viện tổ chức hội nghị NCKH sinh viên cấp Học viện nhằm đánh giá chất lượng các đề tài NCKH sinh viên [H1.11.04.08] và tổng kết, đánh giá các kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, từ đó có các đề xuất những cải tiến trong hoạt động NCKH sinh viên phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Học viện; cũng như phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và khả năng của sinh viên [H1.11.04.08]. Nhiều đề tài NCKH của sinh viên đã được Hội đồng đề tài NCKH sinh viên cấp Học viện đánh giá cao ý nghĩa về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu đã giải quyết được một số vấn đề thực tế đặt ra. Cụ thể, năm 2015-2016: 1 giải khuyến khích cấp Học viện, năm 2016-2017: 01 Giải ba cấp Học viện và 01 giải ba NCKH toàn quốc; năm 2017-2018: 01 giải khuyến khích Olympic kinh tế lượng ứng dụng; năm 2018-2019: 01 giải nhất cuộc thi khởi nghiệp tại Đại học Nội vụ; năm 2018-2019: 01 giải nhất cuộc thi Business Challenges tại đại học Kinh tế- ĐHQGHN và 01 giải nhất cuộc thi Nữ sinh khởi nghiệp tại Học viện Phụ nữ. Các đề tài của sinh viên ngành QTKD cũng được các chuyên gia đánh giá cao về chất lượng so với các trường khác.

2. Điểm mạnh

Phần lớn sinh viên chuyên ngành QTKD tích cực tham gia trong hoạt động NCKH với nội dung nghiên cứu đa dạng, có sự hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ từ phía Khoa và Học viện.

3. Điểm tồn tại

Thành tích NCKH SV của Khoa khá tốt nhưng mới chỉ tập trung ở một nhóm nhỏ sinh viên, chưa được lan rộng ra toàn Khoa

4. Kế hoạch hành động

- ***Phát huy điểm mạnh:*** Nhận thấy hoạt động NCKH là hoạt động mang lại nhiều kiến thức quý báu cho sinh viên. Nên trong năm 2020-2021 khoa QTKD tiếp tục động viên và duy trì hoạt động NCKH sinh viên.

- ***Khắc phục điểm tồn tại:*** Trong năm 2020 – 2021 Khoa QTKD sẽ xây dựng kế hoạch khuyến khích tất cả sinh viên tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học trong đó, đưa ra các định hướng nghiên cứu ứng dụng để thu hút sinh viên

5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.4: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Học viện thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, người học, người học đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất,... Đối với người học: Việc khảo sát đối với sinh viên đang học được thực hiện định kỳ khi kết thúc học phần đầu mỗi là Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng [H1.06.04.04]. Việc khảo sát sinh viên năm 4 trước khi tốt nghiệp do các Khoa trực tiếp triển khai theo đúng quy trình của Học viện. Nội dung khảo sát người học và sinh viên năm 4 được thực hiện cả về tổng thể chất lượng đào tạo, cũng như toàn bộ các hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học [H1.02.02.06]. [H1.05.04.04]. Trước năm 2016: định kỳ, hàng năm khi kết thúc học phần, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện khảo sát sinh

viên tại lớp bằng phiếu. Từ năm 2016, Học viện chuyển sang khảo sát online và ra thông báo về việc thực hiện khảo sát cho sinh viên, nếu sinh viên không thực hiện thì sẽ bị trừ điểm rèn luyện.

Đối với người tốt nghiệp: 12 tháng sau khi sinh viên tốt nghiệp, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên triển khai khảo sát về: việc làm, thu nhập và các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện CTĐT và cơ sở vật chất **[H1.01.01.09].[H1.05.05.03]**

Ngoài ra, hàng năm, sinh viên được phản hồi ý kiến trực tiếp tới lãnh đạo Khoa QTKD tại Hội nghị tổng kết năm học của Khoa. Tại đây, sinh viên được đối thoại trực tiếp với Lãnh đạo Khoa QTKD **[H1.05.04.01]**.

Đối với giảng viên: định kỳ hàng năm, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với phòng Tổ chức hành chính đều triển khai khảo sát giảng viên về mức độ hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giảng dạy, sách báo tài liệu phục vụ giảng dạy và nghiên cứu, sự hỗ trợ phục vụ của các phòng ban chức năng. **[H1.05.01.01]**.

Từ năm 2015 đến năm 2019, mức độ hài lòng của các bên liên quan của CTĐT QTKD tại Học viện đều được đánh giá ở mức cao (trung bình khoảng 4,3/5) và năm sau tăng cao hơn năm trước. **[H1.11.05.01]**.

Trên cơ sở kết quả khảo sát thu được và các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Khoa QTKD đã tiếp thu các ý kiến phản hồi và thực hiện triển khai các hoạt động cụ thể nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành QTKD. Cụ thể: mô tả cụ thể hơn về CDR, điều chuyển một số môn giữa các khối kiến, bổ sung hướng dẫn tự học trong các đề cương chi tiết các học phần, tăng cường áp dụng công nghệ trong quá trình giảng dạy, bổ sung thêm các môn học mang tính nghiệp vụ **[H1.01.01.10]**. Khoa QTKD cũng đề xuất các ý với Học viện để cải thiện chất lượng của hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV và sinh viên, cơ sở vật chất... Cụ thể như: nâng cao chất lượng đường truyền internet, phủ sóng wifi

toàn Học viện, bổ sung giáo trình tài liệu vào thư viện, xây dựng cơ chế một cửa...[H1.11.05.01]

2. Điểm mạnh

Thực hiện khảo sát, thống kê, phân tích kịp thời mức độ hài lòng của các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến chất lượng đào tạo chuyên ngành QKD.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tiến hành đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan với các cơ sở giáo dục khác.

4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm học 2019-2020, Khoa QTKD thực hiện định kỳ các khảo sát các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến chất lượng.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2019-2020, Khoa Quản trị kinh doanh tổ chức thêm các buổi gặp gỡ, giao lưu với các nhà tuyển dụng, tăng cường mối quan hệ với các nhà tuyển dụng để tăng số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát của Khoa QTKD. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Khoa QTKD phối hợp xây dựng kế hoạch khảo sát hàng năm với đối tượng là các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.5: Đạt (mức 5/7)

Kết luận tiêu chuẩn 11

(i) Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Học viện có hệ thống theo dõi, cảnh báo và giám sát thực hiện quản lý và thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp. Đánh giá chung cho thấy sinh viên ngành QTKD có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao. Công tác tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp bước đầu đạt kết quả nhất định. Tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường có việc làm sau 01 năm tương đối cao. Đa phần sinh viên có

đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ tốt để có thể tham gia vào thị trường lao động. Phần lớn sinh viên ngành QTKD tích cực tham gia trong hoạt động NCKH. Thực hiện khảo sát, thống kê, phân tích kịp thời mức độ hài lòng của các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến chất lượng đào tạo ngành QTKD.

(ii) Điểm tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:

Những năm gần đây, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của Học viện giảm xuống khi áp dụng CĐR về ngoại ngữ. Vẫn còn tỷ lệ sinh viên thôi học dù không đáng kể. Hoạt động hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện còn chưa mạnh. Khoa chưa tiến hành đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, kết quả NCKH của người học và mức độ hài lòng của các bên liên quan với các cơ sở giáo dục khác.

(iii) Kế hoạch hành động khắc phục điểm tồn tại:

Trong năm học 2020-2021, Bộ môn ngoại ngữ và Phòng QLĐT xây dựng các biện pháp nhằm đào tạo ngoại ngữ hiệu quả hơn. Trong năm học 2019 - 2020, Khoa QTDN, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên và Ban liên lạc cựu sinh viên tổ chức thêm các hoạt động hướng nghiệp với các sinh viên đang học tại Học viện như lập các trang fanpage giới thiệu địa điểm thực tập, thông tin tuyển dụng từ các cựu sinh viên.

- Tóm tắt mức đạt các tiêu chí trong tiêu chuẩn:

Tất cả các tiêu chí (5/5) trong tiêu chuẩn 11 đều đạt yêu cầu; trong đó, có 04 tiêu chí đạt 5/7 và 01 tiêu chí đạt mức 6/7.

PHẦN 3. KẾT LUẬN

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT ngành QTKD của Học viện Chính sách và Phát triển

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT và CDR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện, đặc biệt chuẩn đầu ra khi xây dựng, rà soát có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan, được cập nhật theo định kỳ.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD có đầy đủ các nội dung, được cập nhật những vấn đề mới nhất về xu hướng đào tạo và nghiên cứu trên thế giới về lĩnh vực QTKD. 100% đề cương các học phần có đầy đủ thông tin, được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo kế hoạch của Học viện, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Công tác thiết kế CTDH ngành QTKD hợp lý, chương trình dạy học được gắn kết chặt chẽ với CDR thông qua các kế hoạch giảng dạy chi tiết và ma trận liên kết học phần và chuẩn đầu ra. Toàn bộ các học phần trong CTĐT đều có đóng góp cụ thể vào CDR; CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật trên cơ sở tham khảo được nhiều CTĐT của các trường đại học trong nước và đảm bảo tính tích hợp.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục của Học viện và của ngành QTKD đã tuyên bố một cách rõ ràng và được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới giảng viên, người học, nhà tuyển dụng. Phương pháp dạy và học đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CDR và đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học. Có sự kết hợp giữa giảng viên cơ hữu của Học viện với các chuyên gia thực tiễn trong một số học phần nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng thực tiễn. Học viện và

Khoa đã cung cấp môi trường học tập sinh hoạt, các hoạt động hỗ trợ người học, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Đánh giá KQHT của người học luôn bám sát và phù hợp với CĐR, do đó luôn giữ vững và đảm bảo chất lượng đào tạo. Ngoài quy trình đánh giá KQHT người học được quy định chung cho cả Học viện thì Khoa QTKD cũng có các quy trình đặc thù riêng và được đưa vào mô tả, cụ thể hóa các quy định của Học viện. Các quy định về đánh giá KQHT đều rõ ràng và được công bố công khai tới người học. Công tác quản lý hoạt động đào tạo, kiểm tra, đánh giá của CTĐT đều tuân thủ các quy định một cách nghiêm túc. Quy trình chấm thi hết học phần của sinh viên được thực hiện nghiêm túc chặt chẽ đảm bảo khách quan, công bằng. KQĐG được công bố công khai và phản hồi kịp thời đến người học, đã giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học tập. Quy trình khiếu nại về KQHT bao gồm thủ tục, trình tự và thời gian giải quyết được quy định rõ ràng, công khai.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Học viện luôn chú trọng đến kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên của Khoa đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và giảng dạy. Học viện có quy định cụ thể, rõ ràng về đánh giá kết quả công việc, khen thưởng đối với giảng viên không chỉ giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển đã có đầy đủ tiêu chí, qui trình rõ ràng, công bố công khai. Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua điểm danh hằng ngày, đánh giá thu nhập tăng thêm hàng tháng) và định kỳ cuối

năm học dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai. Có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển cũng như thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách, tiêu chí, phương pháp tuyển sinh của Học viện rõ ràng, đúng quy định, cập nhật hàng năm; Phương thức tuyển sinh đa dạng; Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát. Chính sách tuyển sinh luôn được phân tích đánh giá kỹ lưỡng, có sự góp ý của các bên liên quan. Có đầy đủ nhân lực, vật lực, quy trình, quy định về giám sát việc học tập và rèn luyện của người học. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các hoạt động khác đều được chú trọng. Môi trường cảnh quan và môi trường tâm lý đều tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng, phòng thực hành với trang thiết bị hiện đại. Thư viện hiện đại, đầy đủ nguồn học liệu. Hạ tầng mạng và thiết bị của hệ thống công nghệ thông tin được sử dụng phổ biến trong cả giảng dạy, quản lý đào tạo, công việc hành chính. Các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật và được triển khai thực hiện đầy đủ, phổ biến, nhận được sự hài lòng từ người học, cán bộ và giảng viên Học viện.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống, phân công rõ ràng giữa các đơn vị thực hiện giúp việc thu thập, đảm bảo những ý kiến/góp ý được phản ánh trong những điều chỉnh của CTDH. Quy trình xây dựng CTDH năm 2017 của Học viện được xây dựng khá rõ ràng, hướng dẫn chi tiết, thuận lợi cho các nhóm rà soát CTĐT. Quy trình rõ ràng, minh bạch trong việc đánh giá quá trình dạy và học. Hoạt động đánh giá được triển khai định kỳ. Hoạt động NCKH được triển khai bài bản, có hiệu quả. Nhiều kết quả

ngiên cứu được chuyển hóa thành nội dung giảng dạy trong CTDH. Chất lượng dịch vụ hỗ trợ cho người học được đánh giá tốt, liên tục được cải tiến. Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Học viện có hệ thống theo dõi, cảnh báo và giám sát thực hiện quản lý và thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp. Đánh giá chung cho thấy sinh viên ngành QTKD có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao. Công tác tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp bước đầu đạt kết quả nhất định. Tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường có việc làm sau 01 năm tương đối cao. Đa phần sinh viên có đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ tốt để có thể tham gia vào thị trường lao động. Phần lớn sinh viên ngành QTKD tích cực tham gia trong hoạt động NCKH. Thực hiện khảo sát, thống kê, phân tích kịp thời mức độ hài lòng của các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến chất lượng đào tạo ngành QTKD.

3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT ngành QTKD của Học viện Chính sách và Phát triển

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc công bố chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tuy đã được giới thiệu qua các kênh, song chưa thực sự thu hút những người quan tâm.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Việc mô tả đề cương học phần trong bản mô tả CTĐT ngành QTKD còn ngắn gọn chưa cung cấp đủ thông tin cho người đọc quan tâm. Việc rà soát đề cương học phần chưa có các góp ý chuyên sâu về việc bổ sung/thêm bớt các nội dung được trình bày trong đề cương học phần, đặc biệt các học phần trong khối kiến thức chuyên ngành. Bản mô tả CTĐT chưa được gửi đi chủ động đến các cơ quan quản lý liên quan hoặc các phụ huynh tiềm năng của Học viện.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CĐR chưa thực sự thể hiện các thang đo Bloom 6 bậc, nên thiết kế CTDH chưa thực sự hiệu quả. Còn một số học phần nội dung chưa được mô tả rõ về các chuẩn kỹ năng (theo như đánh giá của nhà tuyển dụng). CTĐT tham khảo của trường nước ngoài còn ít, mới chỉ có tham khảo của trường ĐH Texas A&M.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc tuyên truyền phổ biến triết lý giáo dục đến các bên liên quan còn có thể làm đầy đủ và hiệu quả hơn nữa. Công nghệ áp dụng cho phương pháp dạy và học còn hạn chế. Còn một số học phần sử dụng phương pháp thuyết trình trong dạy và học, chưa đạt được một cách toàn diện các CĐR CTĐT. Học viện chưa ứng dụng triệt để các công cụ hỗ trợ trong giảng dạy.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được CĐR chưa cập nhật và rà soát thường xuyên. Các quy định về đổi mới phương pháp đánh giá KQHT người học để đáp ứng với yêu cầu của người học cũng như đảm bảo tính cập nhật môn học chưa được triển khai rộng rãi và toàn diện. Tổ chức thi và kiểm tra chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế. Việc rà soát và đổi mới bộ đề thi chưa thực hiện thường xuyên; số lượng môn học có ngân hàng câu hỏi được nghiệm thu và được sử dụng chính thức chưa nhiều. Việc thu thập ý kiến phản hồi của người học về quy trình, cách thức thông báo KQHT chưa được tiến hành thường xuyên, bài bản để điều chỉnh cho phù hợp với nguyện vọng của người học theo phương châm lấy người học làm trung tâm.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Học viện chưa có nhiều kênh truyền thông về thông tin tuyển dụng giảng viên và nghiên cứu viên. Trong Đề án vị trí việc làm vẫn còn một vài tiêu chuẩn chuyên môn và tiêu chí đánh giá năng lực GV, NCV chưa cụ thể. Các quy định về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên cũng như quy định về quy đổi

khối lượng công việc tiêu chuẩn còn nằm ở nhiều văn bản khác nhau. Thời gian của một số khoá đào tạo, bồi dưỡng chưa hoàn toàn phù hợp với lịch giảng dạy của giảng viên. Hoạt động NCKH của giảng viên khoa QTKD còn tập trung vào một số giảng viên lớn tuổi, có kinh nghiệm nghiên cứu.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Vẫn còn khoảng 10-15% tỉ lệ chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối cán bộ, nhân viên phòng, ban, trung tâm. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng và phong phú. Đồng thời, kinh phí dành cho việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho khối cán bộ, nhân viên còn hạn chế. Bên cạnh đó, hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi cán bộ (chuyên viên). Hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc cũng chưa thực sự hoàn thiện, vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mặt bằng điểm trúng tuyển và tỷ lệ nhập học/trúng tuyển tăng lên chưa cao trong những năm gần đây; Việc phân tích và đánh giá tính hợp lý của quá trình tuyển sinh trước và sau kỳ tuyển sinh còn có độ trễ; Việc theo dõi sinh viên nợ môn và thiếu học phí trên website vẫn còn hơi khó do giao diện kém thân thiện, đôi khi làm một vài cố vấn học tập bị lúng túng.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hiện nay các phòng làm việc và văn phòng khoa tại cơ sở Nam An Khánh chưa được về văn phòng riêng và vẫn đang ngồi chung phòng trong các giảng đường. Một số phòng thực hành chưa có máy tính dự phòng cho các lớp học đông sinh viên. Số lượng máy tính phục vụ tra cứu tài liệu ở thư viện còn khiêm tốn. Website phục vụ đăng ký tin chỉ đôi khi bị quá tải vào giờ cao điểm đăng ký

tín chỉ. Chưa có diễn tập quy mô lớn đối với các tình huống liên quan đến môi trường, an toàn và sức khỏe cho toàn bộ sinh viên Học viện.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Học viện chưa trang bị phần mềm riêng trong thực hiện khảo sát các bên liên quan, các hình thức triển khai thu thập hiện tại còn nặng về thu thập trực tiếp hoặc các ứng dụng miễn phí (Google). Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH chưa được cải tiến theo hướng ứng dụng công nghệ. Cơ sở dữ liệu về các bên liên quan chưa nhiều và cập nhật thường xuyên để có thể tiến hành khảo sát nhanh hơn và hiệu quả hơn.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Những năm gần đây, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của Học viện giảm xuống khi áp dụng CĐR về ngoại ngữ. Vẫn còn tỷ lệ sinh viên thôi học dù không đáng kể. Hoạt động hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện còn chưa mạnh. Khoa chưa tiến hành đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, kết quả NCKH của người học và mức độ hài lòng của các bên liên quan với các cơ sở giáo dục khác.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành QTKD của Học viện Chính sách và Phát triển

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Trong năm học 2020-2021, Khoa Phối hợp với P.QLĐT và các đơn vị rà soát, đề xuất ban hành lại quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT; phối hợp đề xuất về CĐR Tiếng Anh sát hơn với sinh viên ngành QTKD; Học viện trang bị cho các khoa trong Học viện nói chung, Khoa QTKD nói riêng một trang web phụ để Khoa tổ chức thông tin tốt hơn, nhằm giới thiệu CĐR cũng như nhiều mục khác được nổi bật, thu hút.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2020 - 2021, Học viện rà soát hướng dẫn xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo, trong đó nêu rõ yêu cầu mô tả đề cương học phần chi tiết hơn. Khoa QTKD cần liên hệ với các chuyên gia, nhà tuyển dụng xin góp ý trực tiếp với từng đề cương của các học phần mới, đặc biệt các học phần ngành QTKD. Khoa QTKD sẽ quan tâm nhiều hơn nữa tới việc quảng bá và bản mô tả CTĐT tới các cơ quan, hiệp hội ngành nghề

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Trong năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng QLĐT chủ trì hướng dẫn các khoa thiết kế chương trình dạy học dựa trên CDR với thang Bloom 6; Khoa QTKD rà soát, bổ sung chuẩn kỹ năng của học phần Chuyên đề thực tế, Marketing căn bản, Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Khoa liên hệ tham khảo CTĐT của một số trường Quản lý và kinh doanh trên thế giới để đối sánh và cập nhật các nội dung cần thiết.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trong năm 2020-2021, Học viện phổ biến rộng rãi hơn nữa triết lý giáo dục tới các bên liên quan khác, trực tiếp qua video tại các buổi tọa đàm, dịp kỷ niệm 20.11... Học viện cần đầu tư hạ tầng CNTT để kết hợp giảng dạy trên lớp và giảng dạy trực tuyến phù hợp với yêu cầu trong thời đại 4.0. Học viện giao Phòng QLĐT thiết kế hoặc đặt mua phần mềm quản lý học tập, giúp giảng viên có cơ chế giám sát tự học của sinh viên đối với tất cả các học phần của CTĐT.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Từ năm học 2020 - 2021, khoa QTKD phối hợp với TTKT&ĐBCL và P.QLĐT: (i) Rà soát phương pháp đánh giá KQHT, tập trung vào đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên; (ii) Tăng cường tư vấn cách thức tiếp cận đề cương học phần cho tất cả sinh viên giúp sinh viên đọc, hiểu và lựa chọn đúng môn học và có phương pháp học tập phù hợp để có được KQHT tốt; (iii) Xây dựng phương thức thi điểm thi vấn đáp cho một số học

phần; (iv) Thực hiện đúng việc công bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần theo quy định; (v) Thực hiện việc thông báo cho sinh viên về quy định về thời gian nộp đơn phúc khảo ngay sau khi kết thúc môn thi đầu tiên để đảm bảo không có tình trạng sinh viên nộp đơn muộn.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa QTKD phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Thông tin thư viện và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trong Học viện: (i) Sử dụng đa dạng các kênh thông tin về tuyển dụng để lan toả các thông tin tuyển dụng đến nhiều các ứng viên, giúp Khoa QTKD và Học viện tuyển dụng được nhiều cán bộ, giảng viên có chất lượng tốt; Xây dựng một văn bản chung thống nhất quy định về khối lượng giờ giảng, giờ NCKH và cách thức quy đổi; (iii) Xây dựng mới Đề án vị trí việc làm theo hướng cụ thể hóa các tiêu chuẩn đối với giảng viên; (iv) Rà soát, điều chỉnh tiêu chí đánh năng lực giảng viên trong Đề án vị trí việc làm 2014; (v) Thường xuyên tổ chức khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ Ngoại ngữ, chuyên môn của đội ngũ giảng viên cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học này; (vi) Hoàn thiện các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc chi tiết và định lượng hơn; và (vii) Khoa QTKD giao các giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu hướng dẫn các giảng viên trẻ thực hiện viết và đăng bài trên các báo, tạp chí khoa học.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Từ năm 2020 phòng, Phòng Tổ chức – Hành chính xây dựng và tham mưu Ban Giám đốc Học viện về kế hoạch tuyển dụng, sắp xếp cán bộ trợ lý khoa dựa trên sự phát triển về quy mô của sinh viên. Đa dạng hơn các kênh để lấy ý kiến từ cán bộ, giảng viên trong Học viện về quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, và điều chuyển cán bộ, nhân viên. Đồng thời phòng Tổ chức cán bộ sẽ phối hợp với các khoa để phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng như thông báo trên báo điện tử, truyền hình, mạng lưới liên

hệ với cựu sinh viên. Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện bộ tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ cán bộ (chuyên viên) hỗ trợ, tiêu chuẩn đánh giá kết quả công việc theo hướng định lượng; hoàn thiện quy trình đánh giá. Xây dựng kế hoạch dài hạn bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ nhân viên nhằm tạo cơ hội phát triển. Đồng thời, tích cực tìm nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo cho cán bộ.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Từ năm 2020, Khoa QTKD phối hợp với phòng QLĐT, Trung tâm TT&ĐBCL để tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực về QTKD ở khu vực Hà Nội, khu vực phía Bắc để lập kế hoạch để dự báo nhu cầu nhân lực về cử nhân QTKD đảm bảo yêu cầu của thị trường lao động làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh. Đồng thời phối hợp đề xuất bổ sung thêm phương thức tuyển sinh và các đợt tuyển sinh trong năm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; Thông báo kịp thời kết quả học tập và rèn luyện tới từng sinh viên. Tăng thêm nhân lực hỗ trợ hoạt động CLB trong khoa; bổ sung kinh phí hỗ trợ các hoạt động tư vấn thực tế tại các doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Từ năm học 2020-2021, Học viện giao Ban Quản lý Đầu tư tiếp tục hoàn thiện các phòng làm việc, văn phòng khoa, và phòng chức năng để đưa vào hoạt động, chấm dứt tình trạng các bộ phận này phải ngồi chung tại các phòng giảng đường. Phối hợp với các đơn vị bố trí kinh phí bổ sung thêm máy tính để tra cứu tài liệu trong thư viện. Ban Quản lý Dự án bố trí thêm một phòng tự học, tự đọc sách cho sinh viên, giảng viên, người nghiên cứu để nâng cao khả năng tự học của người học. Đồng thời Học viện giao cho Trung tâm CNTT thư viện và truyền thông lên phương án nâng cấp website, khắc phục những trục trặc của hoạt động đăng ký tín chỉ; đồng thời nghiên cứu các ứng dụng giảng dạy trực tuyến phục vụ công tác đào tạo và NCKH; Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo xây dựng chương trình để phổ biến hoặc diễn tập cho sinh viên về các biện pháp ứng phó

khẩn cấp với tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm, và các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn khác.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Trong năm học 2020-2021, Học viện chỉ đạo Trung tâm KT& ĐBCL đặt mua phần mềm khảo sát phù hợp. Học viện giao Phòng QLĐT phối hợp với Khoa QTKD rà soát, xin ý kiến điều chỉnh quy trình thiết kế và phát triển CTDH theo hướng ứng dụng công nghệ. Thực hiện việc giám sát việc thực hiện đảm bảo trả lời nghiêm túc, khách quan. Khoa QTKD lựa chọn một số đề để chuyển tải thành các nội dung giảng dạy cho sinh viên, dưới dạng sách hoặc bài giảng điện tử cho sinh viên ngành QTKD.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Trong năm học 2020-2021, Bộ môn ngoại ngữ và Phòng QLĐT xây dựng các biện pháp nhằm đào tạo ngoại ngữ hiệu quả hơn. Trong năm học 2019 - 2020, Khoa QTKD, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên và Ban liên lạc cựu sinh viên tổ chức thêm các hoạt động hướng nghiệp với các sinh viên đang học tại Học viện như lập các trang fanpage giới thiệu địa điểm thực tập, thông tin tuyển dụng từ các cựu sinh viên.

3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Căn cứ vào Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT – Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT, gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành QTKD thấy cả 50 tiêu chí đều đạt yêu cầu. Cụ thể, các kết quả được tổng hợp ở bảng dưới đây:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Chính sách và Phát triển

Mã CTĐT: 7340101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,67	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,67	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					4					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,00	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	7	100%
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>										
Tiêu chí 7.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>										
Tiêu chí 8.1					5			4,80	5	100%
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								5,00	5	100%

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 9.1					5			4,83	5	100%
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>										
Tiêu chí 10.1					5			4,83	5	100%
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
<i>Tiêu chuẩn 11</i>										
Tiêu chí 11.1					5			5,20	5	100%
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3						6				
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT							4,94	49	100%	

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020



PGS. TS. Đào Văn Hùng

PHẦN 4. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 12/2019

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Học viện Chính sách và Phát triển

- Tiếng Anh: Academy of Policy and Development

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

- Tiếng Việt: HCP

- Tiếng Anh: APD

3. Tên trước đây (nếu có): Không có

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

5. Địa chỉ: Tòa nhà Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngõ 7, Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội.

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: 024.37957368.

Số fax: 024.35562392.

7. E-mail: hvcspt@apd.edu.vn.

Website:

<http://www.apd.edu.vn>

8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 04/01/2008

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa 1: Năm 2009

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa 1: Năm 2014

11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Quản trị Kinh doanh

- Tiếng Anh: Faculty of Business Administration

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: Khoa QTKD

- Tiếng Anh: FBA

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Quản trị Doanh nghiệp

15. Tên CTĐT:

Tiếng Việt:

+ Quản trị Doanh nghiệp

+ Quản trị Marketing

Tiếng Anh:

+ Enterprise Management

+ Marketing Management

16. Mã CTĐT: 7340101

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không có

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Địa chỉ 1: tòa nhà Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngõ 7 Tôn Thất Thuyết – Cầu Giấy
–Hà Nội: tầng 7;

Địa chỉ 2: Học viện Chính sách và Phát triển, An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội:
tòa nhà 7F, P.212 (từ ngày 23/12/2019)

19. Số điện thoại liên hệ: 024.3996.5458

20. E-mail: khoaqtkd@apd.edu.vn Website: <http://apd.edu.vn/khoa-quan-tri-kinh-doanh>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): Năm 2009

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa 1 (của CTĐT): Năm 2012

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa 1 (của CTĐT): Năm 2016

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về khoa Quản trị Kinh doanh

Khoa QTKD là một trong những Khoa chuyên ngành quan trọng của Học viện, được thành lập theo Quyết định số 354/QĐ-HVCSPT ngày 31/07/2009 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển. Từ năm học 2018 - 2019, theo Quyết định 531/QĐ-BKHĐT của Giám đốc Học viện, Khoa Quản trị doanh nghiệp đổi thành Khoa QTKD.

Về cơ cấu tổ chức, Khoa QTKD hiện có 01 Trưởng Khoa, 01 Phó trưởng Khoa, 01 Trợ lý khoa và 3 giảng viên cơ hữu trực tiếp tham gia giảng. Hội đồng Khoa gồm có 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 01 Thư ký và các thành viên đã được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Học viện. Về công tác Đảng, các cán bộ, giảng viên của Khoa là Đảng viên tham gia sinh hoạt tại Chi bộ 3 (Chi bộ khối cán bộ, giảng viên). Về công tác Đoàn, một số cán bộ, giảng viên của Khoa tham gia quản lý Đoàn thanh niên và tham gia sinh hoạt tại Chi đoàn khối cán bộ, giảng viên của Học viện. Các cán bộ, giảng viên trong Khoa đều là thành viên của Tổ công đoàn Khoa trực thuộc Công đoàn Học viện Chính sách và Phát triển.

Các doanh nghiệp, tổ chức đã và đang đồng hành cùng Khoa QTKD gồm có: Tập đoàn siêu thị Đức Thành, Hiệp hội quảng cáo Hà Nội, Công ty đào tạo marketing Vinalink, Hệ sinh thái khởi nghiệp Best B, Viện nghiên cứu và đào tạo doanh nhân APEC, Cục Đăng ký kinh doanh, Trung tâm Hỗ trợ Doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa phía Bắc, Trung tâm phát triển xanh Green Hub, Viện tài chính vi mô và Phát triển cộng đồng...).

Về hoạt động đào tạo, khoa QTKD hiện phụ trách triển khai CTĐT đại học hệ chính quy hai chuyên ngành là Quản trị doanh nghiệp và Quản trị Marketing với tổng cộng 367 sinh viên.

SV chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp được trang bị kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp, các nghiệp vụ quan trọng để trở thành chuyên viên, quản trị các lĩnh vực khác nhau của doanh nghiệp, tổ chức (Nhân sự, Tài chính, Marketing, Logistics, Văn phòng...) hoặc tự khởi nghiệp, thành lập và vận hành một doanh nghiệp. Chuyên ngành QT marketing hướng tới trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngành QTKD và chuyên sâu về quản trị marketing trong doanh nghiệp và tổ chức - với nhiệm vụ quản trị marketing cho doanh nghiệp (Xây dựng các kế hoạch và chiến lược marketing; nghiên cứu thị trường và hành vi khách hàng; phát triển và phối hợp các công cụ marketing; tổ chức và quản lý bộ phận marketing; kiểm tra và đánh giá các hoạt động marketing....) và đáp ứng nghiệp vụ của các doanh nghiệp dịch vụ.

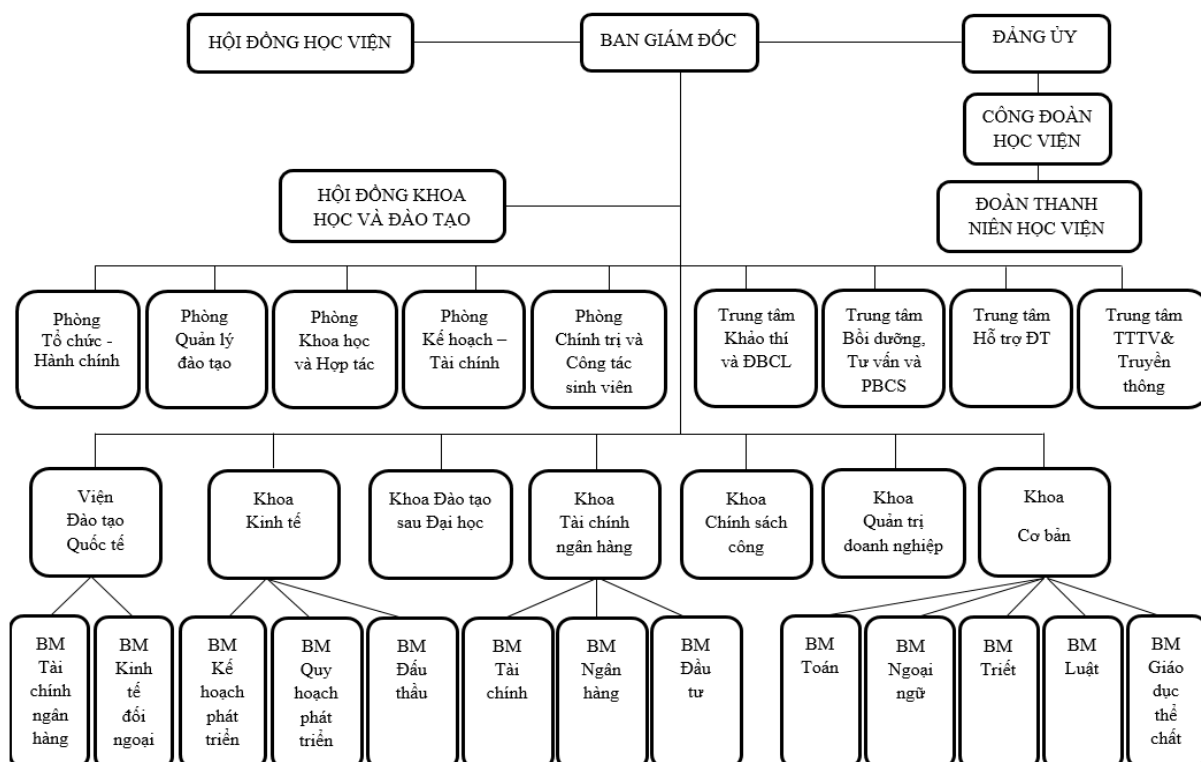
Về hoạt động NCKH, hầu hết cán bộ, giảng viên của Khoa tích cực chủ trì và tham gia các đề tài, đề án cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện như: “Giải pháp đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”, “Đẩy mạnh ứng dụng phương thức sản xuất tinh gọn (LEAN) đối với các doanh nghiệp Việt Nam”, Đề xuất mô hình tăng trưởng xanh cho các khu kinh tế ven biển ở Việt Nam; Nâng cao hiệu quả thu hút và quản lý nhà nước các dự án FDI tại Hà Nội; Giải pháp chủ yếu phát triển có hiệu quả kinh tế phi chính thức ở Hà Nội đến năm 2020....Nhiều cán bộ, giảng viên của khoa tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo gồm có Mô hình định lượng nghiên cứu hành vi người tiêu dùng đối với thị trường thực phẩm sạch Việt Nam; Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Kinh nghiệm quốc tế và bài học

cho Việt Nam... giảng viên khoa cũng là tác giả hoặc đồng tác giả của nhiều bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

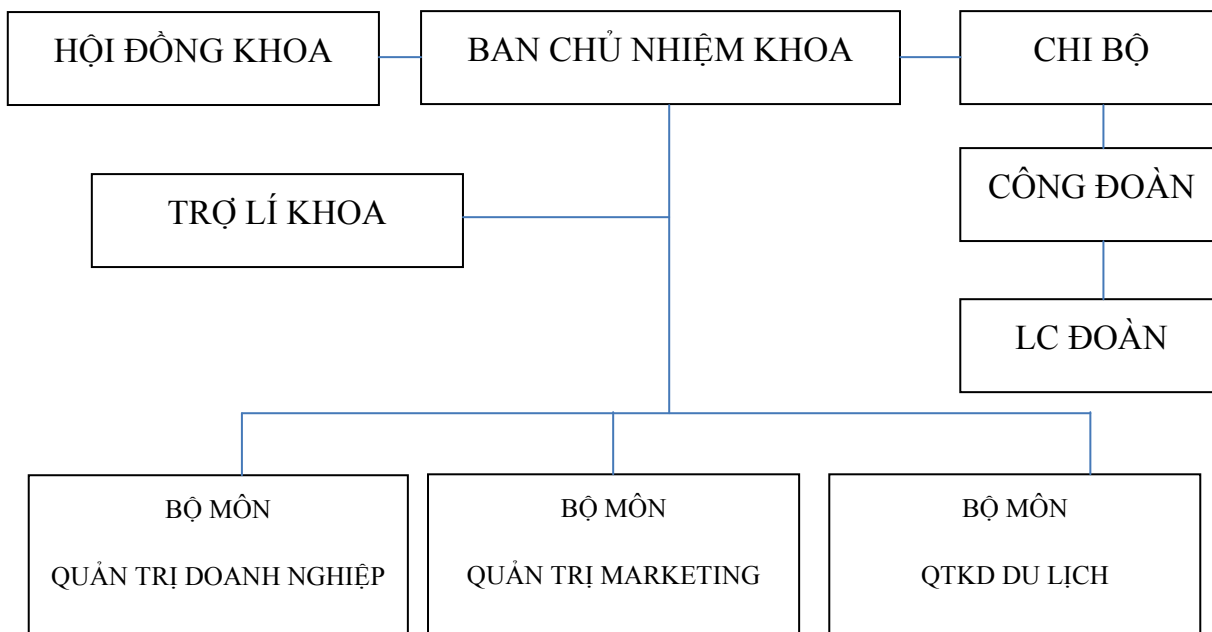
Về công tác sinh viên, với nhiệm vụ quản lý sinh viên, lãnh đạo và cán bộ, giảng viên trong Khoa đã thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị khác trong Học viện triển khai nhiều hoạt động cho sinh viên trong suốt quá trình học tập tại Học viện. Bên cạnh các hoạt động chung của Học viện, khoa QTKD có tổ chức một câu lạc bộ Startup & Marketing riêng cho sinh viên sinh hoạt. Các hoạt động của câu lạc bộ này thường rất đa dạng từ tổ chức, các cuộc tham gia các cuộc thi về khởi nghiệp, hội thảo hội chợ nghề nghiệp, thực chiến kinh doanh cùng doanh nghiệp

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

25.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển



25.2 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của khoa Quản trị kinh doanh



25.3 Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Ban Giám đốc	Đào Văn Hùng	1960	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giám đốc	0903418235	daohungvan@gmail.com
		Trần Trọng Nguyên	1972	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Giám đốc	0912142282	trongnguyen@mpi.gov.vn
		Giang Thanh Tùng	1967	Tiến sĩ, Phó Giám đốc	0904121967	tunggiangthanh@mpi.gov.vn
		Nguyễn Thế Vinh	1977	Tiến sĩ, Phó Giám đốc	0903282737	vinh.nt@apd.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT – khoa QTKD					

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
<i>I.</i>	<i>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</i>					
1.	Khoa Quản trị Kinh doanh	Vũ Thị Minh Luận	1975	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0979128458	vuminhluan@gmail.com
		Vũ Đình Hòa	1983	Tiến sĩ, Phó trưởng khoa	0945675990	vudinhhoa@apd.edu.vn
<i>II</i>	<i>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị phối hợp</i>					
2.	Viện Đào tạo quốc tế	Đào Hoàng Tuấn	1985	Tiến sĩ, Viện trưởng	0966192042	tuandhapd@apd.edu.vn
3.	Khoa Kinh tế	Nguyễn Thanh Bình	1973	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0983835518	nguyenthambinhapd@gmail.com
4.	Khoa Luật kinh tế	Nguyễn Như Hà	1982	Tiến sĩ, phụ trách Khoa	0902468579	Nhuha.apd@gmail.com
5.	Khoa Tài chính – Đầu tư	Nguyễn Thạc Hoát	1960	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0978430366	thachuat123@gmail.com
6.	Khoa Kinh tế phát triển	Lê Huy Đoàn	1975	Tiến sĩ, Phó trưởng khoa phụ trách	0965799007	doanlhtapl@gmail.com
7.	Khoa Kinh tế đối ngoại	Bùi Thúy Vân	1977	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0355100506	bx.van@apd.edu.vn
8.	Khoa Cơ bản	Trần Trọng	1972	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa	0912142282	trongnguyen@mpi.gov.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
		Nguyễn				
9.	Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Thế Hùng	1977	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0772555669	hungnt888@gmail.com
10.	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác	Võ Xuân Hoài	1984	Thạc sĩ, Phụ trách Phòng	0904849515	vo.xuanhoai@gmail.com
11.	Phòng Tổ chức – Hành chính	Lê Hồng Quân	1967	Thạc sĩ, Trưởng phòng	0904281693	hongquanle271@gmail.com
12.	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Chu Thị Ngọc Trâm	1980	Thạc sĩ, Kế toán trưởng	0903449498	ngoctram.apd@gmail.com
13.	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Nguyễn Tiến Hùng	1971	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0904694099	hunghoavi@gmail.com

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
14.	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Lê Minh Vân	1962	Cử nhân, Giám đốc Trung tâm	0904281734	vanylempi@yahoo.com
15.	Trung tâm Hỗ trợ đào tạo	Nguyễn Mã Lương	1978	Thạc sĩ, Giám đốc Trung tâm	0977626233	nguyenmaluong03@gmail.com
16.	Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông	Đàm Thanh Tú	1981	Tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm	0912426326	dt.hvtc@gmail.com
17.	Trung tâm Tư vấn, Bồi dưỡng và Phản biện chính sách	Võ Xuân Hoài	1984	Thạc sĩ, Phụ trách Trung tâm	0904849515	vo.xuanhoai@gmail.com

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo đại học: 02

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

29. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu ⁴ <i>Trong đó:</i>	03	07	10
I.1	Cán bộ trong biên chế	02	07	
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	01		
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ⁵)	04	04	08
	Tổng số	07	11	18

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ⁶ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	2	1			1	
3	Tiến sĩ KH						
4	Tiến sĩ	7	3			4	
5	Thạc sĩ	9	5	1		3	
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	18	9	1		8	

⁴Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

⁵Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

⁶Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 10 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 10/18 ~ 55.6 %

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 31).

Số liệu bảng 31 được lấy từ bảng 30 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng giảng viên	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0	2	1			1		3.6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0						0
4	Tiến sĩ	2	7	3			4		7.6
5	Thạc sĩ	1	9	5	1		3		6.6
6	Đại học	0,5							0
	Tổng		18	9	1		8		17.8

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0								
2	Phó Giáo sư	01	10		01			01		
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	03	30	01	02		02	01		
5	Thạc sĩ	06	60	02	04	02	03	01		
6	Đại học									
	Tổng	10	100	03	07	02	05	03		

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 35 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 04/10~ 40%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ trên thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 06/10~60%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	20	70

2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30	30
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	30	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	20	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100%	100%

Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2014	144	58	1-2.8	58	17/10	18	0
2015	126	61	1-2	52	19/10	20	0
2016	142	50	1-2.8	50	19.44/10	19.75	0
2017	317	139	1-2.5	134	19/10	21	0
2018	352	140	1-2.5	131	19/10	18,5	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	133	184	202	285	354

Các tiêu chí	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
Trong đó:					
Hệ chính quy	133	184	202	285	354
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	0	0	0	0	0
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	133	184	202	285	354
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	0	0	0	0	0
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	0	0	0	0	0

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
Số lượng(người)	25	66	42	89	100
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	18.8	35.9	20.8	31.2	28.2

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	0	26	43	31	12
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	0	0	43	31	12
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0	0	88	53.4	23.5
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			100	100	100
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			0	0	0
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp			0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013 - 2014	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018
tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.			92.3	91.67	70
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.			100	100	100
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).			0	0	0
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (trđ)			5.2	6	6
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyên xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).			69,62	74,55	73,33
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).			30,38	25,45	26,67
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).			0	0	0

Ghi chú:

Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	1	2
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	2	3	5	5	17
3	Đề tài cấp trường	0,5	4	2	2	1	4	6.5
4	Tổng		6	4	5	6	10	25.5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 25.5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 25.5/10 ~ 2.55

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu(triệu VNĐ/ người)
1	20...			
2	20...			

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	6	8	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	1	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	1	7	8	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	1	2	6
2	Sách giáo trình	1,5	0	1	0	1	0	3
3	Sách tham khảo	1,0	0	1	2	0	1	4
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	1	2	2	3	13

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 13

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 13/10 ~ 1,3

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	2	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	1	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	2	1	0

47. Số lượng bài báo khoa học của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2	3	2	1	5	19.5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	4	0	0	3	9	16
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		6	3	2	4	14	35.5

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 35.5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 35.5/10 ~ 3.55

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	2	4	
Từ 6 đến 10 bài báo	1	1	
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	
Trên 15 bài báo	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	3	5	

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	0	1	0	1	4
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	0	0	2	3	3
3	Hội thảo cấp trường	0,25	4	0	0	0	0	1
4	Tổng		7	0	1	2	4	8

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi):

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 8/10 ~ 0.8

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	2	3	3
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	2	3	3

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2014 - 2015	0
2015 - 2016	0
2016 - 2017	0
2017 - 2018	0
2018 - 2019	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	322	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	322	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

51.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014 - 2015	2015 - 2016	2016 -2017	2017 -2018	2018 - 2019
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	01 Giải nhất cấp Học viện	01 Giải Ba Toàn quốc	01 giải khuyến khích toàn quốc	02 giải khuyến khích toàn quốc	01 giải khuyến khích toàn quốc
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	01	01	01	02	1

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

	Cơ sở tại D25	Cơ sở tại Nam An Khánh
53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m ²):	2.351,8	50.876
54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m ²)	2.351,8	50.876
55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m ²):		
- Nơi làm việc:	872,9	4.020
+ Nơi học:	1.950	14.884
+ Nơi vui chơi giải trí:	0	3.160
56. Diện tích phòng học (tính bằng m ²)		
- Tổng diện tích phòng học:	1.950	13.811
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:	1	5

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện:

- 1587 đầu sách, hơn 20 báo và tạp chí và trên 30000 tài liệu số.

- Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 136

Dùng cho hệ thống văn phòng: 79

Dùng cho người học học tập: 57

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,38

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu (người): 10

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 83.3

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 40

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 60

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 354

Tỷ số người học chính quy trên GV: 19.7

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 60%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 20

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 6.5

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 73.33

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 26.67

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,55

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,3

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3.55

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.8

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,38

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 5.5

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 1,91

Phụ lục 2. Quyết định thành lập hội đồng và kế hoạch tự đánh giá

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
Số: 670/QĐ-HVCSPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân
ngành Quản trị kinh doanh
Học viện Chính sách và Phát triển

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ- BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018 của Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

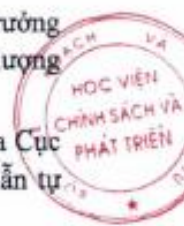
Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Trưởng khoa Quản trị Kinh doanh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh Học viện Chính sách và Phát triển gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh Học viện Chính sách và Phát triển theo Quy



định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1.3;
- Khoa KHPT (để thực hiện)
- Lưu: TCHC; KT&ĐBCL(10 bản).

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Đào Văn Hùng

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

*(Kèm theo Quyết định số 670/QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 8 năm 2019
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đào Văn Hùng	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện	Chủ tịch
2	Nguyễn Thế Vinh	P.Giám đốc Học viện	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Thị Minh Luận	Trưởng Khoa QTKD	Phó Chủ tịch thường trực
4	Lê Minh Vân	Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCL	Thư ký
5	Lê Hồng Quân	Chủ tịch công đoàn Học viện, Trưởng P.TCHC	Ủy viên
6	Vũ Đình Hòa	Bí thư đoàn thanh niên, P.Trưởng khoa QTKD	Ủy viên thường trực
7	Đặng Thị Quỳnh Trang	Giảng viên khoa QTKN	Ủy viên
8	Nguyễn Tiến Hùng	Trưởng phòng CT&CTSV	Ủy viên
9	Chu Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng	Ủy viên
10	Nguyễn Thế Hùng	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên
11	Nguyễn Thị Đông	P.Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên
12	Võ Xuân Hoài	Phụ trách phòng KHHT	Ủy viên
13	Ngô Minh Thuận	P.Trưởng bộ môn Triết	Ủy viên
14	Nguyễn Như Hà	Trưởng bộ môn Luật KT	Ủy viên
15	Phạm Thị Diệu Linh	P.Trưởng bộ môn NN	Ủy viên
16	Đàm Thanh Tú	P.Trưởng bộ môn toán	Ủy viên
17	Trần Đỗ Hiền Linh	Sinh viên K7 chuyên ngành QTDN	Ủy viên

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 670/QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 8 năm 2019
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Minh Vân	Giám đốc TT KT&ĐBCL	Trưởng Ban thư ký
2	Trần Thị Thanh Minh	Chuyên viên TTKT&ĐBCL	P.Trưởng Ban thư ký
3	Nguyễn Thị Mai	Chuyên viên TTKT&ĐBCL	Thành viên
4	Nguyễn Đức Hiếu	Chuyên viên TTKT&ĐBCL	Thành viên

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 670/QĐ- HVCSP.T ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Tiêu chuẩn	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Tiêu chuẩn 1;2;3;4;11	Vũ Thị Minh Luận	Trưởng khoa QTKD	Trưởng nhóm
	Nguyễn Tiến Thành	Chuyên viên P.TCHC	Thành viên
	Nguyễn Thị Đông	P.Trưởng P.QLĐT	Thành viên
	Đỗ Thị Hà Anh	Chuyên viên P.HTQT	Thành viên
	Trần Thị Hương Trà	Chuyên viên P.KHTC	Thành viên
	Nguyễn Thị Mai	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thư ký
Nhóm 2: Tiêu chuẩn 6;7;9	Vũ Đình Hòa	P.Trưởng Khoa QTKD	Trưởng nhóm
	Lê Thị Cẩm Thơ	Chuyên viên P.QLĐT	Thành viên
	Bùi Quang Nghĩa	Chuyên viên P. TCHC	Thành viên
	Nguyễn T.Minh Hạnh	Chuyên viên P.HTQT	Thành viên
	Chu Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng	Thành viên
	Nguyễn Đức Hiếu	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thư ký
Nhóm 3: Tiêu chuẩn 5;8;10	Đặng Thị Quỳnh Trang	Giảng viên khoa QTKD	Trưởng nhóm
	Lê Thị Hoài Thương	Trợ lý khoa QTKD	Thành viên
	Phạm Thị Nhâm	Chuyên viên P. KHTC	Thành viên
	Nguyễn Thu Phương	Chuyên viên P.QLĐT	Thành viên
	Đỗ Kiến Vọng	P. Trưởng phòng CT&CTSV	Thành viên
	Ngô Thị Thanh Hoa	Chuyên viên P.TCHC	Thành viên
	Trần Thị Thanh Minh	Chuyên viên TT TT&ĐBCL	Thư ký

(Danh sách gồm có 19 người)

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích tự đánh giá

Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh so với bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trên cơ sở kết quả đánh giá để Khoa và Học viện xây dựng kế hoạch đảm bảo, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh

Làm căn để Học viện đăng ký kiểm định chất lượng theo Bộ Tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT của Ngành Quản trị kinh doanh theo bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học.

3. Công cụ đánh giá

Sử dụng bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ đại học được ban hành tại thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các tài liệu hướng dẫn khác có liên quan.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được thành lập theo Quyết định số 670/QĐ-HVCPST ngày 12/8/2019 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển, Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo)

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo)

4.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1+2+3+4+11	Nhóm 1		
2	Tiêu chuẩn 6+7+9	Nhóm 2		

3	Tiêu chuẩn 5+8+10	Nhóm 3		
---	-------------------	--------	--	--

5. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài

Trong quá trình thực hiện công tác tự đánh giá nếu có vấn đề gì liên quan đến nội dung cần phải tư vấn thì khoa sẽ chủ động đề xuất thuê chuyên gia thông qua Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trung tâm sẽ làm đầu mối tổng hợp và báo cáo Giám đốc quyết định.

6. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 10/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Họp Ban Giám đốc và Lãnh đạo khoa Quản trị kinh doanh để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá. • Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá: • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá. • Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao.
Tuần 3-4 10/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Học viện tổ chức tập huấn tự đánh giá CTĐT. • Họp Hội đồng TĐG để thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng và Ban thư ký. • Thông qua dự thảo kế hoạch tự đánh giá. • Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ giảng viên, nhân viên và sinh viên. • Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt • Trưởng 03 nhóm tổ chức họp các nhóm chuyên trách: <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, phân tích nội hàm từng tiêu chuẩn/tiêu chí; - Xây dựng danh mục minh chứng dự kiến cần thu thập (Xác định các minh chứng đã có, các minh chứng nào cần được phục dựng); - Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.
Tháng 11/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Các nhóm tiến hành thu thập minh chứng theo phân công của trưởng nhóm. • Bắt đầu thu thập số liệu của phụ lục 8.

	<ul style="list-style-type: none"> • Trưởng 03 nhóm tổ chức họp các nhóm chuyên trách: - Nghiên cứu nội dung của minh chứng để đánh giá mức độ phù hợp; - Phân công các thành viên viết báo cáo cho từng tiêu chí, thực hiện mã hóa minh chứng khi viết báo cáo; - Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết)
Tuần 1-2 12/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Trưởng 03 nhóm tổ chức họp các nhóm chuyên trách: - Thông qua báo cáo tiêu chí và đề xuất chỉnh sửa; - Thành viên nhóm chuyên trách chỉnh sửa theo góp ý của Nhóm; - Trưởng nhóm chuyên trách và thư ký tổng hợp thành báo cáo cáo tiêu chuẩn và nộp cho Thư ký Hội đồng. - Thu thập bổ sung thông tin minh chứng (nếu cần thiết)
Tuần 3-4 12/2019	<ul style="list-style-type: none"> • Thư ký Hội đồng TĐG họp với các nhóm chuyên trách để thông qua báo cáo tổng hợp, thống nhất cách mã hóa lại minh chứng cho toàn báo cáo. • Thu thập bổ sung thông tin , minh chứng (nếu cần thiết) • Viết các phần mở đầu và kết luận của báo cáo TĐG • Thư ký Hội đồng họp với các nhóm chuyên trách: <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí của các nhóm chuyên trách; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo TĐG CTĐT; - Kết nối, biên tập phần báo cáo; - Kết nối, biên tập phần minh chứng và phụ lục; - Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung. • Ban Thư ký gửi báo cáo cho Hội đồng TĐG để xin ý kiến.
Tuần 1-2 01/2020	<ul style="list-style-type: none"> • Ban thư ký chỉnh sửa báo cáo TĐG theo góp ý của Hội đồng TĐG. • Ban Thư ký công bố bản báo cáo TĐG và xin ý kiến góp ý của các bên liên quan.

	<ul style="list-style-type: none"> • Ban Thư ký họp các nhóm chuyên trách thống nhất về việc chỉnh sửa báo cáo để có số liệu thống nhất chung cho toàn báo cáo. • Hội đồng TĐG CTĐT họp để bổ sung, hoàn thiện báo cáo TĐG
<p>Tuần 3 Tháng 01/2020</p> <p>Tuần 1 Tháng 02/2020</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Ban Thư ký họp các nhóm chuyên trách rà soát lại báo cáo TĐG, danh mục minh chứng chỉnh sửa theo góp ý của Hội Đồng TĐG lần cuối. • Hội đồng TĐG CTĐT họp để chốt bản báo cáo TĐG cuối cùng. • Hoàn thiện thủ tục hồ sơ báo cáo TĐG gửi Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo. • Đăng ký đánh giá ngoài CTĐT.

Nơi nhận:

- Khoa QTKD (để thực hiện)
- BGĐ (để b/c)
- Lưu: TCHC; KT&ĐBCL(20 bản).

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)



PGS, TS. Đào Văn Hùng